

ISSN 1859-4212

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ

ĐẶC SAN

Khoa học và Công nghệ

Số 1
2019



Hoạt động khoa học và công nghệ Quảng Trị

Đổi mới toàn diện các lĩnh vực, ngày càng gắn với thực tiễn đời sống và phục vụ có hiệu quả sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

KỶ HỢI

2019

*Chúc mừng
năm mới*



TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

- Một số hình ảnh hoạt động khoa học và công nghệ Quảng Trị nổi bật năm 2018 4
BBT
- Hoạt động khoa học và công nghệ Quảng Trị: Đổi mới toàn diện các lĩnh vực, ngày càng gắn với thực tiễn đời sống và phục vụ có hiệu quả sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương 12
Trần Ngọc Lân
- Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, xây dựng và phát triển thương hiệu gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm trong xây dựng nông thôn mới 22
Trần Thiềm
- Chính sách hỗ trợ, ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2025 về lĩnh vực Sở hữu trí tuệ 28
Lê Đình

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- Truyền thông Khoa học và Công nghệ: Thực tiễn và một số giải pháp 34
Thái Thị Nga
- Kết quả đề tài khoa học và công nghệ: Từ nghiên cứu đến thực tiễn 40
Hồ Mỹ Anh
- Nghiên cứu ứng dụng than sinh học và đất sét nung để xử lý nước thải sinh hoạt 46
Nguyễn Xuân Cường, Trần Thị Cúc Phương, Hoàng Văn Hoan

KHOA HỌC VÀ ĐỜI SỐNG

- Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Linh chi hòa tan “Đất Lửa”: Làm chủ công nghệ chế biến, sản xuất và thương mại hóa sản phẩm 52
Nguyễn Ngọc Huỳnh
- Nuôi tôm siêu thâm canh: Hướng phát triển bền vững trong xây dựng vùng nuôi thủy sản ứng dụng công nghệ cao 60
Nguyễn Thị Hải Yến
- Phát triển cây dược liệu trên địa bàn huyện Cam Lộ 63
Trần Hoài Linh

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

- Địa chí Quảng Trị: Công trình khoa học quan trọng trong việc gìn giữ và phát huy những giá trị văn hoá, truyền thống của đất nước, con người Quảng Trị 68
Minh Ngọc
- Khe sanh, “Mảnh đất, đời người” 76
Võ Văn Luyến
- Làng cổ Hội Kỳ - Những giá trị di sản kiến trúc, cảnh quan cần bảo tồn và kế thừa trong quá trình phát triển 81
Hoàng Đức Anh Vũ
- Không gian “thiên” trong ngôi nhà truyền thống của người Việt Quảng Trị 87
Nguyễn Thị Nương

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

- Nâng cao đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên trong tình hình mới 92
Trần Văn Toàn



CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

ThS. Trần Ngọc Lân
Giám đốc Sở KH&CN Quảng Trị

TRƯỞNG BAN BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Bình

THƯ KÝ

Thái Thị Nga

TRÌNH BÀY

Nguyễn Thị Hòa
Nguyễn Sỹ Tiến

CƠ QUAN THỰC HIỆN

Trung tâm Thông tin và Thống kê
khoa học và công nghệ Quảng Trị
Địa chỉ: 204 Hùng Vương - Đông Hà -
Quảng Trị. Điện thoại: (0233) 3857030.
Email: dacsan.khcn.kt@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số: 122/GP-XBĐS ngày 02/11/2018
của Cục Báo chí - Bộ Thông tin
và Truyền thông. In 300 cuốn, khổ
20x28cm tại Công ty TNHH Song Lam,
47 Lê Thế Hiếu - Đông Hà - Quảng Trị.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 1/2019

Trình bày bìa: Nguyễn Thị Hòa



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
Chúc mừng năm mới

2019



Nhân dịp năm mới Xuân Kỷ Hợi 2019, Ban Biên tập Đặc san Khoa học và Công nghệ Quảng Trị trân trọng gửi đến các đồng chí lãnh đạo, các nhà quản lý, các nhà khoa học, cộng tác viên và bạn đọc gần xa lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

BAN BIÊN TẬP
ĐẶC SAN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ



MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ NỔI BẬT NĂM 2018



Thứ trưởng Bộ KH&CN Việt Nam, Ông Trần Văn Tùng (đầu tiên, bên trái) và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Lào (thứ hai từ trái qua) thăm Gian trưng bày sản phẩm của Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị tại Diễn đàn Xúc tiến chuyển giao công nghệ Việt Nam - Lào 2018 do Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ Lào tổ chức. Ảnh: Quyết Tiến



Ông Nguyễn Văn Hùng - UVTW Đảng - Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch HĐND tỉnh trao Giấy chứng nhận Chỉ dẫn địa lý “Hạt tiêu Quảng trị” cho Ông Trần Ngọc Lâm - TUV - Giám đốc Sở KH&CN tại Lễ Công bố Chỉ dẫn địa lý “Hạt tiêu Quảng Trị” và nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận tỉnh Quảng Trị. Ảnh: Tư liệu



Bộ trưởng Chu Ngọc Anh (thứ tư từ trái qua) thăm gian hàng trưng bày các sản phẩm tiêu biểu của tỉnh Quảng Trị tại Hội nghị giao ban khoa học và công nghệ Vùng Bắc trung bộ năm 2018. Ảnh: Thái Nga



Phó chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị Nguyễn Quân Chính thăm gian hàng trưng bày các sản phẩm tiêu biểu của tỉnh Quảng Trị tại Hội nghị giao ban khoa học và công nghệ Vùng Bắc trung bộ năm 2018. Ảnh: Thái Nga



UBND tỉnh Quảng Trị và Tổ chức phát triển công nghiệp, công nghệ và năng lượng mới Nhật Bản (NEDO) tổ chức Lễ ký kết bàn giao thiết bị Dự án đèn led cho tàu đánh bắt xa bờ Quảng Trị. Ảnh: Tư liệu



“Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp sinh viên” là hoạt động khởi nghiệp nổi bật trong năm với sự phối hợp tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị và Tỉnh đoàn, Đoàn Thanh niên Khối Doanh nghiệp tỉnh cùng Đoàn trường các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh. Ảnh: Baquangtri.vn



Chương trình kiểm tra, giám sát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2018 thực hiện sơ kết Chương trình hành động số 64-CTHĐ/TU về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW.

Ảnh: Hải Yến

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



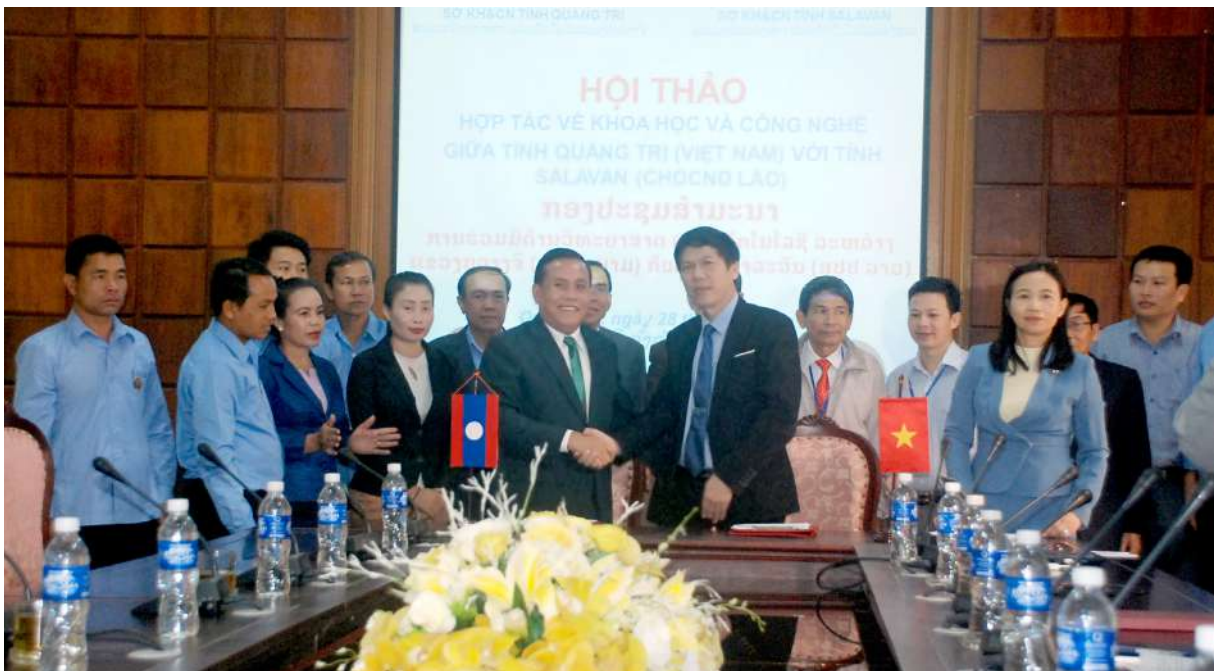
Sản phẩm của Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN Cà gai leo - Linh chi hòa tan CAGALI đạt giải nhì và Chè Vàng hòa tan TRALAVANG đạt giải ba trong nhóm 40 sản phẩm được công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu năm 2018. Ảnh: Congthuong.vn



Hội thảo khoa học lấy ý kiến góp ý Chuyên gia về bản thảo Công trình Địa chí Quảng Trị.
Ảnh: Hải Yến



Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị đã làm việc với Phân hiệu Trường Đại học Kasetsart tại tỉnh Chalemphrakiat Sakon Nakhon - Thái Lan nhằm thảo luận và thống nhất hợp tác trong lĩnh vực KH&CN. Ảnh: Ngọc Tuấn



Tổ chức Ký kết biên bản Hội thảo về kế hoạch hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ giai đoạn 2019-2020 giữa hai Sở KH&CN của hai tỉnh Quảng Trị và Salavan. Ảnh: Hải Yến

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Lễ ký kết chương trình phối hợp hoạt động giữa Sở KH&CN Quảng Trị và Tỉnh đoàn Quảng Trị giai đoạn 2018 - 2022. Ảnh: Hải Yến



Trạm Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ Bắc Hướng Hóa tích cực triển khai các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ. Ảnh: Sỹ Tiến



Nằm trong chuỗi sự kiện các hoạt động tuyên truyền, chào mừng Ngày khoa học và công nghệ 18/5, Sở KH&CN phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tổ chức Hội thảo “Phát huy vai trò và trách nhiệm của trí thức khoa học và công nghệ trong sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh”. Ảnh: Hải Yến





HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ: ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN CÁC LĨNH VỰC, NGÀY Càng GẮN VỚI THỰC TIỄN ĐỜI SỐNG VÀ PHỤC VỤ CÓ HIỆU QUẢ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG

TRẦN NGỌC LÂN

TUV - Giám đốc Sở KH&CN Quảng Trị

Năm 2018 là năm ngành khoa học và công nghệ (KH&CN) tỉnh nhà có thêm những bước chuyển mình vượt bậc, được sự quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ của Bộ KH&CN sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban ngành, địa phương; đặc biệt là sự tiếp tục đổi mới, năng động, quyết liệt, kiên trì, nâng cao trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Lãnh đạo Sở KH&CN, sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ cán bộ ngành KH&CN tỉnh, hoạt động KH&CN Quảng Trị đã có nhiều chuyển biến, đạt được một số tiến bộ và kết quả nhất định, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI nửa đầu nhiệm kỳ 2016-2020.

Công tác nghiên cứu và triển khai đã chú trọng xác định các nội dung gắn liền với sản phẩm cụ thể, gắn với việc phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực, giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội cấp bách của tỉnh; các đề tài, dự án có địa chỉ ứng dụng cụ thể, kể cả trong lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn; nhiều sản phẩm KH&CN đã được thương mại hóa.

Tiêu biểu trong lĩnh vực nông nghiệp, đã triển khai ứng dụng công nghệ vi sinh sản xuất chế phẩm probiotic có các chủng vi sinh vật hữu ích phù hợp với điều kiện tỉnh Quảng Trị và ứng dụng bổ sung vào thức ăn nuôi trồng thủy sản phục vụ phát triển nghề nuôi trồng thủy sản nói chung, phát triển nghề nuôi tôm nói riêng theo hướng sản xuất hàng hoá

có sức cạnh tranh cao phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu, theo hướng phát triển bền vững. Đối với lúa, là sản phẩm chủ lực của tỉnh, đã tiến hành nghiên cứu khảo nghiệm tập đoàn giống lúa mới ngắn ngày, chất lượng cao để bổ sung vào cơ cấu bộ giống lúa chủ lực của tỉnh và phục tráng giống lúa HC95 nhằm tạo ra được 1 bộ giống tốt, sạch bệnh mang các đặc tính tốt ban đầu của giống gốc... Tiến hành nghiên cứu ứng dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học để hoàn thiện quy trình kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh trên cây cam ở vùng đồi K4 nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, tạo ra

rộng mô hình khi tái canh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, thu nhập cho người dân, góp phần phát triển cà phê bền vững, mở rộng ngành hàng cà phê trên địa bàn tỉnh Quảng Trị... Đặc biệt, từ Chương trình Nông thôn miền núi, Sở KH&CN đã tranh thủ được nguồn lực từ Trung ương triển khai 05 dự án hỗ trợ cho người dân vùng ven biển ứng dụng tiến bộ KH&CN trong chăn nuôi bò nhằm chuyển đổi sinh kế và ứng dụng công nghệ sản xuất giống nấm dạng dịch thể, phục vụ nuôi trồng, chế biến nấm theo chuỗi giá trị; đồng thời tập trung phát triển các cây, con chủ lực, tiềm năng



Mô hình trồng nấm Linh chi đỏ tại Gio Linh. Ảnh: Tư liệu

sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, góp phần phát triển cây cam trên địa bàn tỉnh theo hướng an toàn, bền vững. Nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học để xây dựng, tuyển chọn các giống cà phê chè có triển vọng nhất và chuyển giao cho nông dân áp dụng nhân

của tỉnh như: xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sản xuất hoa lan hồ điệp, hoa lily; xây dựng mô hình chăn nuôi gà thịt trang trại tiêu chuẩn VietGAHP theo chuỗi giá trị tại vùng cát, ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình chuỗi giá trị trong sản xuất

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

lạc an toàn theo tiêu chuẩn VietGAHP. Nhiều sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu ứng dụng KH&CN đã đưa ra thị trường và được chấp nhận như: Chè Vàng hòa tan (TralaVang), Cà gai leo - Linh chi hòa tan (Cagali), Linh Chi (Đất lửa); Các loại thực phẩm, thức uống bảo vệ sức khỏe gồm: Nhung Trùng Thảo (Đông Trùng Hạ Thảo), rượu Đông Trùng Hạ Thảo; Tỏi đen (Winner), rượu Tỏi đen... Trong đó, có 02 sản phẩm Cà gai leo - Linh chi hòa tan (Cagali) và Chè vàng hòa tan (Tralavang) được công

Tiêu biểu các nhiệm vụ nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ sấy tiến tiến (sấy ở nhiệt độ thấp) để chế biến, bảo quản một số sản phẩm đặc thù, có giá trị kinh tế cao ở địa phương như: nếm, hồ tiêu, thủy hải sản... góp phần bảo quản được nông sản, đồng thời nâng cao giá trị sản phẩm để hình thành hàng hóa thương mại trong và ngoài nước. Trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn đã tập trung biên soạn Địa chí tỉnh Quảng Trị là một công trình khoa học lớn, là nguồn tài liệu có giá trị khảo cứu về điều kiện tự



Kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh: "Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình thâm canh cây cam bền vững, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng theo hướng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị". Ảnh: Sỹ Tiến

nhận là sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Quảng Trị lần thứ 4 năm 2018 với 01 sản phẩm đạt giải Nhì và 01 sản phẩm đạt giải Ba.

Các nhiệm vụ KH&CN trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ đã tập trung ứng dụng có hiệu quả các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến... phục vụ sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh cao.

nhiên, dân cư, lịch sử, văn hóa, xã hội, các phong tục tập quán... của người dân Quảng Trị từ cổ đại đến ngày nay; qua đó thấy được quá trình biến đổi của tự nhiên, sự thay đổi về địa danh, địa giới của tỉnh Quảng Trị và từng địa phương cũng như tiến trình phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... trên địa bàn tỉnh qua các thời kỳ.

Các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp

đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ KH&CN, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được chú trọng và đạt kết quả cao. Sở KH&CN đã triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020. Qua đó đã giúp các doanh nghiệp sử dụng hiệu quả các nguồn lực để sản xuất ra sản phẩm đạt chất lượng; thúc đẩy tăng trưởng kinh

công nghiệp; đăng ký sử dụng mã số mã vạch, mã QR; 09 doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hướng dẫn 08 tổ chức, cá nhân xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở... Văn phòng TBT Quảng Trị là đầu mối hỗ trợ doanh nghiệp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại, cập nhật các văn bản (bao gồm Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt Nam và các tin cảnh báo của Ủy ban TBT, WTO); các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Hiệp định TBT và các tin bài



02 sản phẩm Cà gai leo - Linh chi hòa tan (Cagali) và Chè vằng hòa tan (Tralavang) được công nhận là sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Quảng Trị lần thứ 4 năm 2018 với 01 sản phẩm đạt giải Nhì và 01 sản phẩm đạt giải Ba. Ảnh: Tư liệu

tế của tỉnh thông qua việc nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm của các doanh nghiệp. Năm 2018, Sở đã tổ chức tập huấn xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 cho 140 học viên của các cơ sở/doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; 02 lớp áp dụng công nghệ mã số mã vạch, mã QR để quản lý thương phẩm trong chuỗi cung ứng. Hướng dẫn hỗ trợ 30 doanh nghiệp xây dựng thương hiệu như thiết kế, đăng ký, bảo hộ và khai thác quyền sở hữu

liên quan hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Công tác hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất đang tích cực triển khai theo chính sách hỗ trợ của *Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 về chính sách hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025*. Năm 2018, Sở KH&CN đã tham mưu UBND tỉnh ban hành *Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của*

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

HĐND tỉnh; ban hành hướng dẫn, quy trình triển khai thực hiện Chính sách. Đến nay, Sở đã tổ chức các Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ các dự án đăng ký thực hiện chính sách hỗ trợ (gồm 08 doanh nghiệp thuộc lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, 14 doanh nghiệp thuộc lĩnh vực sở hữu trí tuệ, 03 dự án thuộc lĩnh vực đổi mới công nghệ và trên 12 dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp).

khởi các doanh nghiệp, Đoàn trường các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tổ chức 02 lớp tập huấn, 01 lớp huấn luyện về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; phối hợp với Tỉnh đoàn Quảng Trị và trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị tổ chức cuộc thi Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp sinh viên 2018 thu hút đông đảo sinh viên tham gia với các ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp trên nhiều lĩnh vực khác nhau.



Trao chứng nhận cho các doanh nghiệp tham gia chung khảo Cuộc thi "Tìm kiếm tài năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo vùng duyên hải miền trung và Tây Nguyên năm 2018" (đại diện Quảng Trị thứ 5 và 11 từ bên trái qua). Ảnh: Tuấn Anh

Thực hiện Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/05/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia đến năm 2020, Sở đã hỗ trợ 05 doanh nghiệp/cá nhân tham gia cuộc thi Tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo - Techfest Bắc Trung Bộ và ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo - Techfest Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên. Phối hợp với Đoàn

Quỹ Phát triển KH&CN tỉnh duy trì cho vay có hiệu quả đối với 03 doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư kỹ thuật, dây chuyền công nghệ mới đầu tư vào sản xuất, góp phần hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Công tác hỗ trợ thành lập doanh nghiệp KH&CN và Quỹ phát triển KH&CN được chú trọng. Năm 2018 trên địa bàn tỉnh đã thành lập thêm được 01 doanh nghiệp KH&CN.

Công tác hỗ trợ doanh nghiệp phát triển tài sản trí tuệ, xây dựng và phát triển thương hiệu đạt kết quả nổi bật, góp phần nâng cao chất lượng, danh tiếng của các sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Năm 2018, đã hướng dẫn về mặt nghiệp vụ sở hữu trí tuệ cho 15 tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tiến hành các thủ tục hồ sơ để đăng ký nhãn hiệu tại Cục Sở hữu trí tuệ. UBND tỉnh đã đề xuất Cục Sở hữu trí tuệ cho phép sử dụng tên nhiều địa danh để xác lập các nhãn hiệu tập thể. 09 sản phẩm đặc sản của 09 địa phương trong toàn tỉnh đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ nhãn hiệu tập thể/nhãn hiệu chứng nhận. Đặc biệt, năm 2018, chỉ dẫn địa lý hạt tiêu Quảng Trị đã mở rộng khu vực địa lý bao gồm 38 xã, thị trấn trên địa bàn 4 huyện Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh, Hướng Hóa. Đây là tiền đề để sản phẩm đặc sản hồ tiêu Quảng Trị tiếp tục phát triển bền vững, khẳng định được giá trị, thương hiệu ở trong và ngoài nước. Số lượng các văn bằng về nhãn hiệu hàng hoá trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được bảo hộ năm 2018 là 25 văn bằng, cao nhất từ trước đến nay.

Công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ hạt nhân... được triển khai toàn diện. Công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng ngày càng gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Công tác an toàn bức xạ được duy trì và nâng cao chất lượng, đảm bảo việc sử dụng, lưu giữ nguồn phóng xạ tại cơ sở an toàn. Công tác thanh tra được tăng cường, đã xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật; góp phần hạn chế hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, bảo vệ người tiêu dùng, từng bước chấn chỉnh và đưa hoạt động kinh doanh vào

nề nếp. Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức KH&CN đã tạo sự chuyển biến rõ rệt trong việc nâng cao nhận thức xã hội về chủ trương, đường lối của Đảng đối với KH&CN. Tiềm lực, trình độ KH&CN của tỉnh được nâng cao, góp phần quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế. Hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN với Nhật Bản, Thái Lan, CHDCND Lào... có những bước phát triển mới, qua đó đã tiếp nhận, chuyển giao công nghệ nhằm tranh thủ nguồn kinh phí lớn, nguồn nhân lực KH&CN có chất lượng cao và huy động được sự tham gia của nhiều cơ quan, đơn vị để nâng cao tiềm lực KH&CN cho tỉnh, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Năm 2019 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI trong nửa cuối nhiệm kỳ 2015-2020, là năm ngành KH&CN tập trung triển khai thực hiện 10 nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 2110/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Kết luận số 88-KL/TU ngày 19/7/2018 của Tỉnh ủy về tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI trong nửa đầu nhiệm kỳ 2015-2020. Tiếp tục phát huy những thành tựu đạt được, ngành KH&CN trong năm 2019 cần tập trung triển khai những nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025, Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện

Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh.

2. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ KH&CN phục vụ sản xuất và đời sống. Ưu tiên ứng dụng có hiệu quả các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến... phục vụ sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh cao.

3. Hoàn thành xuất bản, công bố công trình Địa chí Quảng Trị. Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Rà soát các đề tài đã nghiệm thu ứng dụng trong thực tiễn để có giải pháp phát huy hiệu quả vào sản xuất và đời sống. Các đề tài triển khai theo hướng có địa chỉ ứng dụng cụ thể, chú trọng hỗ trợ tiến bộ kỹ thuật, nhân rộng kết quả nghiên cứu để tăng giá trị sản phẩm. Tập trung nghiên cứu các lĩnh vực nông nghiệp và cây dược liệu để tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng, các đề tài liên quan đến nhãn hiệu, thương hiệu của Quảng Trị.

4. Thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh để phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tham mưu UBND tỉnh ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia đến năm 2025 của tỉnh Quảng Trị. Hình thành được 01 - 02 doanh nghiệp KH&CN và 01 - 02 Quỹ phát triển KH&CN trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng, xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản, sản phẩm truyền thống của tỉnh, ưu tiên các sản phẩm nằm trong Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm – OCOP" tỉnh Quảng Trị. Tăng cường công tác quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm đặc sản, truyền thống, sản

phẩm chủ lực của tỉnh sau khi đã được xác lập quyền sở hữu trí tuệ.

6. Tăng cường và chuẩn hóa hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, vừa bảo vệ lợi ích nhà nước và của người tiêu dùng, đồng thời phải tạo thuận lợi tối đa cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tập trung thanh tra, kiểm tra vào các vấn đề cấp thiết như: đồng hồ đo đếm điện năng, đồng hồ đo nước lạnh, chất lượng xăng dầu, mũ bảo hiểm, đồ chơi trẻ em, thiết bị điện - điện tử... Chú trọng phối hợp với đơn vị liên quan để giảm số lần thanh tra, kiểm tra tại các doanh nghiệp, tránh ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bình thường của các doanh nghiệp.

7. Phát triển thị trường công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyển giao công nghệ diễn ra mạnh mẽ trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác thẩm định công nghệ các dự án đầu tư. Tăng cường phổ biến, triển khai Luật Chuyển giao công nghệ (sửa đổi) năm 2017. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh về thẩm định công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo Luật Chuyển giao công nghệ (sửa đổi) năm 2017.

8. Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các phòng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ. Tổ chức hợp nhất 02 đơn vị: Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN, Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN thành Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin Khoa học và Công nghệ theo Quyết định số 2677/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 về việc thành lập Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin Khoa học và Công nghệ, trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ và đưa Trung tâm đi vào hoạt động hiệu quả.

9. Đẩy mạnh công tác cải cách

hành chính. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 của UBND tỉnh và Kế hoạch áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của UBND phường, xã, thị trấn giai đoạn 2015 - 2020 theo lộ trình.

10. Tăng cường công tác hợp tác quốc tế về KH&CN với CHDCND Lào, Thái Lan, Nhật Bản, Cộng hòa Pháp... nhằm tăng cường chuyển giao công nghệ, tăng cường tiềm lực KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

11. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực KH&CN đảm bảo chất lượng, phục vụ và giải quyết các vấn đề KH&CN của ngành và của tỉnh, phù hợp với định hướng phát triển. Tuyển dụng, sắp xếp lại hệ thống tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, chất lượng, hiệu quả.

12. Tăng cường tiềm lực KH&CN thông qua việc tổ chức triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển KH&CN.

Tập trung vào việc xây dựng mới, nâng cấp, tăng cường năng lực, nghiên cứu triển khai của các tổ chức KH&CN, các cơ sở ứng dụng và chuyển giao KH&CN, tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ trên, toàn ngành phải triển khai đồng bộ, quyết liệt nhiều giải pháp, trong đó cần phải tập trung đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN, đổi mới cơ chế hoạt động của các tổ chức KH&CN, đổi mới quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, cơ chế, chính sách tuyển dụng, sử dụng và trọng dụng cán bộ KH&CN. Đồng thời phải kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN, tăng cường tiềm lực KH&CN trên các lĩnh vực. Như vậy, hoạt động KH&CN năm 2019 của tỉnh chắc chắn sẽ có nhiều khởi sắc, phục vụ có hiệu quả cho sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương./.

T.N.L





Biển xuân

LÝ THỊ MINH CHÂU

Khi anh chọn biển là nhà
Đảo là quê mẹ
Tổ quốc thêm tự hào dũng khí bốn ngàn năm
Khát vọng thanh bình căng phồng ngực trẻ
Gian lao dâng hiến âm thầm

Khi anh chọn đảo là nhà
Biển là quê mẹ
Bão nộ sóng cuồng có nghĩa gì đâu
Xuân vẫn về trong bát ngát thương yêu
Bánh chưng lá bàng vẫn xanh hồn nước

Dẫu hoa đá vẫn là hoa rất đẹp
Hoa của nghìn trùng
Hoa của biển khơi
Đến bên em hoa hoá thành lời
Tình sẽ đẹp từ những điều giản dị

Khi anh chọn biển là nhà
Đảo là quê mẹ
Tự trong lòng em đã hoá biển khơi
Sát cánh bên anh giữ biển canh trời
Xuân bất tận như tình em bất tận



Tết quê

LÝ THỊ MINH CHÂU

Tết nào bằng Tết ở quê
 Hăm ba tháng chạp đã nghe xuân rồi
 Tiên đưa ông Táo về trời
 Nồi niêu ở lại cho đời làm tin

Xinh tươi dưới nắng thanh bình
 Đào mai lan cúc hoa hình nàng xuân
 Người về cho nụ môi gần
 Cho duyên tơ thắm
 Cho ân ái thành

Ấm êm bên mái gia đình
 Khép ngày phiêu dạt lênh đênh xứ người
 Bên nồi bánh nếp ứng sôi
 Nghe như xuân đã mở lời chào ta

Mở lòng ra trước muôn hoa
 Để nghe trời đất hoan ca thái bình
 Tết quê là nghĩa là tình
 Lý đầu trăm họ chỉ mình ta vui



ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU GẮN VỚI CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

TRẦN THIÊM

Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ (KH&CN), xây dựng và phát triển thương hiệu là nội dung quan trọng trong Chương trình OCOP quốc gia cũng như của tỉnh. Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ cho rằng, cần đẩy mạnh ứng dụng KH&CN và bảo hộ sở hữu trí tuệ trong phát triển sản phẩm OCOP từ Trung ương đến địa phương. Chương trình OCOP sẽ tác động mạnh mẽ tới thương hiệu, chất lượng hàng hóa, dịch vụ nông nghiệp Việt Nam.

Ngày 22/8/2018, Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia đoạn 2016-2020 đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-BCĐTW về Kế hoạch triển khai Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm – OCOP”. OCOP là giải pháp quan trọng cho tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp, phát triển sản xuất và xây dựng nông thôn mới, là động lực cho phát triển bền vững của đất nước.

Ngày 17/10/2018, UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020. Theo đó, để hoàn thành các nhiệm vụ của chương trình, đồng thời triển khai chương trình đạt hiệu quả cao, tỉnh Quảng Trị xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm để tái cơ cấu ngành nông nghiệp, góp phần xây dựng nông thôn

mới. Mục đích chính của Chương trình OCOP là thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, phù hợp với nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Cũng thông qua chương trình này để khai thác tiềm năng, lợi thế nông nghiệp, nông thôn quy mô cấp xã, huyện nhằm đưa nông nghiệp trở thành một trong những trụ cột kinh tế của Quảng Trị.

lan tỏa trên thị trường.

Đẩy mạnh ứng dụng KH&CN, xây dựng và phát triển thương hiệu là nội dung quan trọng trong Chương trình OCOP quốc gia cũng như của tỉnh. Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ cho rằng, cần đẩy mạnh ứng dụng KH&CN và bảo hộ sở hữu trí tuệ trong phát triển sản phẩm OCOP từ Trung ương đến địa phương. Chương trình OCOP sẽ



Để xây dựng thương hiệu và quảng bá, tuyên truyền cho các sản phẩm đặc sản địa phương, Phòng Quản lý chuyên ngành thuộc Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Phòng Kinh tế, Phòng Kinh tế - hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở "Xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm đặc sản, truyền thống mang yếu tố địa danh ở các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh".

Ảnh: Hải Yến

Để làm được những điều đó, tỉnh Quảng Trị đang chỉ đạo để thực hiện chương trình một cách có hiệu quả. Một trong những giải pháp then chốt là ứng dụng khoa học và công nghệ (KH&CN) vào sản xuất, chế biến, bảo quản, khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp; chế biến nông sản ứng dụng công nghệ cao; xây dựng thương hiệu để các sản phẩm của OCOP có sức

tác động mạnh mẽ tới thương hiệu, chất lượng hàng hóa, dịch vụ nông nghiệp Việt Nam.

Quảng Trị là một tỉnh có nền nông nghiệp chiếm ưu thế, vì vậy sản phẩm nông sản do tỉnh nhà tạo ra rất lớn. Qua quá trình phát triển, người nông dân Quảng Trị đã nhận thức và mạnh dạn ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật,

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

công nghệ mới vào sản xuất để cho ra những sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường và bước đầu đã khẳng định được uy tín đối với thị trường trong khu vực.

Thống kê số liệu trên toàn tỉnh Quảng Trị hiện có 53 làng nghề với 66 nghề, chủ yếu tập trung vào các nhóm nghề chế biến bảo quản nông lâm thủy sản, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ,

Thời gian qua, ý thức được việc ứng dụng các kết quả KH&CN vào cuộc sống, xem đó là một trong những chìa khóa quan trọng cho việc mở ra con đường thúc đẩy kinh tế phát triển, ngành KH&CN Quảng Trị luôn cố gắng đưa những kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ triển khai vào thực tế sản xuất, từng bước nâng cao giá trị đóng góp của KH&CN

The screenshot shows the website interface for 'Nghề, Làng Nghề Tỉnh Quảng Trị'. It includes a top navigation bar, a search bar, and several content sections. The 'Tin tức' section features a main article with a photo of a person working with stone blocks, titled 'thôn mới'. Below it are 'Làng nghề tiêu biểu' and 'Bản đồ làng nghề'. A video player is also visible, showing 'Ứng dụng KHCN sản xuất rượu'.

Giao diện website Làng nghề Quảng Trị. Ảnh: Tư liệu

sản xuất vật liệu xây dựng, mây tre đan. Trong đó có 15 làng nghề, nghề truyền thống, làng nghề truyền thống đã được UBND tỉnh công nhận. Việc khôi phục, củng cố và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống nhằm mục đích phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở nông thôn, góp phần quan trọng trong sự nghiệp xây dựng nông thôn mới.

trong phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Các mô hình ứng dụng KH&CN trong lĩnh vực nông nghiệp đã đem lại hiệu quả kinh tế rõ rệt, nâng cao năng suất, chất lượng giống cây trồng, vật nuôi góp phần tích cực trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và chuyển dịch mùa vụ, đóng góp quan trọng vào việc bổ sung các giống cây, con mới, phù hợp với địa phương.

Một số sản phẩm đặc trưng của Quảng Trị đã được xác lập quyền sở hữu trí tuệ dưới hình thức chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận. Hiện có 25 sản phẩm đặc trưng được đăng ký xác lập quyền nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và 01 sản phẩm được đăng ký xác lập quyền chỉ dẫn địa lý. Việc sử dụng thương hiệu nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận mang tên các địa danh trên các sản phẩm mang một ý nghĩa lớn, thương hiệu này là thương hiệu truyền thống, tính bền vững cao và có ấn tượng từ lâu đối với đại bộ phận người tiêu dùng. Đây là cơ sở hết sức quan trọng để phát triển các sản phẩm OCOP của tỉnh.

Việc đăng ký và bảo hộ nhãn hiệu cho các sản phẩm đặc trưng không chỉ đem lại nguồn lợi lớn về kinh tế cho người dân ở địa phương, mà còn bảo vệ danh tiếng của sản phẩm, tránh bị lạm dụng hoặc giả mạo, giúp người tiêu dùng nhận biết và lựa chọn đúng sản phẩm; từ đó khuyến khích sản xuất phát triển, doanh thu tăng lên, giải quyết việc làm, duy trì giá trị truyền thống của các làng nghề, đời sống người dân được ổn định, phát triển du lịch địa phương. Tuy nhiên, để có thể duy trì những thuận lợi này đòi hỏi cần có sự tham gia tích cực từ các tổ chức như các tổ chức hội nghề nghiệp, hiệp hội và các cơ quan quản lý tại địa phương, phải làm sao để cho người dân hiểu được vai trò quan trọng của việc xây dựng thương hiệu, đăng ký nhãn hiệu; đồng thời, chính họ phải được nâng cao kiến thức về nông nghiệp nông thôn, về quy trình canh tác, chọn giống, bảo quản, tiếp thị sản phẩm, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Hiện nay, việc ứng dụng các tiến bộ KH&CN để đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ sản xuất của doanh nghiệp,

hợp tác xã, làng nghề trong tỉnh còn nhiều hạn chế. Việc đầu tư xây dựng các mô hình trình diễn ứng dụng tiến bộ KH&CN làm cơ sở cho việc chuyển giao các tiến bộ KH&CN phục vụ sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới chưa được đẩy mạnh. Còn nhiều các sản phẩm truyền thống, sản phẩm nông nghiệp vẫn chưa được đăng ký chỉ dẫn địa lý, bảo hộ nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận. Một số làng nghề, nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh còn phát triển theo hình thức tự phát, quy mô nhỏ lẻ, chủ yếu theo hộ gia đình, chưa được tập hợp, quản lý và duy trì phát triển. Nguồn giống cây trồng, vật nuôi có lúc, có nơi thiếu sự kiểm soát và định hướng; công nghệ thu hoạch, chế biến, bảo quản sau thu hoạch còn thủ công thô sơ. Ứng dụng KH&CN trong sản xuất và chế biến nông sản chưa nhiều dẫn đến chất lượng thiếu đồng nhất, thiếu ổn định. Điều này sẽ ảnh hưởng đến uy tín của sản phẩm, dẫn đến thương hiệu đặc sản của địa phương khó bền vững.

Vì vậy, để các sản phẩm của làng nghề truyền thống, các sản phẩm đặc sản đến được với đông đảo người tiêu dùng, không chỉ với người địa phương mà cả với du khách trong và ngoài nước, ngoài sự chỉ đạo, quan tâm của lãnh đạo các cấp, các ngành, thì việc ứng dụng các tiến bộ KH&CN, nâng cao chất lượng sản phẩm và hàng hóa; xác lập, quản lý và phát triển thương hiệu các sản phẩm đặc trưng của tỉnh là yêu cầu cấp bách để góp phần phát triển sản xuất, nâng cao giá trị các sản phẩm đặc trưng nhằm chống lại các hành vi sử dụng địa danh gây tổn hại đến danh tiếng, uy tín vốn có của sản phẩm và để duy trì thị trường đã có, phát triển thị trường mới cho sản phẩm, từ đó góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Chương trình mỗi xã một sản phẩm

của tỉnh giai đoạn 2016-2020.

Để thúc đẩy việc ứng dụng các tiến bộ KH&CN, xây dựng và phát triển thương hiệu trong sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ OCOP trên địa bàn tỉnh, chúng tôi xin đề xuất một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu như sau:

Thứ nhất, tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị quyết 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về Chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025 gắn với triển khai Chương trình OCOP của tỉnh. Tập trung hỗ trợ ứng dụng đổi mới công nghệ trong sản xuất và chế biến hàng hóa đối với các sản phẩm OCOP; ứng dụng và nhân rộng các giống cây trồng vật nuôi, quy trình lai ghép, công nghệ canh tác mới có khả năng đem lại hiệu quả cao trong sản xuất các sản phẩm OCOP; xây dựng mô hình trình diễn và nhân rộng các tiến bộ KH&CN phục vụ sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Ưu tiên và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các trang trại, các hợp tác xã phát triển các ngành nghề nông thôn đầu tư đổi mới dây chuyền công nghệ sản xuất, chế biến theo hướng sản xuất sạch, thân thiện với môi trường.

Thứ hai, triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, kinh doanh các sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh, tập trung vào các nhiệm vụ đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ mới, nhất là ứng dụng các công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường trong sản xuất và chế biến hàng hóa đối với các sản phẩm OCOP. Ưu tiên các hợp tác xã, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, có địa chỉ ứng dụng cụ thể tại các địa phương trên địa bàn tỉnh. Ứng dụng hệ thống quản lý

chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong quản trị của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hợp tác xã sản xuất, kinh doanh các sản phẩm OCOP tại cộng đồng.

Thứ ba, thúc đẩy hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp và hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại tỉnh Quảng Trị nhằm tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Thực hiện ứng dụng công nghệ của Nông nghiệp 4.0 vào tổ chức sản xuất hàng hóa, dịch vụ trong Chương trình OCOP của tỉnh.

Xây dựng và công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy. Bảo đảm đến năm 2020, tất cả các sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh được xây dựng và công bố tiêu chuẩn chất lượng, định kỳ được kiểm tra đánh giá chất lượng, hạn chế đến mức thấp nhất các sản phẩm OCOP không đạt yêu cầu theo mức chất lượng đã công bố.

Thứ tư, tập trung xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận; hình thành các thương hiệu sản phẩm, hàng hóa đặc trưng của tỉnh có khả năng cạnh tranh cao, bảo đảm chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của thị trường trong và ngoài nước, góp phần phát triển xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

Đến năm 2020, về cơ bản hầu hết các sản phẩm đặc sản, đặc trưng của tỉnh được xác lập, bảo hộ, khai thác và phát triển về sở hữu trí tuệ dưới hình thức nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận. Các sản phẩm OCOP được xác lập và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

Thứ năm, nâng cao ý thức của người sản xuất, doanh nghiệp và người tiêu dùng về sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận nhằm khuyến khích phát triển các sản phẩm đặc trưng theo phương thức hợp tác, liên kết cộng đồng, khu dân cư, liên kết hộ gia đình... Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm và ngày càng khẳng định uy tín của sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận các sản phẩm đặc trưng. Xây dựng hệ thống các giải pháp quảng bá sản phẩm với nhiều hình thức khác nhau để phát triển các nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận. Thông qua công tác quảng bá, khai thác giá trị của các nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận làm nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức tập thể sản xuất và kinh doanh trên thị trường.

Thứ sáu, tăng cường quy mô sản xuất cho các sản phẩm OCOP, từng bước thành lập những vùng sản xuất chuyên canh sử dụng các nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận mang sản phẩm đặc trưng, nâng cao năng hợp tác, liên kết với các sản phẩm các vùng phụ cận. Dự kiến khi sản phẩm được sử dụng các nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận sẽ góp phần nâng cao giá trị thu nhập từ đó đời sống vật chất tinh thần của người sản xuất kinh doanh các sản phẩm đặc trưng được nâng cao, thu hút được nhiều tổ chức cá nhân, các loại hình doanh nghiệp từ khâu sản xuất, tiêu thụ cùng tham gia và cùng nhau xây dựng và phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận của các sản phẩm đặc trưng. Tạo điều kiện thuận lợi trong việc liên kết 4 nhà để phát triển sản xuất và kinh doanh trên các sản phẩm đặc trưng/ sản phẩm OCOP. Trên cơ sở mô hình quản lý hoàn thiện tiến hành nhân rộng mô hình mẫu cho các sản phẩm tương ứng của tỉnh.

Thúc đẩy việc ứng dụng các tiến bộ KH&CN, nâng chất lượng, xây dựng và phát triển thương hiệu trong sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ trong Chương trình OCOP của tỉnh là nhiệm vụ quan trọng của hoạt động KH&CN của tỉnh trong thời gian tới. Sở KH&CN sẽ tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân tham gia chương trình được hỗ trợ ứng dụng các tiến bộ KH&CN; xây dựng và công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đánh giá, chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy; xây dựng và phát triển thương hiệu góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của Kế hoạch triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020./.

T.T





CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, ỨNG DỤNG, NHÂN RỘNG CÁC KẾT QUẢ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2017 -2025 VỀ LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

LÊ DINH

Trưởng Phòng Quản lý Chuyên ngành

Xác định vai trò của hoạt động sở hữu trí tuệ đối với bảo vệ giá trị của sản phẩm và là động lực cho quá trình phát triển thương mại bền vững, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các chính sách liên quan, bám sát vào thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội. Đặc biệt, hỗ trợ lĩnh vực sở hữu trí tuệ nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm hàng hóa được xác định là một trong những nội dung quan trọng của Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND (Nghị quyết số 31) về chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2025. Sau khi Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị đã ký ban hành Quyết định số 1569/QĐ-UBND về Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết 31, Sở KH&CN ban hành Quyết định số 227/QĐ-SKH&CN Hướng dẫn thực hiện nhằm sớm đưa Nghị quyết đi vào thực tiễn đời sống.

Công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ ngày càng được hoàn thiện và đạt nhiều kết quả nổi bật, đặc biệt là sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 về việc Quy định quản lý nhà nước về hoạt động sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Thời gian qua, từ năm 2013-2018, trên địa bàn tỉnh có 82 nhãn hiệu các loại được tiến hành hỗ trợ đăng ký và đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ về sở hữu công nghiệp. Trong đó có nhiều sản phẩm đặc sản mang yếu tố địa danh có giá trị đã được bảo hộ quyền Sở hữu trí tuệ. Hiện Quảng Trị

có 01 chỉ dẫn địa lý Hạt tiêu Quảng Trị và hơn 20 nhãn hiệu đặc sản gắn liền với yếu tố địa danh ở địa phương được bảo hộ. Đây là tín hiệu đáng ghi nhận cho sự nỗ lực ngành KH&CN trong thời gian vừa qua. Các sản phẩm được bảo hộ thành công đã đẩy mạnh hoạt động liên kết sản xuất, phát triển giá trị sản phẩm hàng hóa theo chuỗi, nhằm đảm bảo việc truy xuất nguồn gốc xuất xứ và chất lượng của sản phẩm.

Xác định vai trò của hoạt động sở hữu trí tuệ đối với bảo vệ giá trị của sản phẩm và là động lực cho quá trình phát triển thương mại bền vững, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh

các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2025. Triển khai Nghị quyết này, UBND tỉnh Quảng Trị đã ký ban hành Quyết định số 1569/QĐ-UBND về Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết và Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định số 227/QĐ-SKH&CN nhằm hướng dẫn thực hiện sớm đưa Nghị quyết đi vào thực tiễn đời sống.

Triển khai ứng dụng Nghị quyết số 31 lĩnh vực Sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị vào thực tiễn đời sống sẽ có những tác động tích cực đối với việc nâng cao nhận thức về chất lượng và giá trị sản phẩm hàng hóa trên địa bàn



Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị Nguyễn Quân Chính trao đổi với Thứ trưởng Bộ KH&CN Bùi Thế Duy về Chỉ dẫn địa lý "Hạt tiêu Quảng Trị". Ảnh: Tư liệu

ban hành các chính sách liên quan, bám sát vào thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội. Đặc biệt hỗ trợ lĩnh vực Sở hữu trí tuệ nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm hàng hóa được xác định là một trong những nội dung quan trọng của Nghị quyết số 31 về chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng

tỉnh trong thời gian tới, trước hết là mở rộng và nâng cao nhận thức của các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh về việc xúc tiến và tham gia tích cực trong công tác lập thủ tục Hồ sơ để đăng ký xác lập quyền về các đối tượng về sở hữu công nghiệp tại Cục Sở hữu trí tuệ. Mặt khác, những sản phẩm sau khi được bảo hộ

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

và tiến hành lưu thông khẳng định quyền sử dụng sản phẩm của mình đối với thị trường và được pháp luật bảo vệ, vì thế giá trị của sản phẩm hàng hóa không ngừng tăng lên. Hơn nữa trong quá trình sản xuất, các sản phẩm luôn tuân thủ theo quy trình đã được thống nhất, vậy nên chất lượng sản phẩm luôn luôn được bảo đảm. Ngoài ra, bảo hộ sản phẩm nhằm tạo niềm tin cho khách hàng trong quá trình lưu thông, qua đó có điều kiện để giới thiệu, quảng bá sản phẩm ra thị trường, giúp khách hàng nhận biết và có thái độ tin cậy đối với sản phẩm,



Nhãn hiệu tập thể Rau an toàn Đông Hà.
Ảnh: Tư liệu

bảo hộ ở trong nước; còn các đối tượng về Nhãn hiệu hàng hóa thông thường hoặc Kiểu dáng công nghiệp ngoài hỗ trợ đăng ký bảo hộ ở trong nước còn hỗ trợ đăng ký bảo hộ ở nước ngoài.

Thực hiện Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị, Sở KH&CN đã ban hành Quyết định số 227/QĐ-SKHCN ngày 03/8/2018 của Giám đốc Sở KH&CN về việc quy định nguồn kinh phí hỗ trợ đăng ký xác lập quyền của các đối tượng Sở hữu công nghiệp sau khi được Cục Sở hữu trí tuệ công nhận.



Nhãn hiệu tập thể Nước mắm Cồn Cỏ.
Ảnh: Tư liệu

dịch vụ của doanh nghiệp, nhờ đó mà thị trường ngày càng mở rộng hơn.

Nghị quyết số 31 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định những chính sách liên quan đến hỗ trợ hoạt động về Sở hữu trí tuệ gồm 03 đối tượng chủ yếu là Sáng chế/giải pháp hữu ích, Kiểu dáng Công nghiệp và Nhãn hiệu hàng hóa. Trong đó, tùy theo đối tượng được hỗ trợ mà phạm vi xem xét hỗ trợ có khác nhau.

Các đối tượng về Sáng chế/giải pháp hữu ích, Nhãn hiệu tập thể, Nhãn hiệu chứng nhận chỉ được hỗ trợ đăng ký

Đối với Văn bằng sáng chế/giải pháp hữu ích, sau khi được công nhận bảo hộ với định mức 20 triệu đồng/Văn bằng; Hỗ trợ Văn bằng sở hữu công nghiệp đối với mỗi nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận trong nước, với định mức 50 triệu đồng/Văn bằng; Hỗ trợ Văn bằng với mỗi nhãn hiệu hoặc kiểu dáng công nghiệp và tối đa không quá 3 loại/năm/doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, với định mức 3 triệu đồng/Văn bằng; Hỗ trợ Văn bằng đối với mỗi nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp đăng ký sở hữu ở nước ngoài, với định mức

20 triệu đồng/Văn bằng.

Nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh được thụ hưởng Chính sách hỗ trợ về lĩnh vực Sở hữu trí tuệ theo quy định đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị cần thực hiện các thủ tục Hồ sơ: Đơn đề nghị hỗ trợ về đối tượng sở hữu công nghiệp của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Mẫu-M.05 quy định tại Quyết định số 227/QĐ-SKH&CN ngày 03/8/2018 của Giám đốc Sở KH&CN đối với lĩnh vực Sở hữu trí tuệ; Hồ sơ các thủ tục thực hiện việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ theo đúng quy định để xúc tiến việc lập thủ tục Hồ sơ đăng ký xác lập bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp tại Cục Sở hữu trí tuệ; Văn bằng về đối tượng sở hữu công nghiệp xem xét hỗ trợ được Cục Sở hữu trí tuệ công nhận; Các văn bản xác nhận sự liên quan về nội dung của các cấp chính quyền địa phương (nếu có) về đối tượng được xem xét hỗ trợ.

Thực hiện việc hỗ trợ theo Nghị quyết số 31 có hiệu quả, thiết thực là nhiệm vụ quan trọng trong chương trình và kế hoạch hoạt động của Sở khoa học Công nghệ giai đoạn 2018-2025. Việc hỗ trợ ứng dụng các kết quả khoa học và công nghệ theo Nghị quyết 31 liên quan đến các nhiều tổ chức quản lý, đơn vị triển khai và đối tượng thụ hưởng, do đó về mặt chủ trương cần có sự chỉ đạo chặt chẽ giữa Sở KH&CN với các cấp chính quyền ở địa phương, Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Trong quá trình triển khai thực hiện cần có sự phối hợp và chia sẻ các thông tin liên quan phục vụ cho công việc lập các thủ tục Hồ sơ để tiến hành đăng ký, xác lập quyền về sở hữu trí tuệ.

Nghị quyết số 31 của HĐND tỉnh dần đi vào cuộc sống đã khẳng định đây là chính sách quan trọng, là điểm nhấn để

các triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ được áp dụng rộng rãi trong sản xuất, kinh doanh. Thông tin về việc thực hiện Chính sách hỗ trợ nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025 về lĩnh vực Sở hữu trí tuệ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân dễ dàng tiếp cận các chủ trương, chính sách của tỉnh Quảng Trị với mục tiêu đặt ra cho ngành Khoa học và Công nghệ là động lực quan trọng để dịch chuyển cơ cấu kinh tế, phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế./.

L.D



Hương vị Tết qua các vùng miền

LÝ THỊ MINH CHÂU

Nói đến Tết mà không nói về các món ăn trong ngày Tết thì thật thiếu sót. Món ăn trong ngày Tết là những món ăn đặc trưng, đã in sâu vào tâm thức của cư dân từng vùng miền, đã thành nét văn hoá riêng không trộn lẫn.

Ngoài bánh, mứt, hạt dưa... là những thức ăn nhẹ luôn có sẵn trong mọi gia đình và luôn được bày trên bàn khách, đôi khi nó cũng có mặt trong mâm cỗ Tết như để làm phong phú thêm màu sắc, hương vị và quan trọng hơn là nó giúp giảm đi sự đậm bạc, thanh bần của những gia đình có thu nhập ít ỏi. Mâm cỗ Tết bao giờ cũng có bánh chưng, bánh tét là hai loại bánh mang hương sắc Tết nhiều nhất. Đó là những loại bánh làm từ gạo nếp, nhân thịt và đỗ xanh. Là món ăn truyền thống đã có từ ngàn xưa nên nó cũng không thể thiếu trong mâm cỗ tất niên, trong dịp cúng tổ tiên, ông bà. Tùy vào cách gói và hình dáng của chiếc bánh mà chúng có những cái tên khác nhau, miền Bắc gói chúng trong lá dong, trong khuôn gỗ hình vuông nên chiếc bánh vuông vức, đẹp mắt, đó là bánh chưng. Miền Nam thì gói trong lá

chúoi, trong sự phóng khoáng như tính cách của họ nên cách gói cũng tự do hơn đó là bánh tét, miền Trung cũng gói và gọi vậy nhưng có thêm cái tên khác là bánh đòn. Bánh tét có hình ống, dài ngắn tùy từng nơi. Khác với Miền Bắc là bánh chưng chỉ có trong dịp tết, bánh tét có mặt quanh năm ở các chợ ở miền Trung, miền Nam với đủ loại nhân mà cư dân nơi đó yêu thích. Cụ thể là bánh tét ngọt thì có nhân chuối, nhân đỗ đen, đỗ xanh... và đường, còn bánh mặn thì có thịt và gia vị mặn.

Với bánh tét thì các vùng núi phía Bắc gọi là bánh tày và nó còn có cái tên khác là "bánh chưng cổ" cũng hình ống như bánh tét miền Nam bây giờ. Cũng có người cho rằng bánh tét ra đời từ sự giao lưu văn hoá, ẩm thực của người Việt và Chăm với hình dáng rất đặc thù của cái Liga - dương vật - trong bộ Ling Yoni mà người Chăm thờ cúng và rất tôn kính. Hình tượng này vẫn đang được lưu giữ trong các tháp Chăm ở Bình Định, Nha Trang, Ninh Thuận, Lâm Đồng... Cũng có thuyết cho rằng bánh tét được du nhập vào Nam từ thời vua Quang

Trung tiên quân ra Bắc năm 1789, khi ông được một người lính mời ăn. Thấy ngon và cảm động bởi câu chuyện của anh lính kể là ăn vào thì thương nhớ mẹ vô cùng, vua bèn ra lệnh cho dân chúng gói loại bánh này để ăn trong dịp Tết và đặt tên là bánh Tết.

giá, kiệu chua của miền Nam. Thịt kho tàu là món ăn không chỉ Tết mới có mà nó hầu như là món ăn được yêu thích và thường có trên mâm cơm của người miền Nam. Kho với thịt ba chỉ được cắt vuông vắn và nước dừa, trứng vịt. Kho càng thấm càng ngon, ăn kèm với các



Bánh chưng, món ăn truyền thống trong mâm cỗ Tết của người Việt. Ảnh: Internet

Với phong tục của người Việt thì khi tết đến xuân về, người ta thường biếu nhau một trong hai loại bánh này nhưng phải là một cặp, một đôi. Rất ý nghĩa như câu chúc hạnh phúc, an khang là vậy. Cùng với tay nghề cao, có người còn gói được bánh tết với ba nhân, năm nhân do nhân đã được định hình từ trước nên trông bánh rất đẹp khi cắt ra.

Một món ăn đặc trưng khác trong ngày Tết và cũng có tính đặc thù cho từng vùng miền là món thịt đông, dưa hành của miền Bắc; thịt kho tàu và dưa

loại rau vườn trong ngày thường và bánh tết trong ngày Tết đều rất thích hợp.

Cho dù cuộc sống ngày luôn thay đổi, món ăn cũng dồi dào và ngon hơn nhưng ngày Tết thì người Việt vẫn giữ được các phong tục cổ truyền có từ thời ông cha mình, trong đó có các món ăn này. Cây có cội, nước có nguồn. Đó là đạo lý, là trách nhiệm của người nay đối với người xưa, giữ gìn và tôn tạo cho đẹp thêm, phong phú thêm nét văn hoá mà người xưa đã dày công tạo dựng.

L.T.M.C



TRUYỀN THÔNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Thực tiễn và một số giải pháp

THÁI THỊ NGÀ

Giám đốc Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN

Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết số 20-NQ/TW) về phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Chiến lược phát triển KH&CN và Luật KH&CN đều xác định công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp quản lý và của toàn xã hội ở vị trí quan trọng và ưu tiên hàng đầu. Muốn duy trì sự phát triển KH&CN thì không chỉ chú trọng đầu tư trực tiếp cho nghiên cứu phát triển, đội ngũ các nhà khoa học mà về lâu dài cần thiết phải đẩy mạnh hoạt động truyền thông KH&CN để mang các thành tựu, kết quả nghiên cứu khoa học đến gần với với xã hội, nhân rộng, phổ biến một cách có hiệu quả vào thực tiễn.

Từ định vị là một trong 6 giải pháp chủ yếu trong phát triển KH&CN

Đối với hoạt động KH&CN nói riêng và nhiều lĩnh vực khác, vai trò truyền thông rất quan trọng. Cụ thể, với hoạt động KH&CN, truyền thông giữ vai trò chủ đạo trong công tác giới thiệu, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Qua các kênh truyền thông, người dân cũng như các

cấp quản lý ý thức được vai trò của KH&CN có tính chất quyết định phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao tính cạnh tranh và hiệu quả của sản phẩm, hàng hóa và của cả nền kinh tế. Không chỉ dừng lại ở mức nhận thức, truyền thông còn tạo được sự đồng thuận, ủng hộ, tham gia của toàn xã hội, biến thành hành động, đẩy mạnh hơn nữa việc áp dụng KH&CN vào công tác quản

lý, sản xuất và đời sống. Do vậy, trong Nghị quyết của Trung ương Đảng, trong Chiến lược phát triển KH&CN và Luật KH&CN thì công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp quản lý và của toàn xã hội luôn được đặt ở vị trí quan trọng và ưu tiên hàng đầu, là một trong sáu giải pháp chủ yếu để thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN Việt Nam giai đoạn 2011-2020.

tồn tại là số lượng kết quả nghiên cứu khoa học được đưa vào cuộc sống còn ít, nhiều đề tài nghiên cứu có giá trị làm xong được đánh giá tốt nhưng chưa được đồng đảo các tầng lớp nhân dân biết đến để ứng dụng, nhân rộng... Vì vậy, truyền thông KH&CN phải là cầu nối để sự mở rộng việc trao đổi thông tin nhiều hơn giữa các nhà quản lý, nhà khoa học, doanh nghiệp và người



Cổng thông tin điện tử Khoa học và Công nghệ Quảng Trị.
 Ảnh: Nguyễn Thị Hòa

Trong cả nước, những năm gần đây hoạt động truyền thông KH&CN bắt đầu phát triển mạnh mẽ, quy về một mối thống nhất và phát huy tác dụng. Truyền thông KH&CN đã hướng đến việc phổ biến rộng rãi và tìm ra những hình thức thích hợp để tuyên truyền. Trong hai thập kỷ qua, ngành KH&CN đã có một hệ thống các chương trình KH&CN cấp nhà nước, các chương trình KH&CN của cách ngành, địa phương... Các kết quả nghiên cứu có giá trị, nhưng vẫn đề

dân. Bộ KH&CN cũng đã thành lập Cục Thông tin KH&CN Quốc gia, Cổng thông tin điện tử của Bộ, 1 tờ báo và 2 tạp chí, Trung tâm Nghiên cứu và phát triển truyền thông KH&CN, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật cùng các website của các đơn vị trực thuộc Bộ để phục vụ hoạt động truyền thông KH&CN. Cùng với đó, các Bộ, Ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Sở KH&CN các địa phương, Trường Đại học, Viện Nghiên cứu, các Tổ chức KH&CN cũng xây

dựng nhiều chuyên trang hoặc chuyên mục về KH&CN. Các hội thảo, hội nghị, tập huấn, phổ biến kiến thức KH&CN, triển lãm giới thiệu công nghệ, thiết bị... cũng thường xuyên diễn ra sôi động. Đặc biệt, năm 2014 là năm đánh dấu những khởi sắc mới trong hoạt động KH&CN nói chung và truyền thông KH&CN nói

Bên cạnh đó, hiện Bộ KH&CN cũng đang xây dựng và hoàn thiện Đề án phát triển truyền thông KH&CN trong ngắn hạn và dài hạn nhằm cụ thể hóa các kế hoạch, nhiệm vụ và nội dung cần thực hiện trong từng giai đoạn.

Cùng với bức tranh truyền thông sôi động của cả nước, tại Quảng Trị, trong



Chuyên mục KH&CN phát sóng trên Đài PT-TH Quảng Trị.

Ảnh: Tư liệu

riêng khi lần đầu tiên công bố Ngày 18/5 là Ngày KH&CN Việt Nam; Bộ KH&CN tổ chức Tuần lễ KH&CN quốc gia và hàng loạt các sự kiện để chào mừng Ngày KH&CN Việt Nam. Điều này cho thấy hướng đi mới trong công tác truyền thông KH&CN ở nước ta là không chỉ đẩy mạnh tuyên truyền KH&CN thông qua các phương tiện thông tấn báo chí mà còn qua nhiều phương thức khác như triển lãm, diễn đàn để KH&CN có sức lan tỏa hơn vào đời sống xã hội.

những năm gần đây hoạt động truyền thông KH&CN đã tiến một bước đáng kể trong việc thu thập, lưu giữ và tổ chức khai thác các nguồn thông tin tư liệu KH&CN một cách hiệu quả. Ngành KH&CN đã tăng cường đầu tư cho hoạt động truyền thông KH&CN. Trong đó, đã ưu tiên bố trí sắp xếp nhân lực, đầu tư trang thiết bị và đa dạng các hình thức truyền thông KH&CN nhằm tạo thêm các kênh thông tin chuyên ngành về lĩnh vực KH&CN. Là đơn vị đầu mối thông

tin KH&CN của tỉnh, Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN luôn bám sát chức năng phục vụ quản lý Nhà nước qua từng thời kỳ, góp phần đắc lực cũng các Phòng, Ban chuyên môn trực thuộc Sở KH&CN, các cơ quan chuyên môn cấp huyện tăng cường tuyên truyền, giới thiệu về công tác quản lý, kết quả nghiên cứu khoa học, kết quả thực hiện các dự án, đề tài KH&CN đã được nghiệm thu và triển khai thực hiện kết quả ở thực tiễn địa phương. Thông tin nhanh về công nghệ mới, sở hữu công nghiệp, chuyển giao công nghệ; giới thiệu những thành tựu KH&CN mới có khả năng áp dụng vào địa phương, các thông tin phục vụ cho phát triển nông nghiệp nông thôn phù hợp, thiết thực để thúc đẩy việc ứng dụng KH&CN, khai thác có hiệu quả các lợi thế và điều kiện đặc thù của từng địa phương, nhất là khu vực nông thôn, miền núi trên địa bàn tỉnh, góp phần tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm chủ lực của mỗi vùng. Phản ánh các chủ trương, chính sách phát triển KH&CN của Đảng và Nhà nước đến với người dân.

Các hình thức truyền thông được mở rộng từ việc xuất bản các ấn phẩm thông tin KH&CN bản giấy như: Đặc san Khoa học và Công nghệ, Bản tin Khoa học và Công nghệ phục vụ Nông nghiệp, Nông thôn; Bản tin Khoa học và Công nghệ phục vụ Doanh nghiệp đến hình thức thông tin điện tử thông qua Cổng Thông tin KH&CN Quảng Trị (dostquangtri.gov.vn) với một hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu được chọn lọc, tích hợp khoa học, bài bản, thường xuyên được cập nhật, làm mới phục vụ hiệu quả công tác chuyên ngành. Đẩy mạnh, tăng cường liên kết, phối hợp thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương và địa phương như Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình

Quảng Trị và các báo Trung ương, địa phương khác. Hình thức tuyên truyền trên các kênh thông tin đại chúng này cũng rất đa dạng về hình thức, thể loại như: Phóng sự truyền hình, tin thời sự, bài viết trên báo giấy, báo điện tử,... Thời lượng, tần suất phát sóng, xuất bản các chuyên mục, chuyên trang thông tin về KH&CN tăng lên đáng kể, để vừa tuyên truyền, vừa phổ biến sâu các kiến thức KH&CN, công nghệ mới, kết quả KH&CN nổi bật của tỉnh vừa quảng bá rộng rãi các sản phẩm đặc thù của địa phương được hình thành dựa trên các kết quả nghiên cứu ứng dụng tiến bộ vào sản xuất. Từ đó, góp phần xây dựng, giới thiệu nâng cao uy tín, thương hiệu các sản phẩm của địa phương một cách rộng rãi, hiệu quả trên các phương tiện truyền thông.

Tuy nhiên trong thực tế, trước yêu cầu mới, cả nước nói chung và tỉnh Quảng Trị nói riêng, vai trò của truyền thông, nhất là truyền thông KH&CN vẫn chưa phát huy được hết thế mạnh. Những hạn chế chung là đội ngũ làm truyền thông chưa được quan tâm xây dựng cả về số lượng và chất lượng chuyên môn; mạng lưới cộng tác viên thông tin KH&CN còn mỏng, phương tiện tác nghiệp còn hạn chế; Các phương tiện truyền thông cũng chưa dành thời lượng cần thiết cho công tác truyền thông về KH&CN; Đầu tư cho truyền thông rất hạn hẹp; Công tác phát hành các ấn phẩm thông tin KH&CN giấy chưa đáp ứng nhu cầu thực tế; Nội dung thông tin chưa phong phú, chưa hình thành được hệ thống trao đổi thông tin mang tính chất vùng và mạng thông tin kết nối thông suốt từ trung ương đến địa phương.

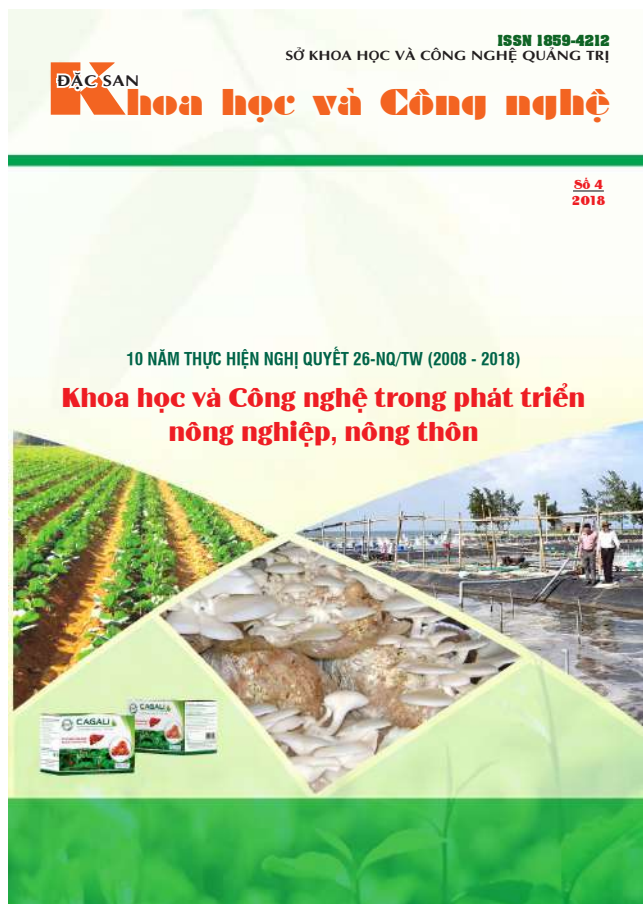
Đến một số giải pháp truyền thông KH&CN đặt ra đối với Quảng Trị

Truyền thông KH&CN là một trong sáu giải pháp chủ yếu để thực hiện

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020, là một trong những nhân tố góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển; phục vụ hữu ích trong công tác lãnh đạo và quản lý; góp phần nâng cao dân trí và trình độ của người dân. Nhờ công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức mà người dân cũng như các cấp quản lý thấy rõ vai trò của KH&CN trong sản xuất và đời sống,

ngày càng cao. Mục tiêu chung của các giải pháp là hướng đến hoạt động truyền thông KH&CN của tỉnh không chỉ đáp ứng tốt yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, không chỉ dừng lại ở mức nhận thức, truyền thông còn tạo được sự đồng thuận, ủng hộ, tham gia của toàn xã hội, biến thành hành động, đẩy mạnh hơn nữa việc áp dụng KH&CN vào công tác quản lý, sản xuất và đời sống.



Các ấn phẩm Khoa học và công nghệ. Ảnh: Nguyễn Thị Hòa

nâng cao hiệu quả và tính cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa. Để phát huy vai trò và sức mạnh của truyền thông KH&CN thì Ngành KH&CN Quảng Trị cần thiết phải đẩy mạnh hoạt động truyền thông KH&CN với các giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động truyền thông KH&CN trong xu thế truyền thông phát triển mạnh và sức cạnh tranh

Một là, tăng cường công tác lãnh đạo, định hướng và chỉ đạo công tác truyền thông. Yếu tố lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng phải luôn đặt lên hàng đầu. Xây dựng chiến lược, kế hoạch truyền thông cho từng thời kỳ, giai đoạn và đổi mới nội dung, phương pháp truyền thông về KH&CN nhằm đưa thông tin về cơ sở một cách nhanh chóng, hiệu quả,

thuyết phục. Nội dung công tác truyền thông KH&CN cần tiếp tục đi sâu tuyên truyền các đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực KH&CN; những kiến thức khoa học kỹ thuật hữu ích phục vụ đời sống và sản xuất, cổ vũ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hai là, đẩy mạnh công tác đưa Thông tin KH&CN về cơ sở. Công tác biểu dương, tôn vinh những cá nhân, tập thể có thành tựu trong công tác nghiên cứu, ứng dụng KH&CN thiết thực vào đời sống, cần được đẩy mạnh hơn nhằm cổ vũ các nhân tố mới, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong các lĩnh vực KH&CN và nâng cao nhận thức xã hội về vai trò và tác dụng của KH&CN.

Ba là, tổ chức cho các cán bộ làm công tác truyền thông KH&CN tham gia các lớp tập huấn về truyền thông KH&CN và các lĩnh vực KH&CN để có nhận thức đúng, đầy đủ và am hiểu sâu về KH&CN, nâng cao nghiệp vụ để phục vụ công tác chuyên môn chuyên nghiệp, bài bản hơn. Đồng thời tổ chức cho các cán bộ làm khoa học được tập huấn về công tác truyền thông để tăng cường nguồn lực cho hoạt động truyền thông KH&CN.

Bốn là, mở rộng và hình thành mạng lưới cộng tác viên là những cán bộ khoa học kỹ thuật và cán bộ quản lý ở hầu hết các sở, ban, ngành, huyện/thị xã, thành phố,... trên địa bàn tỉnh. Tổ chức Hội nghị cộng tác viên thường niên để đánh giá kết quả truyền thông KH&CN, đồng thời định hướng hoạt động trong giai đoạn tiếp theo cho các cộng tác viên. Đây là một lực lượng nòng cốt, bám sát thực tế công tác KH&CN cấp huyện để cung cấp, phục vụ công tác truyền thông KH&CN của tỉnh, vừa tuyên truyền phổ biến và cung cấp thông tin tại cơ sở mình.

Năm là, mở rộng, tăng cường thời lượng phổ biến thông tin trên Đài Truyền hình địa phương và Trung ương, Báo,... Đây là những kênh truyền thông có sức lan tỏa lớn và thu hút được đông đảo sự quan tâm của công chúng. Đẩy mạnh mô hình phối hợp giữa các sở, ban, ngành các cấp trong tỉnh liên kết Viện, Trung tâm nghiên cứu, Trường Đại học nhằm thúc đẩy sự tương tác, trao đổi giữa các nhà khoa học trong và ngoài tỉnh để trao đổi các thông tin KH&CN mới, hiệu quả thúc đẩy công tác chuyển giao tiến bộ khoa học và kỹ thuật.

Sáu là, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong hoạt động thông tin khoa học và công nghệ. Tăng cường kinh phí dành cho các hoạt động thúc đẩy truyền thông KH&CN và phổ biến thông tin KH&CN trong tổng chi ngân sách cho KH&CN. Bên cạnh ngân sách Nhà nước, cần khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp ưu tiên đầu tư cho hoạt động KH&CN và truyền thông của chính bản thân các tổ chức, doanh nghiệp đó.

Thông qua công tác truyền thông KH&CN để nâng cao nhận thức, kiến thức cho người dân về việc ứng dụng KH&CN vào sản xuất, từ đó đẩy mạnh thành phong trào, nâng cao hiệu quả sản xuất, phát triển sản xuất hàng hóa. Công tác tuyên truyền còn góp phần “bắt tay chỉ việc”, tạo được sự đồng thuận, tham gia của mọi tầng lớp nhân dân trong toàn xã hội, thúc đẩy hơn nữa việc áp dụng KH&CN vào sản xuất và đời sống. Do vậy, để đưa các kết quả hoạt động KH&CN đến gần với đời sống, nhân dân biết đến và áp dụng, nhân rộng khắp trên địa bàn tỉnh thì phát triển, tăng cường hiệu quả công tác truyền thông KH&CN là nhiệm vụ hết sức quan trọng và ưu tiên hàng đầu./.

T.T.N



KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỪ NGHIÊN CỨU ĐẾN THỰC TIỄN

HỒ MỸ ANH

Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị

Hiệu quả ứng dụng thực tiễn là tiêu chí hàng đầu, là thước đo sự thành công của công tác nghiên cứu khoa học. Hành trình của một đề tài khoa học và công nghệ (KH&CN), vì vậy khởi đầu từ công tác nghiên cứu và tiếp theo ngay sau đó phải là các hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa sản phẩm... được gọi chung là đưa đề tài KH&CN đi vào cuộc sống. Đối với một đề tài KH&CN, có thể coi “nghiên cứu” và “ứng dụng” như là hai mặt của một vấn đề, đó là hai giai đoạn của một quá trình nối tiếp nhau không thể nào tách rời.

Đi tìm cầu nối giữa nghiên cứu và ứng dụng...

Ở nước ta, tình trạng nhiều đề tài KH&CN được nghiệm thu nhưng ứng dụng vào cuộc sống các kết quả nghiên cứu đó không cao là khá phổ biến. Đối với những đề tài nghiên cứu cơ bản, các đề tài làm ra mà chưa thể ứng dụng được ngay là bởi nó phải có giai đoạn chờ đợi, đến khi trình độ phát triển của xã hội đạt được một mức độ nào đó thì mới có thể ứng dụng được. Nhưng đối với những đề tài nghiên cứu ứng dụng thì đề tài nghiên cứu xong phải đưa vào ứng dụng ngay - đó như là một lẽ tất nhiên cần thực hiện gắn với một cam

kết trách nhiệm của cả nhà khoa học và nhà quản lý. Vì thế, làm thế nào để nâng cao hiệu quả, tính ứng dụng kết quả của các đề tài KH&CN, đặc biệt là đối với các đề tài nghiên cứu ứng dụng vẫn luôn là câu hỏi lớn đặt ra đối với ngành KH&CN của cả nước nói chung và của tỉnh ta nói riêng.

Đối với Quảng Trị là một tỉnh có tiềm lực và trình độ KH&CN còn nhiều hạn chế, trong bối cảnh chung của công tác nghiên cứu ứng dụng KH&CN nước ta còn nhiều tồn tại như đã nêu trên, phải thẳng thắn thừa nhận rằng, thời gian qua, mặc dù tỉnh đã có nhiều nỗ lực trong công tác đưa kết quả đề tài

KH&CN vào cuộc sống nhưng vẫn có nhiều đề tài có giá trị khoa học và giá trị ứng dụng chưa cao.

Có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến tình trạng trên, cả về khách quan và chủ quan, từ nguyên nhân vướng mắc về cơ chế; khó khăn về tiềm lực kinh tế, nhân lực KH&CN, nguồn đầu tư... đến những nguyên nhân như do nhà khoa học cũng gặp nhiều khó khăn trong việc chọn lựa đề tài nghiên cứu dẫn đến các đề tài thường cũ, không có đột phá, thiếu tính ứng dụng; cũng có nguyên nhân do

trở thành “nhịp cầu lớn” giữa nhà khoa học và doanh nghiệp/tổ chức/người dân thì kết quả nghiên cứu rất khó có thể bám sát thực tiễn và đi vào đời sống.

Luật KH&CN năm 2013 và đặc biệt là Đề án Tái cơ cấu ngành Khoa học và Công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, góp phần phát triển kinh tế của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 2245/QĐ-TTg ngày 11/12/2015) ra đời đã thổi “luồng gió mới” vào hoạt động KH&CN trên cả nước cũng như trên



Hội đồng tư vấn xét giao trực tiếp Đề tài: “Nghiên cứu khảo nghiệm một số giống cà phê và xây dựng mô hình vườn ươm cây giống cà phê chè trên địa bàn huyện hướng Hóa”.

Ảnh: Hải Yến

hạn chế từ bản thân của đề tài trên các khía cạnh như: quy mô nghiên cứu, tính phổ biến ứng dụng, tính liên kết vùng, khu vực... Trong đó có một nguyên nhân rất quan trọng là thiếu kết nối giữa “4 nhà”: nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nghiệp và người dân. Rõ ràng nếu nhà khoa học không biết doanh nghiệp/tổ chức/người dân cần gì; doanh nghiệp/tổ chức/người dân không biết nhà khoa học làm được gì; nhà quản lý chưa thể

địa bàn tỉnh, thúc đẩy mạnh mẽ phong trào nghiên cứu, ứng dụng các nhiệm vụ KH&CN. Cùng với cả nước, ngành KH&CN Quảng Trị hân hoan đón nhận và thực hiện đổi mới toàn diện theo tinh thần và nội dung tái cơ cấu. Bức tranh nghiên cứu, ứng dụng các nhiệm vụ KH&CN đã có nhiều khởi sắc. Công tác nghiên cứu khoa học đã có bước tiến quan trọng, thiết thực hơn và ngày càng xích lại gần đời sống, bám sát sự phát

triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các đơn vị, doanh nghiệp, tránh được xu hướng nghiên cứu xong rồi... để đó, không thể ứng dụng được bởi cách chọn đề tài xa rời thực tiễn.

Thành tựu đầu tiên phải kể đến đó là Sở KH&CN đã tham mưu UBND tỉnh ban hành được *Quy chế quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị* (Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 31/03/2016)

và khả năng nhân rộng kết quả sau nghiệm thu.

Với việc triển khai *Quy chế quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị*, tỉnh đã tiến hành thực hiện cơ chế đặt hàng, phương thức tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đối với một số nhiệm vụ KH&CN. Thông qua đó, Sở KH&CN đã tập hợp tốt đội ngũ cán bộ KH&CN để giải quyết nhiều vấn đề cấp



Kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài KH&CN cấp tỉnh “Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình thâm canh cây cam bền vững tại K4, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng”.

Ảnh: Sỹ Tiến

với nhiều điểm đột phá, trong đó có đột phá về cơ chế xác định các nhiệm vụ KH&CN, tạo được hành lang pháp lý vừa thông thoáng vừa chặt chẽ trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN. Qua đó đã khắc phục được một số nhược điểm trong công tác quản lý các nhiệm vụ KH&CN trong thời gian qua, tạo thuận lợi cho cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án trong quá trình triển khai thực hiện; thông qua đó đã từng bước nâng cao chất lượng các đề tài, dự án, nâng cao tính ứng dụng

bách của tỉnh đặt ra. Đây được coi là một giải pháp tối ưu gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu khoa học và thực tiễn, giảm thiểu tình trạng đề tài nghiên cứu cất ngăn kéo, giúp các nhà khoa học tìm được địa chỉ ứng dụng kết quả nghiên cứu của mình, đồng thời đảm bảo kinh phí đầu tư cho khoa học có hiệu quả, giảm thiểu lãng phí.

Việc xác định và phê duyệt nhiệm vụ KH&CN cũng được thực hiện thường xuyên, liên tục trong năm thông qua

các hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở nguồn ngân sách nhà nước dành cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Việc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước được thông qua Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh. Như vậy, thay vì phải giới hạn vì phụ thuộc vào kế hoạch năm, các đề tài có giá trị đều có thể xem xét tiến hành bất cứ lúc nào; hoạt động nghiên cứu khoa học vì vậy cũng sẽ không còn mang tính “thời vụ” như trước đây mà theo nhu cầu sáng tạo của nhà khoa học và nhu cầu của doanh nghiệp, tổ chức.

Để làm được những điều đó, Sở KH&CN đã tiến hành rất chặt chẽ từ khâu xét chọn đề tài, kiểm tra tiến độ và nghiệm thu. Đặc biệt ở khâu xét chọn đề tài, Sở KH&CN cũng đã tham mưu UBND tỉnh cơ cấu lại các nhiệm vụ KH&CN gắn với việc phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực nhằm nâng cao giá trị gia tăng và tính cạnh tranh của các sản phẩm, với yêu cầu phát triển sản xuất của các doanh nghiệp và nền kinh tế. Các đề tài, dự án KH&CN phải “chốt” được dạng sản phẩm, đồng thời đảm bảo nguyên tắc thực hiện theo hướng tập trung, chất lượng và có tính ứng dụng cao, không chạy theo số lượng. Trong đó, tập trung phát triển các công nghệ phục vụ sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh cao, các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ năng lượng mới, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, ưu tiên các dự án sản xuất thử nghiệm, các dự án KH&CN về phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực, tiềm năng có triển vọng. Các nhiệm vụ KH&CN được điều chỉnh theo hướng giải quyết đồng bộ các khâu trong chuỗi giá trị sản phẩm, đầu tư xuyên suốt từ khâu nghiên cứu, hoàn thiện quy trình, đưa vào áp dụng trong sản xuất để thương mại hoá các

sản phẩm KH&CN. Ngay cả trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, các đề tài cũng phải có địa chỉ ứng dụng cụ thể và sẽ được bàn giao kết quả sau nghiệm thu. Tinh thần, nội dung tái cơ cấu không chỉ áp dụng đối với các đề tài, dự án cấp tỉnh và cấp cơ sở mà còn áp dụng đối với các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở KH&CN, nhất là trong các công tác xét chọn đề tài, kiểm tra tiến độ, nghiệm thu...

Cùng với các cơ chế mang tính đột phá đó, việc thực hiện xã hội hóa trong hoạt động nghiên cứu khoa học, huy động các nguồn lực trong xác định và thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, định hướng liên kết xác định và thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh dần hình thành các nhiệm vụ KH&CN liên kết giữa tổ chức KH&CN, nhà khoa học với doanh nghiệp và các tổ chức khác để xác định và thực hiện nhiệm vụ KH&CN phục vụ yêu cầu đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa.

...và những “trái ngọt đầu mùa”

Có lẽ chưa bao giờ công tác nghiên cứu ứng dụng của ngành KH&CN tỉnh nhà có được thắng lợi lớn đến thế khi chỉ sau 02 năm thực hiện tái cơ cấu, ngành đã nghiên cứu và đưa ra thị trường 7 sản phẩm từ kết quả đề tài KH&CN nghiên cứu thành công và đã được thị trường đón nhận gồm: Chè Vàng hòa tan, Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Cà gai leo – Linh chi (Cagali), Linh Chi hòa tan (Đất lửa), Nhung Trùng Thảo (Đông Trùng Hạ Thảo), rượu Đông Trùng Hạ Thảo, Tỏi đen, rượu Tỏi đen. Các sản phẩm đều có giá trị kinh tế lớn, có hàm lượng khoa học cao, mang tính đặc thù của địa phương, có sức cạnh tranh cao và có ý nghĩa thiết thực trong đời sống. Đây đều là các sản phẩm từ các đề tài, dự

án cấp tỉnh và cấp cơ sở do Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN nghiên cứu thực hiện. Đây cũng là các đề tài, dự án KH&CN được thực hiện theo hướng giải quyết đồng bộ các khâu trong chuỗi giá trị sản phẩm, đầu tư xuyên suốt từ khâu nghiên cứu, hoàn thiện quy trình, đưa vào áp dụng trong sản xuất và thương mại hoá các sản phẩm KH&CN. Vì vậy, cùng với việc chuẩn hóa về chất lượng sản phẩm, tăng năng lực chế biến, công tác xây dựng thương hiệu, quảng bá và phân phối sản phẩm đã được thực hiện

triển khai dự án: *Ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng phần mềm kế toán hợp tác xã nông nghiệp*, đến nay phần mềm đã chuyển giao cho trên 150 hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh và trên 100 hợp tác xã nông nghiệp ở Quảng Bình và Ninh Bình sử dụng đạt kết quả cao; dự án: *Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm tăng cường quảng bá, thương mại hóa sản phẩm các nghề, làng nghề trên địa bàn tỉnh*, đến nay đã áp dụng cho các làng nghề, nghề nhân, hộ sản xuất, cơ sở sản xuất và cơ quan



Sản phẩm Linh chi hòa tan Đất lửa. Ảnh: Sỹ Tiến

một cách bài bản, chuyên nghiệp. Các sản phẩm trên đã được nhiều người trong và ngoài nước biết đến, tin tưởng và sử dụng.

Công tác chuyển giao, ứng dụng kỹ thuật tiến bộ phục vụ yêu cầu sản xuất, kinh doanh do các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện thông qua triển khai các đề tài, dự án các cấp cũng như nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng cũng đạt được nhiều thành tựu. Tiêu biểu như Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN đã

thường trực quản trị, vận hành website cùng các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia khai thác và sử dụng dịch vụ của website tại địa chỉ langnghequangtri.com... Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng với dự án: *Xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm đặc sản, sản phẩm truyền thống mang yếu tố địa danh ở các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh*, kết quả đến nay Cục Sở hữu trí tuệ đã cấp văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ nhãn hiệu tập thể/nhãn hiệu chứng nhận cho 09 sản phẩm

đặc sản của tỉnh. Tiếp theo sau sự thành công của dự án, Sở KH&CN đã tham mưu UBND tỉnh đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ dự án Quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể một số sản phẩm đặc sản, sản phẩm truyền thống mang địa danh của tỉnh Quảng Trị thuộc *Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020* nhằm tiếp tục nâng cao uy tín, giá trị và sức cạnh tranh của các sản phẩm đặc sản, sản phẩm truyền thống của tỉnh. Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN ngày càng phát huy vai trò đầu mối đẩy nhanh ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất. Thời gian qua, Trung tâm đã tích cực chuyển giao nhiều công nghệ tiên tiến cho các đơn vị trong và ngoài tỉnh như: ứng dụng chế phẩm sinh học sản xuất phân hữu cơ từ phế phụ phẩm nông nghiệp, kỹ thuật làm đệm lót sinh học trong chăn nuôi, kỹ thuật ứng dụng chế phẩm probiotic bổ sung thức ăn chăn nuôi, kỹ thuật chăm sóc và thu hái dược liệu, kỹ thuật trồng hoa... giúp cho nhiều đơn vị, địa phương ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất và phát triển đời sống, bảo vệ môi trường. Mỗi năm, Trung tâm tổ chức tập huấn cho hơn 500 học viên về ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất; phối hợp với các huyện, thị, thành phố trong tỉnh tổ chức nhiều lớp dạy nghề cho nông dân...

Với sự quyết liệt trong việc hạn chế tối đa các đề tài, dự án KH&CN không gắn với thực tiễn và không có sản phẩm, địa chỉ ứng dụng cụ thể, kể cả các đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, những năm gần đây, số lượng các đề tài, dự án nghiên cứu thành công được ứng dụng, kể cả nhân rộng phục vụ sản xuất và đời sống ngày càng tăng. Trên cơ sở đó, Sở KH&CN đã tham mưu UBND tỉnh tham mưu HĐND tỉnh ban hành *Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 về chính sách hỗ trợ*

ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025. Có thể xem đây là một thành công lớn về mặt chính sách trong lĩnh vực KH&CN trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua, khẳng định sự quan tâm của Lãnh đạo tỉnh đối với công tác nghiên cứu ứng dụng KH&CN trên địa bàn tỉnh cũng như sự quyết tâm của ngành KH&CN tỉnh trong việc đưa kết quả KH&CN vào thực tiễn sản xuất và đời sống. Lần đầu tiên, công tác ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh đã có một chính sách hỗ trợ khá toàn diện, bài bản trên các lĩnh vực với nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách của địa phương. Nghị quyết sau khi triển khai hứa hẹn sẽ tạo ra những bước đột phá trong công tác nghiên cứu, ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN của tỉnh trong thời gian tới.

Ngày 18/5/1963 tại Đại hội lần thứ Nhất của Hội phổ biến Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến dự và phát biểu: *"...Khoa học phải từ sản xuất mà ra và phải trở lại phục vụ sản xuất, phục vụ quần chúng, nhằm nâng cao năng suất lao động, không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân, bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi ..."*. Nguyên lý, mục tiêu và sứ mệnh cao cả của nền KH&CN trong lời Bác dạy đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Đồng hành với sự phát triển của tỉnh, hoạt động KH&CN cũng phải ngày càng phải khẳng định được tính ứng dụng vào thực tiễn của đời sống kinh tế - xã hội. Như vậy, trong giai đoạn tới, những nhiệm vụ KH&CN không chỉ phát triển về số lượng mà chất lượng phải nâng cao hơn nữa, ứng dụng nhanh vào thực tế, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, phát triển đất nước./.

H.M.A



NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG THAN SINH HỌC VÀ ĐẤT SÉT NUNG ĐỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

NGUYỄN XUÂN CƯỜNG, TRẦN THỊ CÚC
PHƯƠNG, HOÀNG VĂN HOAN
Khoa Công nghệ kĩ thuật môi trường
Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện với 02 bể thí nghiệm gồm: bể lọc nhanh cải tiến với vật liệu đất sét nung (CRIS1) và bể lọc nhanh cải tiến - than sinh học (CRIS2) để xử lý nước thải sinh hoạt. Kết quả vận hành mô hình thí nghiệm cho thấy, bể lọc đất sét nung CRIS1 có hiệu quả loại bỏ chất dinh dưỡng ($\text{NH}_4\text{-N}$ và $\text{PO}_4\text{-P}$) cao hơn bể lọc than sinh học CRIS2. Tuy nhiên, hiệu quả loại bỏ hợp chất hữu cơ (BOD_5 và COD) của các bể thí nghiệm có xu hướng ngược lại. Hiệu quả loại bỏ BOD_5 trung bình là 61%, COD là 59,6%, $\text{PO}_4\text{-P}$ là 80,3% và $\text{NH}_4\text{-N}$ là 79,8%. Nước thải sau khi qua các bể xử lý nồng độ ô nhiễm thấp hơn QCVN 14:2008/BTNMT.

1. MỞ ĐẦU

Nước thải sinh hoạt không được xử lý là nguyên nhân hàng đầu gây ô nhiễm các sông, hồ đô thị ở nước ta. Theo thống kê, chỉ khoảng 10% (700.000 m³/ngày)

nước thải đô thị (NTĐT) ở Việt Nam được xử lý trong các nhà máy tập trung [9].

Công nghệ xử lý nước thải (XNLT) đô thị tập trung có thể giải quyết vấn đề nước thải một cách nhanh chóng và đã được áp dụng tại một số thành phố ở Việt Nam. Tuy nhiên, công nghệ này có nhược điểm là chi phí đầu tư và vận hành cao. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới, các địa phương chủ yếu dùng nguồn vốn vay ODA để thực hiện các dự án đầu tư nhà máy XLNT này [14]. Thực tế này làm nảy sinh yêu cầu nghiên cứu, tìm kiếm các giải pháp công nghệ có chi phí thấp và linh động, phù hợp với các địa phương hoặc chủ thể xả thải có nguồn kinh phí hạn chế.

Công nghệ xử lý chi phí thấp là các công nghệ dựa vào các quá trình xử lý tự nhiên (đất, cây trồng và vật liệu lọc), sử dụng các vật liệu rẻ tiền, không đòi hỏi kĩ thuật cao và dễ vận hành [7, 12]. Các công nghệ thuộc nhóm này bao

gồm: đất ngập nước nhân tạo, lọc cát nhanh, đất xếp lớp đa tầng... Công nghệ XLNT chi phí thấp thường là công nghệ linh động, có thể ứng dụng ở quy mô tập trung, bán tập trung và phân tán (tại nguồn) [8, 11].

Các nghiên cứu gần đây tập trung phát triển nhiều loại vật liệu để nâng cao hiệu quả XLNT. Các vật liệu như cát, sỏi, than bùn, than xỉ, than sinh học, đất sét nung, zeolit... đã được nghiên cứu và ứng dụng XLNT [2-4].

Nghiên cứu này tập trung nghiên cứu, so sánh 2 loại vật liệu có nhiều ưu điểm và tiềm năng trong XLNT đó là than sinh học và đất sét nung. Đất sét nung là một dạng vật liệu có nguồn gốc từ đất sét tự nhiên, được nung ở nhiệt độ cao (1000-1200°C). Đây là vật liệu có trọng lượng nhẹ, độ rỗng lớn và có tiềm năng hấp thụ/phụ chất dinh dưỡng cao [2]. Than sinh học là vật liệu được tạo thành từ thực vật như gỗ, vỏ lúa, tre, củi ngô, phân động vật... và nung yếm khí ở 300-600°C..

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. BỐ TRÍ THÍ NGHIỆM

Hệ thống thí nghiệm bao gồm 02 bể lọc cải tiến đặt song song. Bể lọc thứ nhất (CRIS1) gồm các lớp lọc tự nhiên - đất nung và bể lọc thứ 2 (CRIS2) gồm các lớp lọc tự nhiên - than sinh học. Kích thước mỗi bể là 50 x 50 x 100 (cm) (Dài x Rộng x Cao).

Bể CRIS1 gồm các lớp lọc được bố trí như sau: lớp dưới cùng là sỏi thoát nước với kích thước 2-3cm, chiều cao là 10cm; lớp tiếp theo là đất sét nung với kích thước từ 1-1,5cm, chiều cao là 40cm; lớp kế tiếp là cát trung bình có kích thước < 2mm, chiều cao là 20cm; và lớp trên cùng là đất cát pha, chiều cao 10cm. Bể CRIS2 tương tự như bể CRIS1, nhưng thay lớp đất nung bằng than sinh học (cao 40cm).

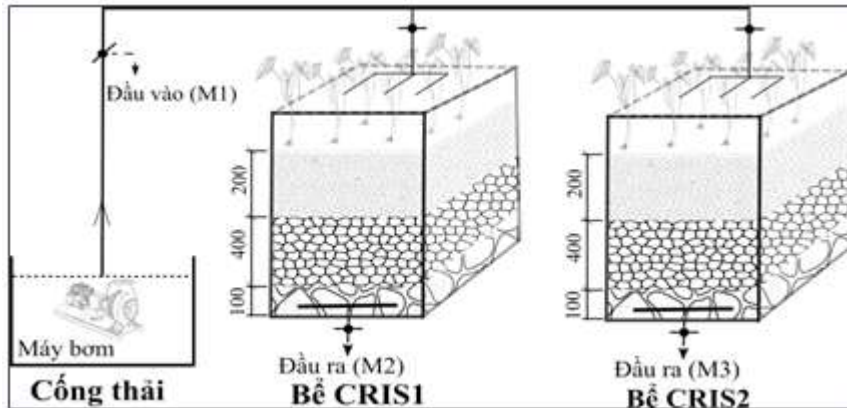
Cây môn nước được trồng trong 02 bể với khoảng cách giữa các hàng là 10 cm với mật độ trung bình 64 cây/m². Cây có chiều cao ban đầu đưa vào trồng là 25cm, số lượng cây được sử dụng trong mỗi bể là 16 cây, tổng khối lượng 0,7kg. Độ rỗng của 2 bể bằng nhau và có giá trị là 0.68.

Than sinh học được làm từ nguyên liệu vỏ tràm khô, được nung trong điều kiện yếm khí ở nhiệt độ 300°C trong thời gian 1 giờ. Than sau khi nung có kích thước từ 1-3,5cm. Đất nung hay còn gọi là đất sét nhẹ tổng hợp, được làm từ đất sét tự nhiên và nung ở nhiệt độ 1.000-1.200°C. Đất nung có hình tròn, trọng lượng nhẹ và có kích thước hạt từ 0,5-1cm (Hình 1).

Mô hình thí nghiệm được đặt tại ký túc xá Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị và vận hành từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2018. Nước thải được bơm trực tiếp từ cống thải và phân phối vào 02 bể với lưu lượng 15 L/ngày bằng hệ thống



Hình 1. Đất sét nung và than sinh học



Hình 2. Sơ đồ bố trí bể thí nghiệm và lấy mẫu nước

các ống nhựa đục lỗ. Tải trọng thủy lực của bể xử lý là 0,06 m/ngày.

2.2. PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

Để đánh giá và so sánh hiệu quả làm sạch nước thải của các bể thí nghiệm, các mẫu nước thải tại đầu vào và đầu ra của các bể được đưa vào phân tích. Mẫu nước thải được lấy với tần suất 2 lần/tuần, tổng thời gian lấy mẫu là 03 tháng. Thông số nước thải phân tích gồm: pH, BOD₅, TSS, NH₄-N, NO₃-N, TN, PO₄-P và TP. pH được đo bằng máy đo đa chỉ tiêu HQ40D (Hach, Mỹ). BOD₅ được xác định theo TCVN 6001-1: 2008, NO₃-N theo TCVN 6180: 1996, TN theo TCVN 6624-1: 2000, TP theo TCVN 6202:1996 và TSS theo TCVN 6625:2000. COD được phân tích theo tiêu chuẩn quốc

tế SMWW 5220D, NH₄-N theo SMWW 4500 NH₃ F và PO₄-P theo SMWW 4500 P-E [10].

2.3. PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ SỐ LIỆU

Số liệu nghiên cứu được nhập và lưu trữ bằng phần mềm Excel. Phân tích thống kê mô tả (phương sai, độ lệch chuẩn, trung vị), phân tích phương sai và vẽ biểu đồ được thực hiện bằng phần mềm R (version 3.2.2).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. THÔNG SỐ NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO

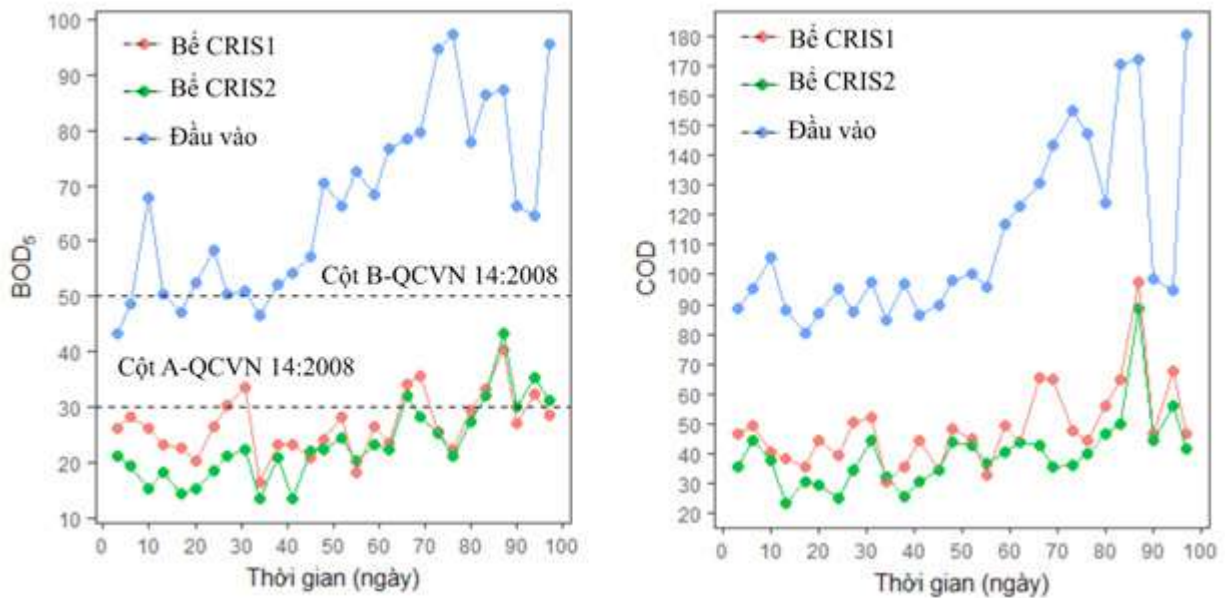
Mẫu nước thải đầu vào mô hình thí nghiệm được lấy trực tiếp từ ống của máy bơm. Đây là nước thải từ cống thu gom nước thải của KTX. Tổng số mẫu trong nghiên cứu mô hình thí nghiệm là

Thông số	Đơn vị	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn	QCVN 14:2008/BTNMT	
						Cột A	Cột B
pH		6,9	7,22	7,09	0,13	5-9	5-9
TSS	mg/L	98	142	119,4	15,9	50	100
BOD ₅	mg/L	43,4	97,3	66,5	15,9	30	50
COD	mg/L	80,3	180,5	112	29,1	-	-
NH ₄ -N	mg/L	15,2	69,4	32,6	12	5	10
PO ₄ -P	mg/L	0,89	1,93	1,36	0,31	6	10

Bảng 1. Giá trị các thông số nước thải đầu vào (n = 28)

Bể xử lý	Đầu ra (mg/L)	Tải lượng loại bỏ (g/m ² .d)	Hiệu quả
BOD ₅			
CRIS1	26,9	2,38	58
CRIS2	23,5	2,58	64,2
COD			
CRIS1	48,7	3,8	55,6
CRIS2	39,9	4,3	63,6

Bảng 2. Đầu ra và tải lượng loại bỏ hợp chất hữu cơ của hệ thống



Hình 2. Giá trị đầu vào và đầu ra của COD và BOD₅ (đơn vị mg/L)

28 mẫu. Nhìn chung, giá trị của các thông số nước thải đầu vào ở mức trung bình. Các thông số pH và PO₄-P thấp hơn mức quy chuẩn xả thải. TSS và BOD₅ vượt so với QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) không đáng kể (BOD₅ vượt 16,6 mg/L và NH₄-N vượt hơn 3 lần).

3.2. HIỆU QUẢ XỬ LÝ CÁC HỢP CHẤT HỮU CƠ

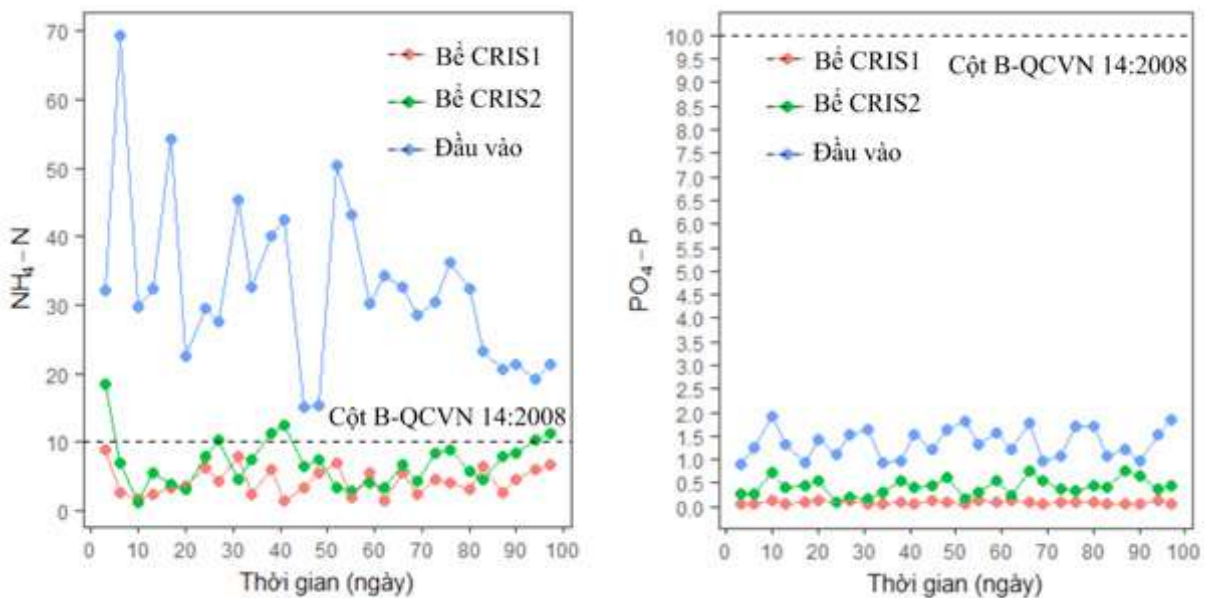
Hiệu quả xử lý các hợp chất hữu cơ của hệ thống được thể hiện ở Bảng 2 và Hình 3. Giá trị BOD₅ trung bình đầu vào của hệ thống là 66,5 mg/L và có xu hướng gia tăng cuối giai đoạn quan trắc (Hình 3).

BOD₅ đầu ra của cả 02 bể xử lý khá thấp, tương ứng 26,9mg/L (CRIS1) và 23,5mg/L (CRIS2). Tương tự, COD đầu ra của bể CRIS2 (48,7mg/L) thấp hơn CRIS1 (39,9 mg/L). Hiệu quả loại bỏ BOD₅ trung bình trong 02 bể CRIS1 và CRIS2 tương ứng là 57,9% và 64,2%, và COD là 55,6% (CRIS1) và 63,6% (CRIS2).

Nhìn chung, hiệu quả xử lý hợp chất hữu cơ trong hệ thống là khá cao, giá trị BOD₅ đầu ra còn thấp hơn cả giá trị cột A-QCVN 14:2008/BTNMT (30 mg/L). Kết quả này tương ứng với các kết quả nghiên cứu trước đây: 83% [5] và 81%

Bể xử lý	Đầu ra (mg/L)	Tải lượng loại bỏ (g/m ² .d)	Hiệu quả xử lý (%)
NH₄-N			
CRIS1	4,35	1,70	84,6
CRIS2	7,06	1,53	75
PO₄-P			
CRIS1	0,09	0,08	93,3
CRIS2	0,42	0,06	67,3

Bảng 3. Đầu ra và tải lượng loại bỏ các chất dinh dưỡng



Hình 3. Loại bỏ chất dinh dưỡng ở các bể xử lý

[15]. Hợp chất hữu cơ chủ yếu được loại bỏ bởi cơ chế sinh học dưới điều kiện hiếu khí [1, 13]. Bên cạnh đó, vật liệu lọc có lỗ rỗng và diện tích bề mặt lớn cũng góp phần loại bỏ hợp chất hữu cơ trong nước thải [6].

3.2. HIỆU QUẢ LOẠI BỎ CHẤT DINH DƯỠNG

Chất dinh dưỡng trong nghiên cứu này được đánh giá thông qua chỉ tiêu NH₄-N và PO₄-P. Hiệu quả loại bỏ NH₄-N và PO₄-P của bể CRIS1 cao hơn so với CRIS2 (Bảng 3). Điều này cho thấy vật liệu lọc trong 02 bể xử lý có ảnh hưởng

đến hiệu quả xử lý chất dinh dưỡng, trong đó đất sét nung góp phần loại bỏ chất dinh dưỡng cao hơn than sinh học. Tương tự, tải lượng loại bỏ của NH₄-N và PO₄-P trong bể CRIS1 cũng cao hơn bể CRIS2.

Nồng độ NH₄-N đầu vào cao hơn khá nhiều so với QCVN 14:2008/ BTNMT (Hình 3). Giá trị NH₄-N trung bình đầu vào là 32,63 mg/L. Qua bể xử lý, NH₄-N trung bình sau bể CRIS1 là 4,35 mg/L và CRIS2 là 7,06 mg/L, thấp hơn QCVN 14:2008/ BTNMT. Hình 3 cho thấy, nồng độ PO₄-P đầu vào (1,36

mg/L) và đầu ra (0,09 mg/L của CRIS1 và 0,4 mg/L của CRIS2) đều khá thấp so với giới hạn xả thải.

4. KẾT LUẬN

Nước thải sinh hoạt được thử nghiệm xử lý thông qua hệ thống 02 bể lọc nhanh cải tiến với vật liệu lọc đất sét nung và than sinh học. Kết quả vận hành trong 03 tháng cho thấy, bể lọc nhanh cải tiến với vật liệu đất nung có hiệu quả loại bỏ chất dinh dưỡng ($\text{NH}_4\text{-N}$ và $\text{PO}_4\text{-P}$) cao hơn bể lọc nhanh cải tiến với vật liệu than sinh học. Trong khi đó, loại bỏ BOD_5 và COD trong bể CRIS2 cao hơn bể CRIS1. Nước thải sau khi qua các bể xử lý có giá trị ô nhiễm thấp hơn QCVN 14:2008/BTNMT.

N.X.C, T.T.C.P, H.V.H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Chen, Xin, Luo, An Cheng, Sato, Kuniaki, Wakatsuki, Toshiyuki, and Masunaga, Tsugiyuki (2009), "An introduction of a multi-soil-layering system: a novel green technology for wastewater treatment in rural areas", *Water and Environment Journal*. 23(4), pp. 255-262.

[2]. Dordio, A. and J P Carvalho, A. (2013), *Constructed wetlands with light expanded clay aggregates for agricultural wastewater treatment*, Vol. 463-464C, 454-461.

[3]. Guan, J., Zhang, Yuan, Zhong, Chun-Ni, Huang, Xiao-Feng, Fu, Jie, and Zhao, Dongye (2015), "Effect of operating factors on the contaminants removal of a soil filter: multi-soil-layering system", *Environ Earth Sci*. 71(3), pp. 2679–2686.

[4]. Ho, Chia-Chun and Wang, Pei-Hao (2015), "Efficiency of a Multi-Soil-Layering System on Wastewater Treatment Using Environment-Friendly Filter Materials", *International Journal of Environmental Research and Public Health*. 12(3), pp. 3362-3380.

[5]. Latrach, Lahbib, Ouazzani, Naaila, Masunaga, Tsugiyuki, Hejjaj, Abdessamad, Bouhoum, Khadija, Mahi, Mustapha, and Mandi, Laila (2016), "Domestic wastewater disinfection by combined treatment using multi-soil-layering

system and sand filters (MSL–SF): A laboratory pilot study", *Ecological Engineering*. 91, pp. 294-301.

[6]. Luanmanee, S., Boonsook, P., Attanandana, T., Saitthiti, B., Panichajakul, C., and Wakatsuki, T. (2002), "Effect of intermittent aeration regulation of a multi-soil-layering system on domestic wastewater treatment in Thailand", *Ecological Engineering*. 18(4), pp. 415-428.

[7]. Trivedi, R. K. (2010), *Low cost wastewater treatment technologies*, ABD Publishers, Jaipur, India.

[8]. Valipour, Alireza and Ahn, Young-Ho (2015), "Constructed wetlands as sustainable ecotechnologies in decentralization practices: a review", *Environ Sci Pollut Res*. 23(1), pp. 180–197.

[9]. ADB (2015), *Các vấn đề vệ sinh đô thị ở Việt Nam*, Asian Development Bank, Manila, Philippines.

[10]. APHA/WEF/AWWA (2012), *Standard Methods for the Examination of Water & Wastewater*, Centennial Edition. 22 ed, Editor^Editors, American Public Health Association, the American Water Works Association, and the Water Environment Federation, Washington DC, USA.

[11]. Gikas, G. D. and Tsihrintzis, V. A. (2010), "On-site treatment of domestic wastewater using a small scale horizontal subsurface flow constructed wetland", *Water Science & Technology*. 62(3), pp. 603-614.

[12]. Grau, Petr (1996), "Low cost wastewater treatment", *Water Science & Technology*. 33(8), pp. 39-46.

[13]. Vymazal, J. (2005), "Horizontal sub-surface flow and hybrid constructed wetlands systems for wastewater treatment", *Ecol Eng*. 25(5), pp. 478–490.

[14]. WB (2013), *Vietnam - Urban wastewater review: Executive summary*, World Bank, Washington DC, USA.

[15]. Wu, Su-qing, Chang, Jun-jun, Dai, Yanran, Wu, Zhen- bin, and Liang, Wei (2013), "Treatment performance and microorganism community structure of integrated vertical-flow constructed wetland plots for domestic wastewater", *Environmental Science and Pollution Research*. 20(6), pp. 3789–3798.



Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Linh chi hòa tan “Đất Lửa”: Làm chủ công nghệ chế biến, sản xuất và thương mại hóa sản phẩm

NGUYỄN NGỌC HUỲNH

Phó Trạm trưởng Trạm Nghiên cứu, Thực nghiệm
và Phát triển Nấm

Cùng với sự phát triển về kinh tế - xã hội là nhu cầu cải thiện, nâng cao chất lượng sống của con người bằng thực phẩm sạch có giá trị dinh dưỡng hỗ trợ sức khỏe, trong đó có các loại thực phẩm chức năng. Nghiên cứu và thử nghiệm thành công việc trồng Nấm Linh chi đỏ từ năm 2012, đến nay, bên cạnh sản xuất và thương mại sản phẩm Nấm Linh chi quả thể, Trạm Nghiên cứu, Thực nghiệm và Phát triển nấm thuộc Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN Quảng Trị đã thành công trong việc nghiên cứu, làm chủ quy trình công nghệ, sản xuất thành công và bước đầu thương mại hóa sản phẩm Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Linh chi hòa tan thương hiệu “Đất lửa”.

Nấm Linh chi đỏ là một loại dược liệu quý có nhiều lợi ích cho sức khỏe, với các hoạt chất quý giá như polysaccharide, triterpenoid, acid genoderic và nhiều thành phần dinh dưỡng giàu hàm lượng lipid, protein, kẽm, natri, nhôm, canxi, kali, sắt, magie, mangan giúp cơ thể tăng khả năng miễn dịch và khả năng cung cấp oxy cho máu. Nấm Linh chi đỏ có thể phòng và chữa trị nhiều bệnh do

khả năng miễn dịch bị suy giảm như phù thũng hoặc viêm gan, bài tiết các chất độc, có tác dụng an thần, trị bệnh thần kinh suy nhược, mắt kém, chữa viêm thận, kéo dài tuổi thọ cho con người

Từ năm 2009, Trạm Nghiên cứu, Thực nghiệm và Phát triển Nấm đã tiến hành nghiên cứu, sản xuất thành công sản phẩm Nấm Linh chi đỏ quả thể. Nấm Linh chi đỏ được nuôi trồng theo

tiêu chuẩn VietGAP đúng quy trình kỹ thuật, nguyên liệu chủ yếu từ mùn cưa cao su, các loại gỗ mềm không có tinh dầu và độc tố, được xử lý loại bỏ các tạp chất làm kiềm hóa và bổ sung các chất giàu vitamin như bột ngô, cám gạo...; đóng bịch phôi đạt yêu cầu kỹ thuật về trọng lượng và ẩm độ; hấp thanh trùng, cấy giống, các công đoạn được thực hiện hoàn toàn bằng thiết bị máy móc, phòng cấy giống luôn sạch sẽ sát khuẩn và nhà ươm sợi nấm thoáng mát; nhà trồng nấm sạch sẽ, thông thoáng, luôn

nâu sẫm đồng nhất trên bề mặt làm nên quả thể nấm đẹp, chất lượng tốt, sản lượng khá. Sau khi thu hái, quả thể Nấm Linh chi đỏ được vệ sinh sạch sẽ rồi phơi hoặc sấy khô ở nhiệt độ từ 40-55°C, độ ẩm không quá 12%, đóng gói hút chân không và gắn nhãn mác ghi rõ công hiệu và cách dùng.

Sau khi nghiên cứu, sản xuất được quả thể Nấm Linh chi đỏ thành công, Trạm Nghiên cứu, Thực nghiệm và Phát triển Nấm cũng đã cho ra thị trường sản phẩm nấm Linh Chi đỏ quả thể và được



Nấm Linh chi được trồng tại Trạm Nghiên cứu, Thực nghiệm và Phát triển Nấm. Ảnh: Tư liệu

đảm bảo các điều kiện sinh trưởng của các loại nấm như: độ ẩm từ 80-90%, nhiệt độ từ 22-28°C, ánh sáng khuếch tán và chiếu đều mọi phía, kín gió, có mái che, xung quanh vây lưới chống côn trùng nhằm hạn chế nhiễm bệnh gây hại nấm; hệ thống tưới phun sương bằng nước sạch. Trong điều kiện nuôi trồng, chăm sóc đạt các yêu cầu kỹ thuật như vậy nên nấm Linh Chi đỏ sinh trưởng tốt ngay tại xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ với cuống nấm có màu đỏ hoặc nâu đỏ, mũ nấm hình quạt, lớp bào tử có màu

thị trường bước đầu đón nhận, tạo được tiếng vang nhất định. Thành công bước đầu trong việc nghiên cứu, sản xuất quả thể nấm Linh Chi đỏ là động lực cho Trạm nghiên cứu về chế biến sâu loại sản phẩm có giá trị dược liệu đặc biệt này. Cùng với quá trình thương mại hóa sản phẩm quả thể nấm Linh Chi đỏ, Trạm Nghiên cứu Thực nghiệm và Phát triển Nấm tiếp tục nung nấu ý tưởng cho ra đời sản phẩm Trà Linh chi dạng hòa tan, thực phẩm bảo vệ sức khỏe Linh

Chi hòa tan tiện lợi nhưng vẫn giữ được hương vị đặc trưng và tất cả các hoạt chất quý có trong Nấm Linh Chi đỏ.

Năm 2017, Trạm Nghiên cứu, Thực nghiệm và Phát triển Nấm được sự quan tâm của Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt dự án cấp cơ sở Nghiên cứu quy trình và sản xuất sản phẩm Trà Linh chi hòa tan. Với mục tiêu nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, thử nghiệm sản xuất nhằm làm chủ quy trình công nghệ, tạo sản phẩm từ

sản phẩm Linh chi hòa tan “Đất lửa” so với các sản phẩm khác trên thị trường là sử dụng nguyên liệu 100% Nấm Linh Chi Đỏ được nuôi trồng theo tiêu chuẩn VietGAP được chiết xuất trên hệ thống dây chuyền thiết bị hiện đại chiết xuất cô đặc toàn hoàn chân không, chiết xuất ở nhiệt độ thấp nên giữ được tất cả các tinh dược quý, thu được hết các hoạt chất và lưu giữ được hương vị đặc trưng có trong Nấm Linh Chi đỏ (như hàm lượng polysaccharide, triterpenoid,



Sản phẩm Linh chi hòa tan “Đất lửa”. Ảnh: Sỹ Tiến

Nấm dược liệu chất lượng và giá trị cao nhằm phát triển nhóm sản phẩm, hàng hóa mới có giá trị gia tăng cao trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu, làm chủ quy trình công nghệ, vận hành thiết bị nhằm sản xuất thành công thực phẩm bảo vệ sức khỏe Linh chi hòa tan, tạo sản phẩm mới có chất lượng và giá trị cao trên địa bàn tỉnh là dự án mà Trạm Nghiên cứu, Thực nghiệm và Phát triển Nấm đặt nhiều tâm huyết và công sức triển khai thực hiện. Kết quả, đơn vị đã nghiên cứu, làm chủ công nghệ, sản xuất thành công sản phẩm Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Linh chi hòa tan “Đất lửa”. Điểm khác biệt của

acid genoderic... được giữ lại ở mức tối đa, những hoạt chất này rất tốt cho sức khỏe); Không sử dụng hóa chất, không chất bảo quản nên đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng. Sản phẩm Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Linh chi hòa tan “Đất lửa” được sản xuất theo quy trình hiện đại: Nguyên liệu (quả thể nấm Linh chi đỏ) được làm sạch, cho vào buồng chiết cùng với dung môi. Sau khi chiết, dịch chiết được chuyển sang cô đặc thu hồi sản phẩm đạt yêu cầu chuyển vào hệ thống sấy, sau khi sấy xong đưa vào máy nghiền làm mịn rồi chuyển vào máy đóng gói. Thực phẩm bảo vệ sức

khỏe Linh chi hòa tan “Đất Lửa” được đóng gói dạng gói 3 gram, mỗi hộp 25 gói rất thuận tiện trong sử dụng, hỗ trợ người tiêu dùng bảo vệ sức khỏe mỗi ngày. Quá trình sản xuất nuôi trồng, chế biến sản phẩm được Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Quảng Trị xác nhận vùng sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm số 09/2017/NN-PTNT-QT ngày 2/10/2017, Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm cấp giấy xác nhận cơ sở đủ điều kiện VSATTP số 048/2017/YTQT-XNCB ngày 28/11/2017. Cục An toàn vệ sinh thực phẩm – Bộ Y Tế cấp giấy tiếp nhận đăng ký số 8436/2018/ĐKSP ngày 22 tháng 10 năm 2018 công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

Để thương mại hóa sản phẩm, Trạm Nghiên cứu, Thực nghiệm và Phát triển nấm đã tiến hành đăng ký mã số mã vạch, đóng gói bao bì, thiết kế nhãn mác và bước đầu đưa ra tiêu thụ, trong đó chủ yếu ở thị trường nội tỉnh, các tỉnh. Hiện nay, sản phẩm Nấm Linh chi đỏ quả thể và Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Linh chi hòa tan “Đất lửa” của Trạm Nghiên cứu, Thực nghiệm và Phát triển nấm đã được bày bán cùng với nhiều mặt hàng nông sản đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm ở Siêu thị Nông sản hữu cơ Quảng Trị cũng như ở các thành phố lớn như Hà Nội. Sản phẩm này được người tiêu dùng ưa chuộng ở thị trường trong tỉnh, trong nước một phần vì công dụng không thua gì Nấm Linh chi quả thể, một phần bởi sự tiện lợi mà sản phẩm này mang tới cho người sử dụng.

Sau khi làm chủ công nghệ, sản xuất và bước đầu thương mại hóa sản phẩm thành công, vấn đề đặt ra lâu dài là mở rộng kênh bán hàng, tiếp thị sản phẩm đến người tiêu dùng, đặc biệt phải mở rộng, xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu sạch để phục vụ cho việc chế biến sản phẩm. Trước đó, từ sự

hỗ trợ của Sở Khoa học và Công nghệ, Trạm Nghiên cứu, Thực nghiệm và Phát triển nấm đã chuyển giao kỹ thuật nuôi trồng Nấm Linh Chi đỏ cho các hộ gia đình có đủ điều kiện sản xuất và bao tiêu toàn bộ số sản phẩm của các hộ dân nuôi trồng Nấm Linh Chi đỏ thành công. Hộ gia đình ông Hoàng Xuân Kha ở thôn Hà Thượng, xã Gio Châu, huyện Gio Linh đã triển khai mô hình chuyển giao trồng Nấm Linh Chi đỏ thành công và đạt hiệu quả kinh tế cao. Trên cơ sở kết quả thử nghiệm chuyển giao kỹ thuật trồng Nấm Linh Chi đỏ ở hộ ông Kha, trong khuôn khổ thực hiện dự án, đến năm 2020 Trạm sẽ nhân rộng mô hình này cho các hộ có điều kiện về đầu tư và khả năng tiếp nhận kỹ thuật để phát triển sản phẩm này, vì đây là hướng đầu tư có hiệu quả cho kinh tế hộ gia đình và đảm bảo cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào sạch, chất lượng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng để sản xuất các loại thực phẩm chức năng quý mang giá trị kinh tế cao.

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội là nhu cầu cải thiện và nâng cao chất lượng sống của con người bằng thực phẩm sạch có giá trị dinh dưỡng và hỗ trợ sức khỏe ngày càng cao, trong đó có các loại thực phẩm bảo vệ sức khỏe đảm bảo an toàn vệ sinh. Việc làm chủ công nghệ chế biến, sản xuất và thương mại hóa sản phẩm Nấm Linh Chi hòa tan “Đất Lửa” từ quả thể Nấm Linh chi đỏ của Trạm Nghiên cứu, Thực nghiệm và Phát triển nấm đã khẳng định năng lực nghiên cứu, ứng dụng của Trạm, góp phần mang lại nhiều lợi ích trong việc chăm sóc và nâng cao sức khỏe cộng đồng./.

N.N.H



Một số hình ảnh lợn trong nghệ thuật tạo hình

Bài và ảnh: NGUYỄN VĂN THANH

Từ xa xưa con người đã biết hái lượm và săn bắt, rồi tiến tới biết trồng trọt và thuần hóa thú rừng để chăn nuôi. Trong những con vật ấy, phải kể đến con lợn, gà, dê, chó. Là con vật trước hết để ăn thịt... lợn chiếm một vị trí quan trọng trong lịch sử loài người. Theo lịch phương Đông cổ đại, mỗi con giáp gồm 12 năm, mở đầu là Tý (Chuột) và đóng lại là năm Hợi (Heo). Mùa xuân Kỷ Hợi này, xin điểm qua một vài nét về hình tượng lợn trong mỹ thuật tạo hình dân gian Việt Nam.

Trong các di chỉ khảo cổ học thuộc thời kỳ Hậu Đồ Đá Mới (tức khoảng 8000 đến 3000 năm trước đây) ở khu vực Phùng Nguyên, Đồng Đậu, và Hoa Lộc, các nhà khảo cổ học Việt Nam đã tìm thấy nhiều xương cốt các con vật nuôi trong nhà như heo, chó, trâu, bò, nuôi, gà, vịt... Qua di chỉ khảo cổ học cho thấy, nuôi heo khá thịnh hành vào thời Hùng Vương, vì tìm thấy xương heo trong tầng văn

hóa ở đây cao hơn xương heo rừng và các gia cầm khác.

Truyền thuyết kể rằng: Tại Chùa Nhất Trụ, còn gọi là Chùa Một Cột ở Cổ đô Hoa Lư tỉnh Ninh Bình ngày nay, còn tồn tại một cột đá bia khá lớn (khoảng 3m) làm năm 996, trên đỉnh có một đài sen. Truyền rằng trước đây ban đêm thường có đàn lợn vàng (mẹ con) chạy từ cột ra, nhờ đó mà dân làm ăn phát đạt, mùa màng bội thu. Nhưng một hôm có kẻ gian tìm tới, chúng nhấc đài sen, lấy đi chất tinh khiết của đá thần... từ đó đàn lợn không xuất hiện nữa.

Với hàng nghìn năm vắng bóng, phải đến tận thế kỷ XV lợn mới thoắt xuất hiện dưới dạng một con vật khác khi đã được thiêng liêng hóa. Tại lăng của Nguyễn Thị Ngọc Huyền, khu di tích Lam Kinh, tỉnh Thanh Hóa, có hình tượng một con tê giác, mà toàn bộ hình thức từ đầu đến đuôi là một chú lợn nguyên vẹn được bổ sung thêm chiếc

sừng gắn trên mũi. Con “lợn” nhỏ về này cùng với ngựa và các linh vật khác mang đầy chất dân gian.

Đình Thụy Phiêu tọa lạc tại làng Thụy Phiêu, xã Thụy An, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Đây là ngôi đình cổ nhất Việt Nam, được dựng năm 1531, trên cột của gian gác thờ, được làm bổ sung vào thế kỷ XVII, có chạm trổ hình rồng với đường nét chạm khắc mang tính nghiêm nhặt, nhưng ở đuôi rồng phía trên người nghệ nhân tạc một con lợn béo, khối thô mộc. Cột bên cạnh phía dưới, một con thạch sùng dường như đang vờn với con rồng. Con rồng

cách chạm khắc gỗ thời Lê thế kỷ XVII. Bức chạm trên cột bên phải của gian giữa đình, mô tả rất dễ hiểu: một người đàn bà đang ngồi vừa cho con bú, vừa cho heo ăn. Em bé đang rất “tranh thủ”: chân đứng dưới đất, đầu lườn qua nách mẹ để bú. Ngược lại, chú heo rất thông dong, ghéch mõm, đứng đỉnh bước tới... Tạo dáng heo đơn giản nhưng rõ rệt đặc điểm: mõm, tai, lưng vồng, bụng phệ, chân ngắn....

Vào giai đoạn phát triển của đình làng ở cuối thế kỷ XVII, thời mà mỹ thuật dân gian đã chiếm đỉnh cao con lợn cũng dè dặt xuất hiện. Chúng ta thấy



Heo được tạc ở đình Phất Lộc (Thái Bình)



Heo trên Vạc đồng, Đại Nội Huế

tâm linh và con lợn, con thạch sùng hiện thực. Đó là hai thế giới đối lập nhau và ở đó còn chứa đựng một nụ cười về thế sự, nhân sinh.

Tại Chùa Cự Trữ (có tên khác là Thanh Quang) được xây vào năm 1556, xã Phương Định, huyện Trực tỉnh Nam Định. Có chú **Heo được tạc ở tam quan chùa**, chú heo đang thanh thân bên máng ăn. Hình tượng heo cũng đơn giản, nhưng chi tiết thật rõ nét: mõm vênh, mắt híp, lưng vồng, bụng xệ.

Ở Đình Phất Lộc thuộc thôn Phất Lộc, xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Đình có niên đại và phong

một con lợn trong tư cách biểu hiện sự trù phú của cuộc sống ấm no thôn dã, nó đi liền với cảnh người mẹ cho con bú, để rất hồn nhiên gợi về một sự thanh bình. Đó là cảnh ở đình Kiên Bái thuộc Thủy Nguyên, Hải Phòng. Cũng có khi trên gỗ hình tượng con lợn thoáng leo trên râu rồng, như phản ánh một kết quả về mối tình giữa rồng với với muôn loài.

Hình tượng con lợn đích thực, phải tới tận thế kỷ XVII, mới được thể hiện trên vạc đồng của chúa Nguyễn. Hai chiếc vạc đồng lớn nhất, hiện đặt trước Tả vu, Hữu Vu (*Tả Vu và Hữu Vu là hai công trình phối thuộc của Điện Cần*

Chánh trong Tử Cấm Thành của Kinh thành Huế. Tả Vu là toà nhà dành cho các quan văn, còn Hữu Vu là toà nhà dành cho các quan võ; đây là nơi các quan chuẩn bị nghi thức trước khi thiết triều, nơi làm việc của cơ mật viện, nơi tổ chức thi đình và yến tiệc. Tả Vu và Hữu Vu đều được xây dựng vào đầu thế kỷ XIX). Trên vạc đồng, kiểu thức lợn thể hiện trong các ô hộc khép kín nhưng lạ thay, vẫn sống động tài tình. Trên chiếc vạc phía trước Tả Vu, con heo mang vẻ

Tranh dân gian Đông Hồ thuộc xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, nằm trên bờ nam sông Đuống. Đề tài của dòng tranh Đông Hồ rất mộc mạc, giản dị và phong phú, gần gũi với cuộc sống. Cách vẽ khoáng đạt, xoay quanh chủ đề nông thôn, những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống lao động, những con người, cảnh vật đập vào mắt họ, bình dị, thân thương, gần gũi, con lợn, con gà, con trâu, con bò, tôm, cá... tất cả đi vào tác phẩm một



Lợn ăn lá dáy - Tranh Đông Hồ

hoang dã và dữ tợn với bộ lông tua tủa, mắt to, mõm dài với hàm răng sắc nhọn, đuôi dài và thẳng, cứng, được đúc nổi trong những ô khép trên thân vạc. Phía Hữu Vu, một chú heo nựa xuất hiện trên chiếc vạc với bộ dạng hiền từ hơn, thân hình mập mạp, mõm ngắn, đuôi to và ngắn hơn, đứng chúm mõm xuống như đang ăn đám dây lá trước mặt: hình ảnh của một chú heo đã được thuần dưỡng, một thân hình béo tốt với sống lưng được tía rất kỹ, đôi mắt hau háu cùng mõm hé mở, đôi tai vênh ra phía trước... một hình ảnh rất sống động.

Vào thế kỷ XIX và XX con lợn lại xuất hiện nhiều trên tranh dân gian của nhiều miền đất Bắc, đó là tranh Đông Hồ và tranh Kim Hoàng.



Lợn nái - Tranh Đông Hồ.

cách dễ dàng, ngây thơ, ngộ nghĩnh một cách đáng yêu, để rồi có những bức tranh sống động đã đi vào tâm thức con người bao đời nay. Tranh lợn, thường có tranh: “Lợn độc” và “Lợn ăn lá dáy” và “Lợn nái”. Với 2 bức tranh: “Lợn ăn lá dáy” và “Lợn nái”, đều có cái nhìn mang tính trang trí cao, hình tượng được chất lọc và điển hình hóa. Những cơ thể trù phú được thể hiện bởi một đường viền mảnh, cùng với hai vòng tròn “lưỡng nghi” biểu hiện sự đối đãi của âm dương trong quy luật phát sinh phát triển, con lợn trên tranh như một biểu hiện cho mọi nguồn hạnh phúc no đủ. Bức tranh “Lợn đàn”: gồm một lợn mẹ và năm con. Tượng hình con vật được cách điệu dùng những mảng màu

lớn, có khi là màu đỏ chói chạy dọc theo sống lưng, quanh má và khối mông. Có thêm vòng tròn “lưỡng nghi”. Lợn mẹ có chiếc mõm khá rộng và có vài nếp nhăn biểu hiện sự vui cười. Đó là một chi tiết phụ nhưng lại bộc lộ cái thần của bức tranh. Tranh lợn Đông Hồ được in bằng nhiều bản ván, mỗi ván một màu. Tranh “Lợn ăn cây dáy” in ba bản màu một bản nét, tranh “Lợn nái” nhiều màu hơn, có đến bốn bản màu. Màu của tranh Đông Hồ là màu truyền thống làm bằng các

màu trắng, cái đẹp của sự tương phản giữa đỏ-đen-trắng làm cho tranh có vẻ khúc chiết, cô đọng, mang tính tượng trưng. Mũi lợn không thể hiện gần với thực mà thay vào là cụm văn hoa dấu hỏi chung một gốc, biểu tượng chỉ về nguồn phát sáng (tinh tú, mặt trời). Rõ tai lợn cụm xoắn nhiều vòng, cũng như trên thân lợn điểm một xoắn kiểu khác, mà theo tạo hình cổ truyền, biểu tượng này rất gần với sấm chớp. Như vậy, lợn trên tranh theo tư duy nông nghiệp đã



Lợn đàn - Tranh Đông Hồ.

chất liệu có sẵn trong tự nhiên và được gọi là “thuốc cái”. Màu trắng là màu đặc trưng nhất của tranh Đông Hồ được làm từ vỏ điệp, sắc trắng có ánh lấp lánh rất quý. Màu vàng từ hoa hòe hay hạt dành dành, màu đỏ vang từ gỗ cây vang, đỏ son từ đất son, xanh lá cây là xanh lá cây là gỉ đồng, xanh chàm từ lá chàm và đen là than rơm nếp.

Một dòng tranh dân gian phát triển khá mạnh từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII, đó là tranh Kim Hoàng, thuộc làng Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây cũ, nay là Hà Nội. Tranh Kim Hoàng cũng đã cho ta những bức tranh đẹp, trong đó có tranh vẽ “Con lợn độc” chẳng kém tranh Đông Hồ. Trên nền đỏ của giấy điều là con lợn được in bằng mảng đen với các nét vẽ thêm vào bằng



Tranh lợn Kim Hoàng

được thiêng hóa nhằm chứa đựng trong nó mầm mống của sự cầu mong nguồn nước phồn thực!

Chú lợn trong nét đẹp xưa và nay vẫn mãi bổ sung cho nhau. Nghệ thuật dân gian và nghệ thuật hiện đại luôn hài hòa và phát triển. Chúng ta không thể không trân trọng bảo tồn và phát triển.

Hình tượng Lợn biểu trưng cho văn hóa phồn thực, sự no đủ, sung túc, thanh bình. Cầu mong cho năm Kỷ Hợi 2019, đất nước ngày càng phát triển, phồn thịnh; mùa màng tươi tốt, cơ quan, người người, nhà nhà an lành, thịnh vượng!

N.V.T

Nuôi tôm siêu thâm canh: Hướng phát triển bền vững trong xây dựng vùng nuôi thủy sản ứng dụng công nghệ cao

NGUYỄN THỊ HẢI YẾN

Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN

Tôm là đối tượng nuôi chủ lực trong nuôi trồng thủy sản mặn, lợ của tỉnh Quảng Trị, tuy nhiên từ trước đến nay người dân chủ yếu nuôi tôm theo phương pháp truyền thống trong ao đất. Theo nhiều hộ dân, việc nuôi tôm bằng ao đất, hiệu quả chỉ được vài ba vụ nuôi đầu. Về lâu dài thì dư lượng thức ăn, thuốc trong ao nuôi thấm vào đất sẽ làm cho tôm nuôi dễ bị nhiễm bệnh. Từ đó, việc xử lý mầm bệnh trong ao gặp nhiều khó khăn. Đó là nguyên nhân dẫn đến việc nuôi tôm thời gian qua không đạt năng suất cao. Do đó, việc đầu tư công nghệ, thay đổi hình thức sản xuất và đổi mới tư duy quản lý là vấn đề mấu chốt mang đến thành công cho hộ nuôi tôm.

Trong xu hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển đổi nhận thức từ nuôi tôm theo truyền thống sang nuôi siêu thâm canh sẽ kiểm soát được dịch bệnh, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững là phù hợp với xu thế mới. Để con tôm đạt chất lượng, quy trình nuôi tôm siêu thâm canh bắt buộc phải có ao lắng xử lý, ao sẵn sàng, ao lắng thô, ao lắng chất thải..., tôm nuôi

được thả với mật độ khoảng 250-500 con/m². Ngoài việc cung cấp đủ lượng thức ăn cho con tôm, hằng ngày còn phải thực hiện đảm bảo đúng quy trình kiểm tra chất lượng nước nhằm có biện pháp xử lý kịp thời.

Điểm khác biệt của mô hình nuôi tôm siêu thâm canh so với các mô hình thường đó là ứng dụng đồng thời nhiều biện pháp kỹ thuật tiên tiến vào

quy trình nuôi tôm, từ đó tăng được mật độ nuôi, tăng năng suất và hạn chế được dịch bệnh.

Với mô hình truyền thống thì 1m² ước tính nuôi khoảng 100-150 con, còn mô hình nuôi tôm siêu thâm canh nuôi được 500 con/m². Điểm nổi bật của mô hình này đó là hệ nuôi ứng dụng thiết bị sục khí sử dụng dòng chảy của nước dưới áp lực để tạo ra oxy trong nước từ

môi trường nước ổn định, dễ kiểm soát được mầm bệnh và chất thải hằng ngày. Bên cạnh đó, nếu có gặp sự cố xảy ra thì người nuôi cũng xử lý dễ dàng. Hình thức nuôi tôm siêu thâm canh có lợi thế hơn hẳn, do sử dụng bạt lót đáy ao nên khâu xử lý ao sau vụ nuôi cũng dễ. Mật độ thả nuôi dày hơn, tỷ lệ thành công đạt gần 85% và năng suất cao gấp hai, ba lần so với nuôi ao đất. Đối với hộ nuôi,



Khảo sát mô hình nuôi tôm siêu thâm canh tại xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong tỉnh Quảng Trị. Ảnh: Sỹ Tiến

một điểm đầu vào. Đây là một lựa chọn không quá tốn kém và hiệu quả đối với hộ nuôi tôm có hệ thống bơm nước tại chỗ sử dụng máy bơm áp lực cao để hoạt động với ưu điểm cung cấp oxy hòa tan nhanh, cung cấp oxy tận đáy ao, tạo dòng chảy, phân hủy nhanh tạp chất, giải phóng khí độc trong ao, không phân tầng nước...

Qua khảo sát cho thấy, hiện tại, tôm nuôi của mô hình siêu thâm canh đang phát triển tốt, lớn nhanh. Lợi thế lớn nhất của nuôi tôm siêu thâm canh chính là

phải đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt quy trình xử lý trong ao, xử lý chất thải phải đúng quy định. Nuôi tôm siêu thâm canh đạt năng suất cao, tỷ lệ rủi ro rất thấp, có thể áp dụng được nhiều nơi, nhiều vùng khác nhau trên địa bàn tỉnh, phù hợp với xu hướng phát triển của ngành thủy sản. Bước đầu tại mô hình nuôi tôm của ông Võ Đức Thiên (Công ty TNHH Một thành viên Việt Nam Thiên) cho thấy, qua các vụ nuôi mô hình siêu thâm canh cho kết quả tốt, tôm ít bị bệnh dịch, tỉ lệ thành công cao, chiếm khoảng 85 - 90%, các kỹ thuật tiên tiến được người nuôi mạnh

dạn áp dụng phát huy hiệu quả.

Trong những năm gần đây, tỉnh Quảng Trị đang tập trung phát triển “6 cây, 2 con” chủ lực theo hướng bền vững, thông qua xây dựng thương hiệu, ứng dụng công nghệ cao, liên kết trong sản xuất nhằm tạo ra sản phẩm bảo đảm an toàn thực phẩm có giá trị kinh tế cao. Với điểm nhấn quan trọng là xác định được bộ sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh gồm “6 cây, 2 con” cho giai đoạn 2017-2020, định hướng đến 2025 gồm hồ tiêu, cà phê chè, cao su, gỗ nguyên liệu, cây dược liệu, cây lúa và con bò, con tôm gắn liền với chuỗi giá trị sản phẩm liên kết trong nông nghiệp từ sản xuất đến chế biến, bảo quản và thị trường tiêu thụ. Trong đó, tập trung xây dựng vùng nuôi thủy sản ứng dụng công nghệ cao, đầu tư ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong nuôi tôm sẽ góp phần ra sự lan tỏa, dẫn dắt ngành thủy sản phát triển đúng hướng, ổn định và bền vững để nâng cao giá trị con tôm, tăng cường sinh kế cho nhân dân.

Phát biểu tại chuyến khảo sát thực địa trong tháng 10/2018, ông Trần Ngọc Lân-TUV- Giám đốc Sở KH&CN Quảng Trị cho biết: Thành công lớn nhất về mặt khoa học ở mô hình này là đã ứng dụng một cách tổng hợp công nghệ sinh học; ứng dụng các chế phẩm sinh học để cải tạo chất lượng nước; các công nghệ sục khí từ đáy ao - nổi trội là công nghệ venturi, đưa nồng độ oxy tăng gấp 2 đến 3 lần đạt >8 mg/l điều kiện lý tưởng cho tôm phát triển tốt,... có thể đạt năng suất 60- 90 tấn /ha. Đây là mô hình nuôi tôm siêu thâm canh, siêu lợi nhuận của hộ dân nuôi tôm tại tỉnh Quảng Trị. Thực hiện Nghị quyết số 31/2017/NQ của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân

rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2025, thời gian tới, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ xem xét và có những chỉ đạo quyết liệt để hỗ trợ nhân rộng mô hình này trên địa bàn toàn tỉnh. Từ đó, góp phần tăng cường sinh kế cho người dân địa phương theo hướng bền vững, lâu dài.

Với những hiệu quả đạt được của mô hình nuôi tôm siêu thâm canh sẽ tạo ra cơ sở ban đầu cho việc ứng dụng các công nghệ mới này vào nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh, nâng cao năng suất, chất lượng nuôi tôm. Từ đó, tăng hiệu quả kinh tế, tận dụng được nguồn tài nguyên dồi dào tại các xã ven biển của tỉnh Quảng Trị, góp phần thúc đẩy phát triển nghề nuôi trồng thủy sản của tỉnh theo hướng đa dạng hóa hình thức nuôi, tập trung xây dựng vùng nuôi thủy sản ứng dụng công nghệ cao thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh nhà./.

H.Y



PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CAM LỘ

TRẦN HOÀI LINH

Trưởng phòng Kinh tế hạ tầng huyện Cam Lộ

Phát triển cây dược liệu là lĩnh vực tương đối mới ở tỉnh Quảng Trị. Những năm qua, thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nhiều địa phương đã tìm tòi trồng thử nghiệm cây dược liệu và bước đầu mang lại kết quả khả quan. Cùng với việc đưa vào trồng thử nghiệm nhiều loại cây dược liệu mới, được sự hỗ trợ của nguồn vốn khoa học và công nghệ, các địa phương đã ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật nhằm tạo ra điều kiện sống tốt cho cây trồng, tiết kiệm chi phí và mang lại hiệu quả sản xuất cao. Với thế mạnh vùng gò đồi và đất đỏ ba dan phù hợp với nhiều loại cây trồng cận, huyện Cam Lộ là địa phương phát triển nhiều loại cây dược liệu. Không chỉ chú trọng phát triển cây bản địa, huyện Cam Lộ còn tìm tòi trồng thử nghiệm các loại cây dược liệu mới nhằm làm phong phú thêm loại hình cây dược liệu trên địa bàn.

Huyện Cam Lộ có địa hình bán sơn địa, ở vùng miền núi phía tây thuộc các xã: Cam Chính, Cam Nghĩa và Cam Thành đất đỏ bazan màu mỡ; vùng hạ du sông Hiếu thuộc các xã: Cam Tuyên, Cam Thủy, Cam Hiếu và thị trấn Cam Lộ đất bãi bồi nên phù hợp cho việc phát triển các loại cây trồng ngắn và dài ngày, đặc biệt cây dược liệu trồng trên vùng

đất này có tinh chất và hàm lượng dược tính cao. Hơn nữa, Cam Lộ nằm trên trục hành lang kinh tế Đông Tây, có nhiều tuyến đường giao thông quốc gia đi qua nên thuận lợi cho việc vận chuyển, trao đổi, mua bán các sản phẩm sản xuất ra trên địa bàn trong và ngoài nước.

Chiến lược phát triển cây dược liệu đảm bảo phù hợp với Nghị định số

65/NĐ-CP, ngày 19/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu. Lãnh đạo huyện thường xuyên quán triệt, chỉ đạo sâu rộng thực hiện tốt nghị định của Chính phủ và vận các Doanh nghiệp, người dân tham gia để phát triển cây dược liệu trở thành cây thế mạnh, chủ lực của huyện.

Huyện đã chủ động phát triển vùng nguyên liệu dược liệu với quy mô trồng

vì có nhiều tác dụng, đặc biệt là điều trị hạ men gan, xơ gan, hỗ trợ điều trị bệnh viêm gan B, kìm hãm sự phát triển của virus viêm gan B và giảm mỡ máu nên huyện khuyến khích và hỗ trợ đầu tư, với diện tích trồng tập trung, áp dụng công nghệ phủ bạt và tưới tiết kiệm với tổng diện tích trên toàn huyện là 07 ha.

Được sự hỗ trợ tích cực của Sở Khoa học và Công nghệ, huyện triển khai thực hiện dự án “Trồng thử nghiệm một số cây dược liệu trên địa bàn huyện Cam Lộ”



Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hà Sỹ Đồng kiểm tra mô hình trồng cây dược liệu tại xã Cam Thủy, Cam Lộ. Ảnh: quangtri.gov.vn

30 ha cây chè vàng áp dụng công nghệ phủ bạt ở 6/9 xã, thị trấn trên địa bàn gồm các xã: Cam Thủy, Cam Hiếu, Cam Tuyên, Cam Chính, Cam Nghĩa và thị trấn Cam Lộ nhằm khắc phục tình trạng khó khăn do thiếu nguồn nguyên liệu đầu vào cho làng nghề cao dược liệu Định Sơn. Kinh phí hỗ trợ 15 triệu đồng/ha (hỗ trợ mua giống, phân bón, bạt phủ, công làm đất). Đối với cây Cà gai leo là cây dược liệu được nhiều người ưa chuộng

với quy mô 3,45 ha (01 ha Trạch tả, 01 ha Ngưu tất, 01 ha Sinh địa, 0,3 ha Bạch chỉ, 0,15 ha Hoài Sơn). Việc trồng thử nghiệm cây dược liệu nhằm mục đích hoàn thiện quy trình để áp dụng đồng bộ trên địa bàn. Hiện nay, các loại cây dược liệu của dự án thử nghiệm đang phát triển tốt, phù hợp với đặc điểm khí hậu, thổ nhưỡng, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Theo đánh giá trong quá trình thử nghiệm thì cây Ngưu tất, Trạch tả

cho kết quả gấp 3 lần so với sắn và 2 lần so với lạc. Ngoài ra, huyện đang triển khai trồng thử nghiệm 0,15 ha cây Truột nam; trồng nhân rộng cây Trạch tả với quy mô 2,15 ha, cây Ngưu tất: 1,925 ha và triển khai trồng mới 1,65 ha Bạch chỉ bước đầu cho kết quả tốt. Bên cạnh việc trồng cây dược liệu huyện rất quan tâm đến công tác chế biến để bảo quản sau thu hoạch và nâng cao giá trị của cây dược liệu. Trong năm 2017, huyện đã dành kinh phí 300 triệu đồng để hỗ trợ

(Chính Tâm, Kim Sơn, Ninh Bình)....Kết quả, bước đầu các công ty, cơ sở nêu trên đã chấp nhận và thu mua các sản phẩm dược liệu trồng trên địa bàn huyện với giá hợp lý đã chào bán hết số lượng Ngưu tất, Trạch tả đã thu hoạch và cam kết tiếp tục thu mua các sản phẩm đang triển khai như Hoài sơn, Bạch chỉ, Truột nam, Đinh lăng...

Thời gian tới, để phát triển cây dược liệu một cách đồng bộ, hiệu quả cần có sự quan tâm hơn nữa của UBND tỉnh,



Hội đồng KH&CN Kiểm tra tiến độ thực hiện dự án “Trồng thử nghiệm một số cây dược liệu trên địa bàn huyện Cam Lộ”. Ảnh: Thái Nga

mua máy móc thiết bị phục vụ công tác chế biến sau thu hoạch.

Cùng với việc trồng thử nghiệm và trồng nhân rộng cây dược liệu, UBND huyện đã giao cho Phòng Kinh tế và Hạ tầng tổ chức nghiên cứu, tìm kiếm thị trường tiêu thụ và đoàn làm việc với các công ty, cơ sở chế biến dược liệu trong cả nước như: Công ty Cổ phần dược liệu Việt Nam, công ty Traphaco, cơ sở chế biến dược liệu Phạm Văn Kim

Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở ban ngành liên quan trong việc xây dựng Đề án quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu; xây dựng một số vùng trồng các loài cây thuốc đang có nhu cầu lớn theo tiêu chuẩn GAP; xây dựng Bộ dược liệu chuẩn về chất lượng và chỉ đạo thực hiện công tác bảo tồn và phát triển một số loại cây dược liệu; hỗ trợ thiết bị công nghệ về chế biến và chế biến sâu

để nâng cao hiệu quả, giá trị của cây dược liệu; tổ chức liên kết giữa doanh nghiệp và người trồng dược liệu nhằm bao tiêu sản phẩm; cần phát triển trồng cây dược liệu theo quy mô hợp tác xã, doanh nghiệp và hộ gia đình, đồng thời ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi các tổ chức, cá nhân tham gia trồng và phát triển cây dược liệu như: Miễn tiền thuê đất, cho vay vốn ưu đãi, hỗ trợ giống và hướng dẫn kỹ thuật trồng cây thuốc; đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho công tác quản lý bảo nguồn dược liệu... để cây dược liệu trở thành cây chủ lực, cho thu nhập cao thay thế một số loại cây trồng kém hiệu quả. Việc chuyển đổi cơ cấu

cây trồng sao cho phù hợp để vừa đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường, vừa mang lại thu nhập ổn định cho người dân đang là hướng đi mới, tạo bước đột phá để chuyển đổi nền nông nghiệp theo hướng tập trung, chuyên canh, có sự liên kết nhằm hình thành nên những sản phẩm nông sản đặc trưng là cách mà huyện Cam Lộ đang triển khai thực hiện. Tin tưởng rằng, với sự quyết liệt của chính quyền địa phương, sự đồng lòng, chung sức của người dân huyện Cam Lộ sẽ sớm có những vụ mùa bội thu trên những cánh đồng mới.

T.H.L



Những quý nhân tuổi Hợi

NGUYỄN TẤN TUẤN

Tuổi Ất Hợi

Đình Nhật Thận (1815-1866): Đậu đến Tiến sĩ, sau đó triều đình phong làm quan. Do chơi thân với Cao Bá Quát nên ông bị cách chức, bị giam giữ. Ông là tác giả của tác phẩm nổi tiếng *Thu dạ lữ hoàn ngâm*.

Phan Văn Trường (1875-1933): Tiến sĩ luật khoa ở Pháp, làm trạng sư, chủ bút tờ báo Lannam.

Phan Kế Bính (1875 - 1921): Là nhà văn, ông chuyên nghề viết báo. Là tác giả sách *Việt Hán văn khảo* và dịch giả *Tam Quốc Chí* diễn nghĩa.

Lê Đại (1875-1921): Là chí sĩ phong trào Duy tân, Đông kinh nghĩa thực, dịch giả bài *Hải ngoại huyết thư* của Phan Bội Châu.

Lê Văn Huân (1875-1929): Chí sĩ phong trào Duy Tân, bị đày Côn Đảo, về lập hội Phục Việt, chết ở nhà lao Vinh.

Tuổi Đinh Hợi

Nguyễn Thông (1827-1884): Học giả, làm đốc học ở tỉnh Bình Thuận, lập Đồng Châu xã để nhân dân miền Nam ra tị nạn ở Phan Thiết, ông không cam chịu sống dưới quyền đô hộ của thực dân Pháp.

Phạm Khôi (1887-1960): Nhà văn nhà báo nổi tiếng. Là người đề xuất phong trào thơ mới đầu thế kỷ 20.

Bùi Kỳ (1887-1960): Đốc phó bảng, là một nhà nghiên cứu, phê bình có nhiều đóng góp cho thể loại truyện Nôm, truyện Kiều, văn phạm Việt Nam, ông từng dịch giả tác phẩm nổi tiếng của Trung Quốc - *Tam Quốc Chí*.

Tuổi Kỷ Hợi

Vi Huyền Đắc (1899-1976): Tác giả kịch đầu tiên ở Việt Nam với các vở “Uyên Ương”, “Kim Tiền”. Sau 1954 ở Sài Gòn chuyên dịch và sáng tác

Tuổi Tân Hợi

Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585): Đậu Trạng nguyên thời nhà Mạc, thường được nhân dân gọi là Trạng Trình, người đời tôn là “Tuyệt giang phu tử”, từ quan về dạy học ở am Bạch Vân.

Lê Anh Tuấn (1671-1736): Làm quan thời Lê Hi Tông, có tiếng về chính sự, cùng Nguyễn Công Hãng có chủ trương cải cách. Bị chúa Trịnh nghi ngờ làm phản, giáng chiếu bắt tự tử.

Tuổi Quý Hợi

Nguyễn Huy Tự (1743-1790): Tác giả truyện Hoa Tiên, là con của Thám hoa Nguyễn Huy Oánh.

Ngô Thế Vinh (1803-1856) Nhà giáo xuất sắc, có trường học Bái Dương. Tác giả sách *Bái dương thi tập* ...



Địa chí Quảng Trị: Công trình khoa học quan trọng trong việc gìn giữ và phát huy những giá trị văn hoá, truyền thống của đất nước, con người Quảng Trị

Thực hiện: Minh Ngọc

Địa chí là bộ sách quý, được xem như công trình Bách khoa thư của địa phương. Tại Quảng Trị, vấn đề biên soạn, xuất bản Sách Địa chí nhằm đáp ứng nhu cầu hiểu biết về địa lý, lịch sử, con người Quảng Trị một cách có hệ thống là nhu cầu cấp thiết, hiện đang được hoàn thiện để sớm, xuất bản, công bố. Để giúp độc giả tìm hiểu về tầm quan trọng cũng như quá trình biên soạn của Công trình đặc biệt này, Đặc san Khoa học và Công nghệ Quảng Trị số Xuân Kỷ Hợi 2019 đã có cuộc gặp gỡ và trao đổi với TS.Nguyễn Bình – Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

Phóng viên (PV): Thưa TS.Nguyễn Bình, như chúng ta biết thì sách Địa chí có vai trò rất quan trọng đối với việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương. Xin Ông cung cấp thêm một số thông tin về sách Địa chí và những đặc trưng cơ bản của thể loại này?

TS.Nguyễn Bình: Địa chí hay Dự địa chí là loại sách ghi chép một cách tổng hợp các mặt từ địa lý tự nhiên, địa hình, địa chất, thổ nhưỡng, thời tiết, khí hậu đến địa lý dân cư, dân tộc, sản vật, phong vật, của cộng đồng tộc người trong tiến trình lịch sử, từ chính trị, kinh tế, văn hóa, văn học nghệ thuật, tôn

giáo, phong tục tập quán, lễ nghi xã hội... của một quốc gia, một khu vực, một tỉnh, thậm chí của một làng, xã, địa phương.

Địa chí là loại sách có 4 đặc trưng cơ bản: Tính khu vực, tính liên tục, tính tổng hợp và tính tư liệu. Địa chí là loại sách công cụ, đúc kết tri thức, do đó, mang tính khoa học cao. Sách địa chí có 3 chức năng cơ bản: Chức năng nhận thức giúp mọi người hiểu một vùng đất cụ thể, đặc biệt là cho các nhà quản lý, lãnh đạo địa phương có một cái nhìn bao

chí và địa chí của địa phương (*Phương chí, Tỉnh chí hay huyện chí, xã chí*)

PV: Thưa Ông, được biết những ngày đầu sau thời gian lập lại Tỉnh, Nhận thức tầm quan trọng của sách Địa chí, Quảng Trị cũng đã bắt tay vào công việc sưu tầm biên soạn Địa chí Quảng Trị, tuy nhiên đến nay chỉ tồn tại dạng Bản thảo. Xin Ông cho biết thêm các thông tin về tập Bản thảo Địa chí Quảng Trị biên soạn năm 1996 này?



Hội nghị thông qua đề cương, nhiệm vụ, kế hoạch triển khai công trình Địa chí Quảng Trị.
Ảnh: Tư liệu

quát, tổng hợp, từ đó hoạch định chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương; chức năng thực tiễn phục vụ yêu cầu quản lý, khai thác trong thực tế sản xuất, đời sống; chức năng giáo dục làm tài liệu giáo dục học tập, tra cứu và lưu truyền cho các thế hệ sau. Về thể loại, địa chí có hai thể loại: Địa chí toàn quốc (*Quốc chí*) hay nhất thống

TS.Nguyễn Bình: Ngay những năm đầu lập lại Tỉnh, từ những thập niên 90 của thế kỷ XX; Lãnh đạo tỉnh Quảng Trị đã nhận thức tầm quan trọng của loại sách công cụ này, nên đã có chủ trương hợp tác với Trường Đại học Tổng hợp Huế (*Nay là Trường Đại học Khoa học Huế*) tiến hành công việc nghiên cứu, sưu tầm biên soạn Địa chí Quảng Trị.

Sau thời gian 3 năm triển khai, trải qua nhiều lần hội thảo, góp ý bổ sung, chỉnh sửa, đến năm 1996 tập Bản thảo công trình Địa chí Quảng Trị cơ bản hoàn thành. Bộ cục gồm có 4 phần: Địa lý tự nhiên, Kinh tế, Lịch sử và Văn hóa-Xã hội; có tất cả 20 chương và 3 Phụ lục, dung lượng 512 trang A4.

Tuy nhiên, do những điều kiện khách quan lẫn chủ quan lúc bấy giờ nên tập Bản thảo Địa chí Quảng Trị năm 1996 vẫn chưa được xuất bản, công bố mà chỉ tồn tại dạng Bản thảo cho đến hôm nay.

tổng hợp, một bách khoa thư của địa phương; kể từ năm 2015, việc khởi động biên soạn công trình Địa chí Quảng Trị được xúc tiến một cách tích cực, đồng bộ. Lãnh đạo tỉnh xác định, chỉ đạo việc biên soạn, công bố và xuất bản công trình Địa chí Quảng Trị là nhiệm vụ trọng tâm của các năm 2016, 2017 và những năm tiếp theo. Đồng thời giao cho Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị chủ trì, xây dựng kế hoạch để hoàn thành xuất bản và sớm công bố công trình Địa chí Quảng Trị.

Trên tinh thần kế thừa kết quả nghiên cứu, biên soạn của tập Bản thảo



Hội đồng KH&CN nghiệm thu giữa kỳ Công trình Địa chí Quảng Trị. Ảnh: Tư liệu

PV: Vậy xin Ông đánh giá thêm về bối cảnh xây dựng Công trình Địa chí Quảng Trị hiện tại và ý nghĩa tiền đề, giá trị kế thừa từ tập Bản thảo địa chí Quảng Trị năm 1996?

TS. Nguyễn Bình: Sau 20 năm, từ 1996 đến 2015, trước nhu cầu của cán bộ, nhân dân trong tỉnh cũng như sự cần thiết của một công trình khoa học

Địa chí Quảng Trị năm 1996 của Trường Đại học Khoa học Huế, Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị đã phối hợp với Viện Sử học Việt Nam, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hội Di sản Văn hóa, các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu trong và ngoài tỉnh bắt tay xây dựng Đề cương chi tiết, tổ chức nhiều cuộc Hội thảo khoa học để tranh thủ ý kiến tham

gia của đông đảo giới nghiên cứu, các nhà chuyên môn, các nhà quản lý, bởi chính Đề cương chi tiết là nền tảng là khung sườn cho công trình Địa chí hoàn thiện sau này. Và tập Bản thảo Địa chí Quảng Trị năm 1996 cũng là cơ sở tiền đề nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện Công trình Địa chí Quảng Trị hôm nay.

PV: Để có được tập Bản thảo Công trình Địa chí Quảng Trị hiện tại là cả quá trình biên soạn đòi hỏi sự công phu, cẩn thận và đầu tư một lượng thời gian thích ứng. Xin Ông cung cấp thêm một số thông tin trong quá trình triển khai xây dựng, biên soạn công trình Địa chí Quảng Trị?

TS. Nguyễn Bình: Do nội dung công trình Địa chí Quảng Trị có tính phổ quát cao, liên quan đến nhiều lĩnh vực rộng lớn, tài liệu sử dụng trong Địa chí phải là tư liệu gốc, có độ chính xác cao... cho nên quá trình biên soạn đòi hỏi công phu, cẩn thận và đầu tư một lượng thời gian, công sức và trí tuệ thích ứng.

Ngày 24/6/2016, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1414/QĐ-UBND V/v Thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện công trình Địa chí Quảng Trị và ngày 19/10/2016, ban hành Quyết định số 2545/QĐ-UBND Phê duyệt đề tài Địa chí Quảng Trị thời gian thực hiện 36 tháng (từ 2016-2018) với sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh, sự nỗ lực, cố gắng của Sở Khoa học và Công nghệ. Với sự ủng hộ, đồng thuận của đội ngũ cán bộ khoa học và lãnh đạo các sở ngành trong tỉnh. Sự hợp tác đầy trách nhiệm và hiệu quả của các Viện, Trường, các tổ chức nghiên cứu trong và ngoài tỉnh; Công trình Địa chí Quảng Trị đã hoàn thành Bản thảo như kế hoạch.

Song song với các hoạt động Hội thảo khoa học, các Hội nghị tư vấn, phản biện, giám định chất lượng nội dung Bản thảo Địa chí Quảng Trị; Ban Biên soạn

đăng toàn văn nội dung Bản thảo Địa chí Quảng Trị lên Cổng Thông tin điện tử khoa học và công nghệ Quảng Trị nhằm lấy ý kiến trao đổi, góp ý, bổ sung chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo, các nhà chuyên môn, các nhà quản lý để công trình Địa chí Quảng Trị sớm hoàn thiện, xuất bản và phục vụ Quý độc giả.

PV: Thưa Ông! như vậy là sau nhiều nỗ lực, tâm huyết, Bản thảo Công trình Địa chí Quảng Trị hiện đã hoàn thành và hiện đang trong quá trình lấy ý kiến hoàn thiện. Xin Ông cho biết bố cục và nội dung chính của Bản thảo Công trình Địa chí hiện tại và dự kiến thời gian xuất bản, công bố?

TS. Nguyễn Bình: Tập Bản thảo Công trình Địa chí Quảng Trị hiện tại gồm 4 phần: Phần 1: Địa lý có 5 chương; (Địa lý hành chính; Địa lý dân cư; Địa hình Địa chất, khoáng sản và thổ nhưỡng; Khí hậu và thủy văn; Thực vật và động vật). Phần 2: Lịch sử có 6 chương, được trình bày theo phân kỳ lịch sử địa phương (*Quảng Trị thời nguyên thủy và buổi đầu lịch sử, Quảng Trị kỷ nguyên Đại Việt; Quảng Trị dưới các triều đại phong kiến Việt Nam: Lý, Trần, Hồ, Mạc, Lê, Tây Sơn, Nguyễn (thế kỷ X - XIX); Quảng Trị thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc (1885 - 1945) Quảng Trị trong 9 năm chống Pháp (1945-1954); Quảng Trị trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975); Quảng Trị thời kỳ xây dựng, đổi mới và phát triển(1975-2016)*). Phần 3: Kinh tế có 4 chương; trình bày theo các ngành, lĩnh vực: (*Nông lâm ngư nghiệp; Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp; Thương mại dịch vụ và du lịch; Giao thông vận tải, Bưu chính - viễn thông và Tài chính và ngân hàng...*). Phần 4. Văn hoá - Xã hội gồm 7 chương, tập trung khảo cứu (*về sự phát triển của đời sống vật chất và tinh thần, cũng như tín*

ngưỡng, tôn giáo và lễ hội sinh hoạt, của cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh, bao gồm người Việt, người Bru - Vân Kiều, người Tà Ôi/Pa Cô, và các lĩnh vực về Văn học, Nghệ thuật; Khoa học và công nghệ, Giáo dục, Y tế, Thể dục thể thao; Y tế an sinh xã hội...) Với độ dày hơn 1.700 trang A4.

Bên cạnh việc cho đăng toàn văn nội dung Bản thảo Địa chí Quảng Trị lên Cổng Thông tin điện tử của Sở Khoa học và công nghệ Quảng Trị thì Ban

thu Công trình Địa chí. Phấn đấu đến Ngày KH&CN Việt Nam 18/5/2019 và 30 năm thành lập ngành KH&CN Quảng Trị sẽ tổ chức công bố Công trình quan trọng này.

PV: Sau khi được công bố, xuất bản, Ông nhận định gì về ý nghĩa quan trọng của Sách Địa chí Quảng Trị trong việc phục vụ phát triển kinh tế- văn hóa xã hội của địa phương?

TS.Nguyễn Bình: Địa chí Quảng Trị là công trình khoa học có ý nghĩa quan



Hội thảo khoa học lấy ý kiến góp ý của chuyên gia về bản thảo công trình Địa chí Quảng Trị.
Ảnh: Hải Yến

Biên soạn cũng đã tổ chức 2 buổi hội thảo khoa học quy mô nhằm lấy ý kiến tham gia của các nhà nghiên cứu, nhà khoa học trong và ngoài tỉnh. Từ đó, Ban Biên soạn sẽ tiến hành hiệu chỉnh, bổ sung hoàn thiện Bản thảo, báo cáo Lãnh đạo tỉnh thành lập Hội đồng khoa học KH&CN cấp tỉnh đánh giá, nghiệm

trọng và thiết thực, là công cụ tra cứu về mảnh đất và con người Quảng Trị trong tiến trình lịch sử. Đây là bộ sách quý, được xem như công trình Bách khoa thư của địa phương; giúp cho cán bộ, đảng viên, đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật, thanh thiếu niên, học sinh và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh có cái

nhìn tổng quát về quá trình biến đổi của tự nhiên, sự thay đổi về địa lý, địa danh, diên cách của tỉnh qua các thời kỳ lịch sử cũng như tiến trình phát triển dân cư, dân số, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, phong tục tập quán, tín ngưỡng, lễ hội... trong diễn trình lịch sử địa phương. Từ đó, thấy được quá trình phát triển, sự lao động sáng tạo, sự hy sinh cao cả và những đóng góp to lớn của các thế hệ người Quảng Trị vào sự nghiệp chung của đất nước, quê hương. Bộ sách Địa chí Quảng Trị còn là tài liệu quan trọng

để giáo dục truyền thống, phục vụ công tác giảng dạy, tra cứu trong giới nghiên cứu, trong các trường phổ thông, chuyên nghiệp, Cao đẳng và Đại học trên địa bàn tỉnh. Với một tâm thế và tầm vóc như vậy, hy vọng rằng công trình Địa chí Quảng Trị khi ra mắt công bố sẽ đáp ứng được sự mong mỏi và kỳ vọng của cán bộ, nhân dân trong và ngoài tỉnh của công trình có ý nghĩa này.

PV: Vâng, xin trân trọng cảm ơn về những chia sẻ của Ông!

M.N





Thương nhớ giếng hai...

NGÔ THẾ LÂM

Tôi yêu đến lạ lùng cái tiết trời vào độ giếng hai. Tôi say đắm với cái mùa nồng nàn, ngọt say, giàu âm sắc, thi vị ấy. Đi trong mưa bụi tẩy trần, giữa bạt ngàn một triển cỏ hoa tươi non mơn mớn, coi nói lòng mình, rửa trôi bao bụi bặm, chợt nhiên bỗng thấy yêu đời, yêu người hơn...

Giếng hai là một khẩu ngữ ước lệ, dùng để chỉ tháng một và tháng hai âm lịch. Vậy nhưng, hãy đừng tách rời, mà cứ gọi là giếng hai như thế hẳn sẽ mộn mà hơn, đậm thắm hơn, giàu sức gợi hơn.

Ấy là khoảng thời gian khi mùa xuân còn dùng dằng níu áo người, những cuộc diễn viên còn đeo nặng trong tâm tưởng, các chị, các cô còn chưa cởi bỏ áo khăn xúng xính mùa trăng hội

trong rộn vang chiêng trống đình làng. Là mùa của rét ngọt trắng non, của cỏ biếc xanh ngút ngát tận chân trời. Chưa bao giờ cỏ được xanh như thế, kiều hãnh nhường thế. Cỏ là hiện sinh của sức sống mùa xuân mãnh liệt, khỏe khoắn, tươi mới, trong trẻo đến vô ngần.

Giếng hai, hoa xoan bời bời tím rụng, biêng biếc bến đò quê, xao xác đường làng. Loài hoa sở hữu hương sắc khiêm nhường ấy là một nét chấm phá đặc biệt, cuu mang cả một mảnh xuân quê, giàu ý niệm, xốn xang bao dự cảm đối đời trên khuôn nhạc thời gian, níu chân người bằng những luyện thương quay quắt.

Giếng hai nhẹ tênh trong những làn mưa bụi tẩy trần, không đủ để làm ướt tóc người. Mưa bỗng bẽn như sương

khói, len lỏi phủ vào mùa cái rét ngọt êm. Cái màn mưa giàu thi ảnh ấy đã chạm vào những khắc khoải sâu kín của thi nhân: “Tháng giêng mưa trên tóc/Những người đi lễ chùa/Theo giọt mưa cầu phúc/Tiếng chuông từ bi mơ”. Và, những hạt ngọc tháng giêng hồn nhiên ấy cứ vô tư thêu tình lên môi, lên mắt: “Tháng giêng mưa dưới bến/Mỏng mai cô lái dò/Mắt mưa em lung liếng/Trời tôi bằng vu vơ” (Nguyễn Việt Chiến).

Giêng hai, mùa trăng hội. Xập xình áo khăn, náo nức chiêng trống hội làng. Trên một đất nước giàu bản sắc văn hóa, có cả hàng ngàn lễ, hội trong năm, dường như tất cả những gì tinh hoa nhất, độc đáo nhất, thiêng liêng nhất đều dồn tụ vào mùa giêng hai. Ở đây, những ước nguyện đầu năm cũng bịn rịn theo chân người lên chùa. Người người gửi vào lời khẩn nguyện những cầu mong mới theo khói hương bảng lảng lên trời, để thấy tâm mình tịnh hiển những ngày hành hương về cõi phật. Lễ chùa đầu năm, trong tiết giêng hai, tụ bao giờ đã trở thành một nét đẹp tín

ngưỡng bền vững trong tâm linh người Việt. Tiếng chuông chùa vọng vang một cõi yên bình, gột rửa tinh tuom những muộn phiền canh cánh, mang lại sự thư thái cho tâm hồn, nảy nở bao khát khao, ước vọng.

Giêng hai, mùa giáp hạt. Thảng nghe đâu đó một vài nỗi niềm lo âu khe khẽ của những người nông dân chuỗi ngày nhàn rỗi khi thóc trong bồ, ngô khoai trong chum đã dẫn voi cạn...

Giêng hai rồi sẽ qua nhanh, tạm biệt những ngày tết vội, người người lại bịn rịn dứt áo rời quê nhà xa xứ, gửi lại niềm day dứt khôn nguôi cùng lời hẹn hạnh ngộ. Hành trang của họ mang theo tới những vùng đất lạ là “gói nhân tình” đượm nồng, ấm áp được chắt chiu từ những ngày sum họp gần gũi. Ân tình ấy sẽ hun đúc niềm tin, tiếp thêm sức mạnh cho bao dự định mới trên những dặm dài thiên lý.

Ôi, có giai điệu thời gian nào ngọt êm hơn những khoảnh khắc này. Nhớ gì như nhớ giêng hai!





KỶ NIỆM 50 NĂM GIẢI PHÓNG KHE SANH (1968 - 2018): KHE SANH, “MẢNH ĐẤT ĐÒI NGƯỜI”

VÕ VĂN LUYẾN

Trong cuốn sách sâu dày trầm tích nhiều bí ẩn của đất, tôi chưa từng gặp một địa danh nào vừa anh hùng vừa bi tráng, vừa thơ mộng vừa huyền hoặc như Khe Sanh. Khe Sanh không chỉ đi vào lịch sử với muôn nỗi thăng giáng mang nhịp điệu sóng cồn của núi mà còn gửi những thông điệp mới mẻ cho ngày mai. Thật may mắn, chúng ta đã thấy điều này trong tập bút ký/phóng sự “Khe Sanh nửa thế kỷ hòa bình”. Tập sách là thành quả cuộc thi đem lại do báo Lao động tổ chức phối hợp với UBND huyện Hướng Hóa tỉnh Quảng Trị, nhân kỷ niệm 50 năm giải phóng Khe Sanh (1968 - 2018).

Điều đáng ghi nhận không thể không nói tới trước tiên là tập sách khai mở cho ta cái nhìn khá đầy đủ về một Khe Sanh - Lao Bảo cả bề rộng, chiều dài lẫn chiều sâu mà với vốn sống, vốn sách vở của mỗi người thật không dễ dàng gì có được.

Vùng biên viễn phía tây này nằm trong bản đồ nước Việt thuở mở nước nhưng có tên trong danh sách quản lý hành chính thì đến năm 1622, chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên mới “cho lập dinh Ai Lao để coi giữ vùng đất biên giới phía tây Quảng Trị” (*Lao Bảo thành phố của một nửa dòng Sê Pôn, Yên Mã Sơn*). Đến khi người Pháp thêm lần nữa phát hiện, khai thác tiềm năng và “lót ổ” để sinh thành nên một “Little Dalat” (tiểu Đà Lạt) từ sự tương đồng về khí hậu, thổ nhưỡng, Khe Sanh mới mang vẻ đẹp của cô gái “yêu kiều” (chữ dùng LCC).

Nhưng một Khe Sanh - “Điện Biên Phủ thứ hai” đi vào lịch sử thì phải cảm mốc son năm 1968.

Chiến thắng Khe Sanh vang dội ra thế giới. Đó thực sự là chiến công, là sức mạnh thần kỳ của toàn dân tộc. Tầm huy chương lấp lánh ấy thấm máu xương, mồ hôi và nước mắt để có khúc khải hoàn mỗi lần nhắc tới ta không khỏi tự hào. Từ một chiến sĩ quả cảm như ông Nguyễn Văn Nhung “đã tham gia 175

và biết bao chiến sĩ đồng bào ngã xuống vì sự trường tồn của dân tộc, của đất nước. Tri ân những người vị quốc vong thân, “Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận quyết định giải ngân 6,9 tỉ đồng xây dựng hệ thống tường niệm tại cao điểm 689” (*Người giữ linh hồn của chiến thắng Khe Sanh*, Đỗ Doãn Hoàng). Đó mới chỉ là khởi sự cho rất nhiều việc đền ơn đáp nghĩa của những người đang sống đau đáu, thiết tha muốn thực hiện.



Lễ Kỷ niệm 50 năm chiến thắng Khe Sanh - Giải phóng huyện Hướng Hóa (09/7/1968 - 09/7/2018). Ảnh: Laodong.vn

trận đánh, bắn rơi 13 máy bay, diệt 2 xe tăng và 54 tên địch” (*Về một người anh hùng của trận đánh Khe Sanh*, Nguyễn Ngọc Diễm) đến vị tướng Nguyễn Đức Huy “đi qua 3 cuộc chiến”, trải nghiệm trận mạc vào sống ra chết nhưng hết sức nhân văn khi trực giao với người bên kia chiến tuyến sau ngày hòa bình thống nhất (*Cuộc đối thoại thú vị của hai vị tướng ở hai chiến tuyến*, Bùi Minh Tuệ)

Ký ức về Khe Sanh, nơi từng là “chảo lửa”, nơi thử thách ý chí, quyết tâm và lòng dũng cảm, nơi độ sức độ trí giữa ta với địch, nơi chủ nghĩa anh hùng cách mạng phát huy cao độ đã làm nên những chiến công oanh liệt của quân dân ta đi vào quốc sử. Ký ức về Khe Sanh sau chiến tranh là “sự hoang tàn đổ nát với chi chít những hố bom, đạn pháo” (*Đất lành Khe Sanh*, Bích

Liên), “chỉ cần một nhát cuốc bở xuống đất là gặp phải bom mìn” (*“Xanh” trên vùng đất chết*, Trần Lưu). Từ Khe Sanh, nhìn rộng ra, “tỉnh Quảng Trị chịu ảnh hưởng nặng nề nhất với gần 84% diện tích đất bị ô nhiễm bom, mìn, vật liệu nổ, gấp 4 lần mức bình quân cả nước”, “cả tỉnh có hơn 840.000 ha thì 400.000 ha (chiếm 80%)” bị ô nhiễm tình trạng trên. Kinh hoàng hơn, “từ 1975 đến 2001, hơn 7.000 nạn nhân do tai nạn bom mìn,

của cỏ, Yên Mã Sơn). Có thể nói, ở phương diện này, các tác giả đã phản ánh chân thực hiện thực, không né tránh những vui buồn của cuộc sống vốn có, cả nụ cười lẫn nước mắt.

Tuy nhiên, cuộc sống như cỗ xe tứ mã luôn lao về phía trước, chiến tranh kết thúc và cuộc sống dựng lại sau hoang tàn đổ nát. Thương tích chiến tranh cần có thuốc thang, nhất là những đờn đau từ vết thương tinh thần. Thuốc



Lễ cắt băng khánh thành Bia tưởng niệm anh hùng liệt sỹ Điểm cao 689.
Ảnh: <http://www.baogiaothong.vn>

trong đó 30% số nạn là trẻ em” (*“Xanh” trên vùng đất chết*). Ký ức về Khe Sanh còn là nỗi niềm day dưa đau đớn đến khó tả. Đó là những cơn đói quặn thắt của bà con miền xuôi buổi đầu lên đây xây dựng kinh tế mới, là những cơn sốt rét ác tính của nơi “rừng thiêng nước độc”, là “những chiếc cuốc, lưỡi rựa được rèn từ những mảnh bom nhưng cái tinh thần mới cao vời vợi: Biến sỏi đá thành cơm” (*Lao Bảo khúc khải hoàn*

thang đó là hành động, là đường dẫn từ bàn tay đến bàn tay, là nhịp cầu bắc từ trái tim đến trái tim. David Hansun, cựu binh Mỹ, “nung nấu ý tưởng trồng cây hòa bình ở Khe Sanh”, một trong những chiến trường ác liệt nhất trong lịch sử chiến tranh, “là nơi duy nhất trên thế giới toàn bộ câu chuyện về chiến tranh và hòa bình được sắp đặt vào một chỗ cùng nhau”. Biểu tượng của tình người, của tương lai mang ý nghĩa “hòa giải,

hữu nghị và hợp tác” (*Những cái bắt tay từ hai nửa bán cầu*, Đình Giáo). Điều đáng nói trong phóng sự này, tác giả Đình Giáo đã tái hiện một cách trực quan mối quan hệ con người ở hai phía chiến tuyến của ba thế hệ trên trục của những biểu tượng. Đó là những biểu tượng của sự cao thượng, hóa giải/hòa giải và tương lai.

xã”. Hiên đất không còn đất để ở, mẹ cũng không nhận luôn phần đất người khác nhường cho mà “xin người bà con trong dòng họ một mảnh đất nhỏ bên sườn đồi để tiếp tục sinh sống” (*Người mẹ Pa Cô ươm “mầm xanh” trên “chảo lửa”*, Trần Lưu); là sự chăm lo sức khỏe nhân dân bằng lương tâm tuyệt vời của người thầy thuốc (*Nữ bác sĩ bèn duyên*



Thị trấn Khe Sanh nhìn từ trên cao. Ảnh: Internet

Trong “*Khe Sanh nửa thế kỷ hòa bình*”, ta bắt gặp một thế giới nhân vật bằng xương bằng thịt đầy ấn tượng. Những phản chiếu số phận, tính cách, tâm hồn, bản lĩnh gắn với hoàn cảnh, sự kiện ở họ thật phong phú. Đó là tình quân dân cá nước, tình hữu nghị quốc tế hợp sức để bảo toàn an ninh hai nước (*Biên cương một buổi*, Thái Bá Lợi); là chân dung người mẹ Pa Cô giàu lòng nhân ái, nhận nuôi “3 người con nhỏ” mồ côi và “hiên đất cho địa phương xây trường”, “hiên luôn phần “đất vàng” ở vị trí đắc địa để xây dựng trụ sở UBND

với thôn bản, Hàn Thị Lê Vân; *Sức khỏe đại ngàn*, Phạm Xuân Dũng), là sự truyền lửa tình yêu của những trái tim nhiệt huyết mang con chữ lên vùng cao (*Lửa tình yêu trên đỉnh Đông Trường Sơn*, Quang Đại), là những người mang sắc áo cam khơi nguồn dòng sông ánh sáng từ thủy điện/điện gió... không chỉ góp phần hòa vào lưới điện quốc gia và xuất khẩu sang Lào, không chỉ thu về lợi nhuận kinh tế mà còn đem ánh sáng đến tận làng bản xa xôi phục vụ bà con và trở lại thúc đẩy kinh tế phát triển (*Sắc áo*

cam trên đất bazan, Phan Văn Vĩnh); Đó là tạo những “cú hích” phát triển kinh tế từ việc ngân hàng tiếp sức cho nhân dân vay vốn làm ăn (*Tiền ra ngoài rẫy tiền mang tiền về*, Đào Tâm Thanh) và kết quả cho những tín hiệu đáng mừng như hình thành nên các “Câu lạc bộ Triệu phú toàn đồng bào người dân tộc” (*Khe Sanh yêu kiều*, Lâm Chí Công); là việc mở đường, giúp sức bà con đẩy mạnh lợi thế thương mại, du lịch, cây trồng vật nuôi như cà phê, cao su, sắn, chuối, trâu bò, gà lợn... ở vùng đất giàu tiềm năng và truyền thống. Những nhân tố ấy hợp lại làm nên “sự khởi sắc của nơi từng được xem là mảnh đất chết như Khe Sanh là minh chứng cho ý chí, sức mạnh và sự hồi sinh diệu kỳ sau chiến tranh” (*Đất lành Khe Sanh*, Bích Liên). Đúng như nhà thơ – chiến sĩ Ngô Kha tiên cảm về một Khe Sanh ở thì tương lai khi còn trong mịt mù bom đạn: “Một

đô thị vàng trên đồi Lao Bảo/Một thị trấn yêu kiều qua ngõ làng Vây”.

Khe Sanh thực sự là “miền đất quả vàng”. Vàng chiến công, vàng lương tâm, vàng trí tuệ, vàng nhân nghĩa. Chỉ chừng đó thôi cũng không đủ để nói hết những gì Khe Sanh đã có, đang có và sẽ có. Nhưng nói như nhà báo Phạm Xuân Dũng rằng là, “trí nhớ con người chỉ lưu giữ những điều đáng nhớ” mà thôi.

Khép lại tập bút ký/phóng sự **Khe Sanh nửa thế kỷ hòa bình**, mới thấy các tác giả phản ánh, tái hiện bức tranh Khe Sanh đa sắc, nổi chìm, cận viễn trong cái nhìn giàu tính nhân văn thật đáng trân trọng. Thiết nghĩ, đó là thành công lớn nhất mà cuốn sách đem lại cho độc giả.

V.V.L

TÀI KIỆU THAM KHẢO

[1] Nhiều tác giả: *Khe Sanh nửa thế kỷ hòa bình*, tập bút ký/phóng sự, NXB Hội Nhà văn,



Làng cổ Hội Kỳ - Những giá trị di sản kiến trúc, cảnh quan cần bảo tồn và kế thừa trong quá trình phát triển

HOÀNG ĐỨC ANH VŨ

Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị

Làng cổ Hội Kỳ thuộc xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị nằm bên dòng sông Ô Lâu, được hình thành cách đây hơn 500 năm. Nơi đây là một trong số ít làng quê ở Quảng Trị còn giữ được những nét cổ xưa và lưu giữ nhiều dấu tích kiến trúc, cảnh quan truyền thống. Đặc biệt, Hội Kỳ còn sở hữu những ngôi nhà rường có độ tuổi hơn 100 năm có giá trị nổi bật cần được trân trọng và giữ gìn.

1. Những giá trị di sản kiến trúc, cảnh quan

Giá trị cấu trúc không gian làng

Làng cổ Hội Kỳ được trải dài theo ven sông với chiều dài gần 1km, chiều rộng 0,5km. Làng quay về hướng Đông Nam nhìn ra dòng sông Ô Lâu. Làng xóm được ẩn mình sau lũy tre xanh dày đặc tạo nên thành trì vững chắc bảo vệ cho dân làng, đồng thời nó còn là ranh giới thiêng liêng của cộng đồng làng xã, thể hiện đặc điểm đóng kín và độc lập của làng.

Hệ thống đường làng được phân nhánh kiểu răng lược. Trong làng có trục đường chính, dưới là các xóm ngõ. Đường làng trước đây là những con đường đất đỏ rộng khoảng 2-3m; đường chính rộng khoảng 4-5m nay đã được bê tông hóa. Hai bên đường làng trồng những hàng tre, chèn tàu được xén tỉa tỉ mỉ, tạo nên tuyến đường làng vừa có bóng mát, vừa có cảnh quan đẹp.

Cấu trúc không gian làng Hội Kỳ vẫn còn giữ được những nét cổ xưa. Ấn

tượng nhất là con đường làng đi dọc theo sông Ô Lâu. Một bên là dãy nhà rường tiếp nối nhà rường nằm giữa những khu vườn, với những hàng chè tàu “phân chia mà không ngăn cách”; một bên là dãy tre ngà xanh ngát, rợp bóng chạy dài uốn lượn quanh làng tạo nên một khung cảnh thiên nhiên thanh bình, hiền hòa bên dòng sông.

Ngoài ra, làng còn có hệ thống các công trình kiến trúc văn hóa tín ngưỡng dày đặc và cổ kính như đình, đền, miếu, nhà thờ họ; lưu giữ được những giá trị về không gian văn hóa cộng đồng đặc trưng, thuần khiết của làng quê truyền thống.



Hình 1: Cảnh quan đường làng Hội Kỳ

những đặc trưng kiến trúc nhà ở nông thôn truyền thống tỉnh Quảng Trị.

Nhà chính được bố trí các chức năng quan trọng như thờ phụng, tiếp khách, sinh hoạt, ngủ và cất chứa tài sản. Hệ kết cấu chính của ngôi nhà được làm từ gỗ mít địa phương, sử dụng liên kết mộng, có thể tháo rời được. Trên toàn bộ khung gỗ chịu lực, ngoài hàng cột tròn được bào nhẵn thì các bộ phận kết cấu khác được trang trí chạm khắc công phu với các họa tiết cách điệu hình đầu rồng, đao mác, dây leo kết hợp với các đường diềm hồi văn, kỷ hà... tạo cảm giác thanh thoát, nhẹ nhàng và



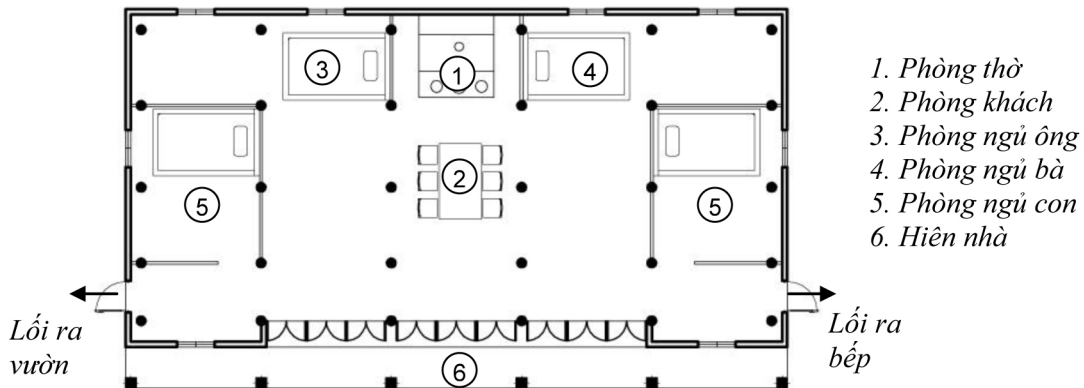
Hình 2: Đình làng được xây dựng năm 1956

Giá trị kiến trúc nhà ở truyền thống

Trong tổng thể cấu trúc không gian làng, nhà ở nông thôn truyền thống được bố cục hài hòa, thân thiện với thiên nhiên, thích ứng với khí hậu và tập quán sinh hoạt, sản xuất. Qua khảo sát, hiện nay trong làng còn 20 ngôi nhà rường cổ được chia làm hai dạng: nhà ba gian hai chái và nhà một gian hai chái. Đây là hai dạng nhà rường phổ biến ở Quảng Trị. Đặc biệt trong số đó, có 6 ngôi nhà với niên đại từ 100 đến 200 năm có giá trị cao về lịch sử, văn hóa và kiến trúc.

Đặc điểm kiến trúc của các ngôi nhà rường ở Hội Kỳ thể hiện nguyên vẹn

có tính nghệ thuật cao cho công trình. Nền nhà được tôn cao để hạn chế ảnh hưởng của ngập lụt. Hàng hiên rộng có tác dụng che nắng, chắn mưa. Mái lợp ngói liệt giúp cách nhiệt tốt, giảm bức xạ mặt trời vào ngôi nhà, có độ dốc lớn để thoát nước nhanh và vươn rộng ra khỏi chân tường để bảo vệ tường nhà khỏi rêu mốc, ẩm ướt. Hệ thống cửa được làm theo hình thức “*thượng song hạ bản*” để đảm bảo ánh sáng và tạo sự thông thoáng cho ngôi nhà khi đóng cửa. Tỷ lệ, hình thức thẩm mỹ và vật liệu xây dựng làm nhà gần gũi, hài hòa với thiên nhiên. Bên trong các ngôi nhà cổ



Hình 3: Nhà rường 3 gian 2 chái của bà Dương Bích Ngọc có niên đại gần 200 năm

hiện nay vẫn còn lưu giữ những cổ vật quý như bộ ngựa, bàn thờ, đỉnh đồng, bát nhang, hoành phi, câu đối...

Nhà phụ nằm sát nhà chính, là nơi đặt bếp, phòng ăn, kho chứa lương thực và công cụ sản xuất... Quy mô, cấu trúc nhà phụ nhỏ hơn nhà chính và vật liệu xây dựng đơn giản, ít cầu kỳ.

Phía trước nhà có khoảng sân rộng để phơi phóng, đan lát, làm nghề phụ và là nơi sinh hoạt chung của gia đình. Ngoài khoảng sân có một cái am để thờ thổ thần, có khi thờ vong linh, cô hồn. Am thường được xây bằng gạch với hình thức có một cột trụ, trên đó có một bệ thờ.

Khuôn viên của nhà được bao quanh bằng những hàng rào thoáng bằng hàng chè tàu, tre. Cổng ngõ, bình phong thường do các cây dây leo, thảo mộc được uốn lượn, cắt tỉa mà thành. Trước nhà trồng những hàng cau tạo thành mảng xanh che nắng phía trên nhưng vẫn đón gió mát Đông Nam vào. Sau nhà trồng các bụi chuối, tre, cây ăn quả chắn gió bão, che chắn cho ngôi nhà. Trong vườn trồng các loại rau màu, hai bên và trước nhà thường có giàn leo thiên lý, mướp, bầu, bí... Vườn trong nhà vừa để tự cung tự cấp cho bữa ăn gia đình, vừa để làm kinh tế, và có tác dụng cải tạo vi khí hậu, là giá trị nghệ



Hình 4: Các họa tiết trang trí vì kèo, xà gỗ



Hình 5: Hàng hiên và hệ thống cửa thượng song hạ bản



Hình 6: Lối vào nhà với hai hàng chè tàu được cắt xén cẩn thận

thuật to lớn cần được kế thừa.

2. Những nguy cơ phá vỡ cấu trúc không gian làng và kiến trúc nhà ở truyền thống

Quá trình phát triển kinh tế, xã hội, hiện đại hóa, đô thị hóa... đã tác động đến hầu hết các mặt khác nhau của đời sống xã hội, làm thay đổi diện mạo làng Hội Kỳ theo hướng tích cực như: cơ sở hạ tầng phát triển, tạo ra nhiều việc làm, mức sống của người dân được nâng cao. Tuy nhiên, đi cùng với đó là những nguy cơ phá vỡ cấu trúc không gian làng và kiến trúc nhà ở truyền thống, tác động tiêu cực tới các giá trị di sản kiến trúc, cảnh quan.

(i) Phong trào “bê tông hóa” nông thôn, “hiện đại hóa” các công trình kiến trúc đã diễn ra trong những năm gần đây ở làng Hội Kỳ. Hệ thống đường làng được bê tông hóa; một số ngôi nhà đã xây tường bờ rào thay thế cho hàng chè tàu, đổ sân bê tông thay thế cho sân lát gạch... làm cho hình ảnh làng Hội Kỳ trở nên khô cứng, bớt cổ xưa hơn so với trước đây.

(ii) Dân số tăng nhanh và nhu cầu tách hộ nên nhiều gia đình đã tự chia phần đất trong khuôn viên cho các con cháu làm nhà ở. Vì vậy, diện tích đất trong khuôn viên ở ngày càng bị thu hẹp. Cùng với đó là sự xuất hiện các công trình mới trong làng như nhà văn hóa thôn, nhà mẫu giáo, xưởng sản xuất... đã làm tăng mật độ xây dựng, giảm tiện nghi môi trường của làng quê. Các công trình này thiếu sự đầu tư nghiên cứu về kiến trúc, chưa ăn nhập và khai thác các yếu tố kiến trúc truyền thống bản địa gây nguy cơ phá vỡ không gian kiến trúc, cảnh quan truyền thống

(iii) Qua thời gian, số lượng nhà rường truyền thống đang ngày càng ít dần và bị xuống cấp, hư hỏng. Hệ mái ngói liệt trải qua thời gian mưa bão bị thấm dột; các cấu kiện gỗ bị mối mọt, hư hỏng cần phải thay thế. Nhiều chủ nhân ngôi nhà

muốn thay lại những vật liệu xưa, chạm trổ trên các cấu kiện gỗ nhưng việc tìm vật liệu không có, tìm thợ giỏi, lành nghề khó khăn và chi phí rất cao nên họ cũng bỏ cuộc. Do đó, các cấu kiện xuống cấp, hư hỏng sau này đã được thay thế bằng những vật liệu mới, hiện đại làm “trẻ hóa” di sản kiến trúc.

Mặt khác, công năng sử dụng không còn phù hợp với cuộc sống hiện tại (nhà thấp, ít phòng, hiên nhà nhỏ...) nên những ngôi nhà rường truyền thống phần lớn được chủ nhà làm nhà thờ và xây dựng nhà mới nằm sát bên cạnh với công năng phù hợp với cuộc sống hiện tại hơn. Nhà mới bên cạnh được xây dựng theo kiểu hiện đại, phát

ở nông thôn được người dân quan tâm hơn. Khi nhu cầu của người dân về vấn đề ở tăng cao thì xu hướng biến đổi về cấu trúc không gian ngay trong làng sẽ càng diễn ra mạnh mẽ. Nếu không được quy hoạch, quản lý chặt chẽ thì cấu trúc làng cổ Hội Kỳ sẽ bị biến đổi theo chiều hướng xấu đi, đánh mất bản sắc truyền thống.

3. Bảo tồn và kế thừa những giá trị di sản kiến trúc, cảnh quan trong quá trình phát triển

Sự biến đổi cấu trúc không gian làng và khuôn viên nhà ở là điều không thể tránh khỏi trong quá trình phát triển. Tuy nhiên, nếu để mọi việc diễn ra một cách tự phát, thiếu kiểm soát như hiện nay thì



(a) (b)
 Hình 7: Nhà rường 3 gian 2 chái của ông Dương Quang Mạnh có niên đại 129 năm.
 (a) Nhà mới xây bên cạnh có kiến trúc không ăn nhập với nhà rường truyền thống.
 (b) Bờ rào và lối vào bằng hàng chèn tàu đã được thay thế bằng tường xây.

triển theo chiều cao, nhưng lại không kế thừa và ăn nhập với kiến trúc nhà rường truyền thống. Một số hình thức kiến trúc vay mượn vội vàng từ đô thị đưa vào nông thôn đã tạo nên sự mất hài hòa, ảnh hưởng đến không gian cảnh quan kiến trúc.

(iv) Với mức sống nông thôn ngày càng được nâng lên, kinh tế gia đình ngày càng phát triển, thì nhu cầu về xây dựng nhà ở, đầu tư trang thiết bị tiện nghi, hiện đại phục vụ cho cuộc sống

sẽ có nguy cơ làm mất đi các giá trị di sản kiến trúc, cảnh quan của làng. Do đó, cần có các giải pháp bảo tồn và kế thừa những giá trị di sản kiến trúc, cảnh quan làng Hội Kỳ để thích ứng với quá trình phát triển:

(i) Tiến hành điều tra, khảo sát toàn diện về cấu trúc không gian làng, nhà ở truyền thống và các công trình văn hóa tín ngưỡng hiện có trong làng; Xác định đặc điểm và đánh giá những giá trị lịch sử, văn hóa và kiến trúc của làng Hội

Kỳ; Lập hồ sơ đo vẽ hiện trạng, chụp hình, lập mô hình 3D các công trình có giá trị cao để lưu trữ số liệu, nâng cao hiệu quả và độ chính xác của việc nghiên cứu, phục vụ cho công tác bảo tồn và khôi phục sau này.

(ii) Công nhận làng cổ Hội Kỳ là di tích cấp tỉnh và xem nhà rường có niên đại hàng trăm năm là những di sản kiến trúc quý giá để có cơ sở pháp lý trong việc quản lý, bảo tồn, kế thừa và phát huy giá trị. Tiến hành phân loại, xếp hạng theo nhóm những nhà rường ít bị biến đổi, hư hỏng một phần, hư hỏng nặng... để có thể theo dõi và đưa vào kế hoạch trùng tu, phục hồi khi có điều kiện về kinh phí.

(iii) Động viên, giúp đỡ, hỗ trợ người dân về phương pháp bảo quản, giữ gìn, sửa chữa đúng theo quy trình bảo tồn kiến trúc gỗ truyền thống; tránh những biến đổi làm ảnh hưởng tiêu cực đến những giá trị di sản kiến trúc, cảnh quan.

(iv) Chính quyền địa phương cần dành ra một khoản ngân sách để hỗ trợ chủ nhân các ngôi nhà cổ trong công tác bảo quản thường xuyên như chống mối mọt, sửa chữa một số hạng mục gỗ bị hư hỏng...; Nghiên cứu đưa ra các mẫu thiết kế nhà ở nông thôn vừa kế thừa các giá trị kiến trúc nhà ở nông thôn truyền thống, vừa phù hợp với cuộc sống của người dân trong thời đại mới; Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng để áp dụng rộng rãi, đồng thời cần có những chính sách hỗ trợ khi người dân trong làng đồng ý thực hiện các mẫu nhà ở này.

(v) Khai thác phát triển các hoạt động du lịch về làng cổ. Du lịch phải mang lại lợi ích thiết thực cho chủ nhân các ngôi nhà cổ, di sản phải trở thành nguồn sống, trở thành nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội. Kế thừa và phát huy những giá trị di sản kiến trúc, cảnh quan truyền thống trong quy hoạch, thiết kế

xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa nhằm tạo nên một không gian kiến trúc phát triển bền vững theo hướng hiện đại và phát huy giá trị truyền thống.

4. Kết luận

Trải qua hơn 500 năm hình thành và phát triển, làng Hội Kỳ vẫn còn lưu giữ được những nét cổ xưa. Làng tiêu biểu cho một mô hình cư trú bền vững thích ứng với địa hình điều kiện tự nhiên, phù hợp với điều kiện sinh hoạt, sản xuất và ở của người dân trong một thời gian dài. Làng cổ Hội Kỳ hội tụ đầy đủ những giá trị về lịch sử, văn hóa, kiến trúc, không gian cảnh quan... xứng đáng là di sản cần được bảo tồn và kế thừa trong quá trình phát triển./.

H.Đ.A.V

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Sỹ Quế, Nguyễn Văn Đình, Nguyễn Hồng Hương (2010), *Lịch sử kiến trúc truyền thống Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
2. Hoàng Đức Anh Vũ (2018), *Quá trình biến đổi không gian kiến trúc nhà ở nông thôn tỉnh Quảng Trị*, Tạp chí Kiến trúc, số 8-2018.



Không gian “thiên” trong ngôi nhà truyền thống của người Việt Quảng Trị

NGUYỄN THỊ NƯƠNG

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Trị

Từ bao đời nay, trong tâm thức của mỗi người Việt Quảng Trị nói riêng, người Việt Nam nói chung khi xây dựng một ngôi nhà để ở dù với quy mô lớn hay nhỏ, dù tạm bợ hay kiên cố thì họ đều dành vị trí trang trọng nhất trong ngôi nhà để làm nơi thiết trí bàn thờ tổ tiên và các vị thần. Đây là không gian quan trọng, nơi thờ cúng các vị thần thánh, tổ tiên và cũng chính là nơi diễn ra các lễ tục quan trọng như lễ đặt tên cho con, cháu khi đầy tháng, lễ cưới, lễ hỏi, ma chay hay lễ cúng giỗ những người thân trong gia đình đã mất... đây là một nét văn hóa đặc trưng của người Việt. Và không gian ấy được ví như là không gian “thiên” của mỗi gia đình. Trong không gian “thiên” ấy, bên cạnh việc thờ cúng, hương khói thì nhiều quy tắc, lễ nghi cũng được đặt ra nhằm thể hiện sự tôn kính của gia chủ đối với ông bà, tổ tiên trong gia đình.

Không gian “thiên” trong đời sống văn hóa của người Việt Quảng Trị.

Vốn là vùng đất có bề dày về lịch sử và văn hóa, Quảng Trị được xem là điểm dừng chân đầu tiên trên bước đường thiên di về phương Nam của quốc gia phong kiến Đại Việt, đặc biệt là từ sau sự kiện vua Chăm nhường đất cho nhà Trần (năm 1306) thì các lớp cư dân người Việt vùng Thanh - Nghệ đã đến đây định cư và từng bước thay thế cho lớp người tiền trú. Khi đến định cư nơi vùng đất mới “Ô châu ác địa” còn hoang sơ hoặc điêu tàn sau chiến tranh loạn lạc, cuộc sống gặp nhiều điều bất

trắc, không thuận lợi thì việc thờ cúng tổ tiên và những người đã khuất ở một vị trí trang trọng nhất trong ngôi nhà của mình chính là sự cầu mong ông bà tổ tiên sẽ che chở cho các thành viên trong gia đình. Mặt khác, với truyền thống văn hóa của người Việt là “ly hương bất ly tổ” nghĩa là dù đi đâu, ở đâu thì con cháu đều mang theo bát hương thờ cúng ông bà, tổ tiên đi theo vì vậy, ngôi nhà của người Việt mang rất nhiều ý nghĩa: vừa là nơi che mưa nắng, nơi sinh hoạt trong đời sống thường nhật, vừa chốn bình yên trong đời sống tâm linh, là nơi cư ngụ của ông bà tổ tiên khi họ đã mất.

Trải qua thời gian, cuộc sống dần ổn định, điều kiện kinh tế phát triển hơn, người ta lại dựng những ngôi nhà khang trang hơn và họ dành những không gian trang trọng nhất trong nhà để thờ phụng những người đã khuất, các vị thần trong đất đai thể hiện lòng thành kính, biết ơn cũng như lòng hiếu thảo của người sinh sau đối với các bậc tiền nhân đã sinh thành, nuôi dưỡng, lập nên làng xã đồng thời cầu mong sự phù hộ cho một cuộc

trọng nhất cần phải kể đến đó là thờ cúng tổ tiên. Thờ cúng tổ tiên là một phong tục tín ngưỡng mà người Việt luôn mang theo trong hành trang của mình cho dù nơi đến của họ là ở bất kỳ một vùng đất mới nào.

Tại Quảng Trị, năm 1558, khi chúa tiên Nguyễn Hoàng và đoàn tùy tùng từ đất Bắc vào trấn thủ vùng Thuận Hóa họ đã mang theo cả nhu cầu về cuộc sống tâm linh tinh thần. Mặt khác, tổ chức



Mâm ngũ quả ngày tết. Ảnh: <http://cafef.vn>

sống ấm no hạnh phúc, mưa thuận gió hòa, dân an vật lợi. Mặt khác, con cháu hiếu nghĩa phải là người luôn biết nhớ ơn ông bà, cha mẹ, sống thì lo phụng dưỡng, mất thì phụng thờ. Vì thế mà trong mỗi gia đình dù có hoàn cảnh khác nhau cũng đều dành một góc trang trọng nhất trong nhà để đặt bàn thờ gia tiên cũng như các vị thần khác.

Từ xưa đến nay, trong mỗi gia đình người Việt đều có rất nhiều người, nhiều vị thần được thờ cúng. Đầu tiên, quan

làng xóm không được chặt chẽ như trên đất Bắc, kinh tế tập thể công xã không có điều kiện phát triển nên buổi đầu khó có thể dựng được đầy đủ các công trình tín ngưỡng công cộng do đó đình làng và Thành hoàng cũng không được linh thiêng như trên đất Bắc - chính vì thế tổ tiên là hệ thần linh bảo trợ trực tiếp cho họ, đó là chỗ dựa tâm linh được coi là vững chắc nhất tạo thành nền tảng cho đạo Ông - Bà hình thành và phát triển.

Việc thờ và cúng giỗ tổ tiên là một

trong những nghĩa vụ quan trọng của con cháu đối với người đã khuất trong nhà, trong dòng họ mình. Đây cũng là một trong những nét văn hóa truyền thống mang tính dân tộc của người Việt Nam, là nét khác biệt so với các dân tộc khác trên thế giới. Việc cúng giỗ được duy trì đã góp một phần không nhỏ trong việc bảo tồn nền văn hóa của dân tộc, giúp chúng ta không quên cội nguồn. Thờ cúng tổ tiên ngoài sự thể hiện lòng thành kính của những người sống với người đã chết còn là dịp để chú bác, anh em, con cháu nội ngoại ngồi lại bên nhau kết chặt thêm tình thân thích ruột thịt.

Để cụ thể hóa lòng hiếu kính của mình đối với tổ tiên, gia đình nào dù nghèo khó đến đâu cũng có bố trí một bàn thờ tổ tiên. Bàn thờ chính được đặt ở nhà người gia trưởng nhưng ở các nhà khác cũng dành một vị trí trang trọng trong nhà để lập bàn thờ vọng. Với kiến trúc nhà ở dân gian truyền thống đều tuân thủ một cách nghiêm ngặt học thuyết âm dương, ngôi nhà người Việt được thiết kế theo lối 1 gian 2 chái hoặc 3 gian 2 chái thì gian trung tâm của ngôi nhà luôn được ưu tiên để thiết trí bàn thờ tổ tiên và xem đây là không gian “thiêng” của gia đình mình. Cơ cấu bàn thờ được tổ chức thành nhiều cấp độ theo thứ tự các thế thứ được thờ như: Cha mẹ, Ông bà, Tằng tổ... Bên trên bàn thờ ngoài các bát hương, cây đèn, hộp quả ...thường có thêm bộ tam sự, ngũ sự. Trên bàn thờ tùy theo số người mà gia chủ thờ để đặt bát hương. Nếu là một người đã khuất thì có một bát hương hoặc không có người thân đã khuất thì gia chủ cũng đặt bát hương trên bàn thờ. Nếu trong nhà có nhiều vị đã khuất thì sẽ có nhiều bát hương trên bàn thờ. Bát hương của vị cao nhất sẽ xếp trong cùng ở giữa rồi theo thứ tự bên trái, bên phải, vị nào nhỏ thì ở dưới. Việc thiết trí các tượng Phật, bài vị của tổ tiên cùng đồ

tự khí tạo nên một không gian tâm linh huyền bí, thiêng liêng.

Trải qua thời gian, sự thay đổi về thị hiếu kiến trúc đã làm cho diện mạo nhà ở có nhiều biến chuyển, nhiều loại hình kiến trúc nhà ở đang tồn tại đan xen. Bên cạnh loại hình nhà ở truyền thống, nhiều phong cách nhà của phương Tây đang du nhập vào Việt nam tạo nên sự đa dạng, phong phú về kiến trúc... tuy nhiên, tùy thuộc vào điều kiện của mỗi gia đình, tùy thuộc vào từng không gian kiến trúc mà không gian “thiêng” được thiết trí một cách phù hợp và vẫn luôn là một phần không thể thiếu trong mỗi ngôi nhà của người Việt vùng đồng bằng Quảng Trị.

Qua khảo sát các ngôi nhà ở của người Việt vùng đồng bằng Quảng Trị thì dù đó là nhà truyền thống, nhà hiện đại hay thuộc các chất liệu khác nhau như nhà lá đơn sơ, nhà tranh vách đất, nhà rường truyền thống hay nhà bê tông cốt thép... đều có bàn thờ tổ tiên và đó là địa điểm quan trọng nhất, vị trí tôn nghiêm nhất của ngôi nhà dù đó là gian trung tâm của ngôi nhà hay đó chỉ là án thờ được cách điệu phù hợp với vị trí của không gian ấy. Thờ cúng ông bà, tổ tiên không chỉ để tỏ lòng báo hiếu công lao trời biển của người đã quá cố mà còn có ý nghĩa răn dạy con cháu đang sống phải biết tôn kính đối với ông bà, tổ tiên của mình.

Không gian “thiêng” trong ngày Tết cổ truyền của người Việt Quảng Trị

Phong tục của người Việt trong ngày Tết lại một lần nữa thể hiện sự quan trọng của không gian “thiêng”. Quanh năm làm ăn bận rộn, mọi người không có điều kiện để bài trí trang hoàng lại ngôi nhà thì đến những ngày Tết đến xuân về mọi người lại tập trung trang trí lại ngôi nhà của mình đặc biệt là không

gian “thiên”. Công việc đầu tiên đó là thay cát trên các bát hương của bàn thờ tổ tiên. Công việc này bắt đầu từ sau ngày đưa ông Táo về trời (ngày 23 tháng Chạp) cho đến trước khi lễ đón ông bà về nhà cùng con cháu đón xuân. Loại cát được lựa chọn để thay thế phải là loại cát trắng tinh, được vớt sạch, phơi khô. Sau khi lau chùi các đồ tự khí, việc thay cát trong các bát hương được thực hiện một cách thành kính.

Tiếp đó là công việc đơm hoa, đặt quả tại không gian “thiên” thường bắt đầu từ ngày 28 đến 30 tháng Chạp tùy theo điều kiện của mỗi gia đình. Thông thường, các loại hoa được chọn để dâng cúng tổ tiên trong ngày Tết là các loại hoa như lay ơn, vạn thọ, cúc đại đóa... Loại quả được chọn để đặt trên bàn thờ cũng được các mẹ, các chị lựa chọn rất tỉ mỉ và công phu. Quả phải chín mọng, tươi nguyên với các loại như măng cầu, dứa, đu đủ, xoài... đặc biệt là không thể thiếu nải chuối. Với những sự chuẩn bị như vậy đã góp phần làm cho không gian thờ cúng thêm thiêng liêng hơn.

Lễ đón tổ tiên về ăn Tết cùng gia đình là ngày hệ trọng nhất trong năm. Đây là lúc cả gia đình sum họp, cùng nhau quây quần trước không gian “thiên” để cùng hướng về tổ tông, nguồn cội, là lúc *tổng tựu nghinh tân*, mọi người cùng cầu mang cho một năm mới gặp nhiều điều may mắn. Những lời chúc tốt đẹp dành cho nhau bên mâm cơm thân mật, đầm ấm thể hiện sự bày tỏ lòng thành kính của cháu con đối với những người đã khuất đồng thời là sự hiếu thuận của con cháu đối với ông bà, cha mẹ đang sống trước sự chứng giám của tổ tiên.

Trong không khí đoàn viên, sum vầy của những ngày đầu xuân, không gian “thiên” chính là linh hồn của gia đình, nhiều hoạt động lễ thức được diễn ra

tại đây như dâng hương, dâng cơm... Trước bàn thờ tổ tiên, người ta thành tâm khấn nguyện để mọi người được bình an hạnh phúc, mong cho một năm mới với nhiều may mắn...

Như vậy, có thể nói không gian “thiên” trong ngôi nhà của người Việt Quảng Trị được xem là khu vực có tầm quan trọng đặc biệt, là địa điểm không thể thiếu trong mỗi gia đình, là nơi chứa đựng nhiều giá trị truyền thống, đồng thời cũng là nơi để giáo dục con cháu trong mỗi gia đình. Việc thiết kế không gian thiên sao cho vừa đảm bảo tính tôn nghiêm vừa phù hợp với không gian sống là một việc làm rất được chú trọng nhằm qua đó bày tỏ lòng thành kính của những người đang sống với tổ tiên cũng chính là thực hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn của dân tộc ta. Trong tâm thức người Việt Quảng Trị, những người thân đã khuất luôn sống trong tình cảm tôn kính, yêu thương, gần gũi của người hiện tại. Không nhất thiết phải mâm cao, cỗ đầy, chỉ cần thắp một nén nhang lên bàn thờ tổ tiên trong ngày kỵ giỗ, lễ tết, hiếu hỷ thì con cháu trong gia đình cũng đã thể hiện được tấm lòng thành kính, về cội nguồn, tưởng nhớ những người thân đã khuất. Trong cái không gian thiên và thời gian thiên đó, từ sâu thẳm trong tâm hồn của con người, quá khứ và hiện tại bỗng giao hòa vào nhau rất gần gũi, rất hiện hữu, không còn cảm giác cách biệt âm - dương. Chính sự rung cảm thiêng liêng đó đã góp phần tu chỉnh ý thức và danh vi của người đang sống sao cho tốt hơn, hoàn thiện hơn, có tính nhân văn hơn.

N.T.N

Hương Xuân

PHAN THÀNH MINH

Tháng chạp gầy như vạt nắng hanh hao
 Cúc nhà khó cũng rục vàng trăm cánh tết
 Gác lại chái hiên nhọc nhằn mỗi mệ
 Mặc lung trâu dang dở đường cày

Bánh chưng xanh thơm ngát sum vầy
 Bếp rục đỏ nụ cười yêu ái
 Xuân mở lòng nghe hoa bướm nói
 Đêm bàn giao cổ tích lên đèn

Củ kiệu dưa hành sơn sắt mùi quen
 Mứt mận mứt cà ánh màu chung thủy
 Bát chè xanh thắm tình đượm ý
 Xuân đầy lòng ấm áp nụ cười thơ

Tháng chạp rộn ràng trăm nỗi âu lo
 Ngày đã vội mà đêm cũng vội
 Vườn trầu tiếng chim mùa xuân tập nói
 Mặn muối cay gừng chum vại ngỗng ngang

Ấm ắp cổ xuân nghĩa xóm tình làng
 Thơm thảo ấm nồng chiêu thơ chúc rượu
 Có ánh mắt bỗng hoá thành vịnh cửu
 Nở môi cười hạnh phúc đã là xuân



KỶ NIỆM 60 NĂM NGÀY BÁC HỒ VIẾT TÁC PHẨM ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG (12/1958 -12/2018):

NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CỦA NGƯỜI CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRONG TÌNH HÌNH MỚI

TRẦN VĂN TOÀN

Trưởng Chính trị Lê Duẩn Quảng Trị

Cách đây tròn 60 năm (12/1958) với bút danh Trần Lực, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết tác phẩm *Đạo đức cách mạng* nhằm khẳng định vai trò quan trọng của đạo đức cách mạng đồng thời chỉ rõ kẻ thù, những nguy cơ của đạo đức cách mạng, nêu rõ những biện pháp để ngăn ngừa và sửa chữa căn bệnh đó để xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch vững mạnh, “là đạo đức, là văn minh”. Bởi vì, người sớm tiên liệu được tình hình, khi Đảng lên cầm quyền, cán bộ, đảng viên của Đảng nắm hầu hết những chức vụ quan trọng trong hệ thống chính trị. Có chức thì con người thường tính đến quyền, có quyền thì tính đến lợi. Nếu đảng viên chỉ tính lợi ích riêng mà quên quyền

lợi ích chung, quên trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân thì Đảng sẽ bị tha hoá, Đảng sẽ đánh mất vai trò cầm quyền của mình. Khi có chính quyền, một số cán bộ, đảng viên xuất hiện tư tưởng thoả mãn với kết quả đạt được, tự cao, tự đại, “vác mặt quan cách mạng”, không chịu học tập phấn đấu, rèn luyện để nâng cao trình độ mọi mặt. Chính vì lẽ đó, trong tác phẩm, Người đã chỉ rõ: “Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ”. Vì vậy, “người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi đạo đức cách mạng là tiêu chí hàng đầu, là “gốc” của người cán bộ, đảng viên. Nâng cao đạo đức cũng có nghĩa là củng cố vững chắc hơn cơ sở định hướng cho sự phát triển tài năng của người cán bộ, đảng viên vì lợi ích chung của Đảng, của giai cấp và của dân tộc. Đạo đức của người cán bộ cách mạng còn là nền tảng và là cơ sở để người cán bộ, đảng viên phát huy tài năng, trí tuệ và các

khi lợi ích của Đảng và lợi ích của cá nhân mâu thuẫn với nhau thì lợi ích cá nhân phải tuyệt đối phục tùng lợi ích của Đảng và phải quyết tâm đấu tranh chống mọi kẻ thù, luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, quyết không chịu khuất phục, không chịu cúi đầu. Có như thế mới thắng được địch và thực hiện được nhiệm vụ cách mạng. Theo Người, điều biểu hiện rõ rệt nhất, cao quý nhất của đạo đức cách mạng là: Quyết tâm suốt



Tác phẩm “Đạo đức cách mạng” được Chủ tịch Hồ Chí Minh viết vào tháng 12/1958. Ảnh: Tuyengiao.vn

phẩm chất khác, hướng năng lực của họ vào hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ của cách mạng. Vì vậy, theo Người, cán bộ, đảng viên phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng. Có nghĩa là, vô luận trong hoàn cảnh nào cũng đặt lợi ích của Đảng lên trên hết. Nếu

đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng; tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, phải tôn trọng nhân dân, lắng nghe nhân dân, vì nhân dân mà phục vụ. Đó là điều chủ chốt nhất, căn cốt nhất, phải trở thành mục tiêu lẽ sống của mỗi đảng viên, cán bộ. Người nhấn mạnh: “Đạo đức cách mạng là hòa mình với quần

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TÂM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

chúng thành một khối, tin quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng. Do lời nói và việc làm, đảng viên, đoàn viên và cán bộ làm cho dân tin, dân phục, dân yêu, đoàn kết quần chúng chặt chẽ chung quanh Đảng, tổ chức, tuyên truyền và động viên quần chúng hăng hái thực hiện chính sách và nghị quyết của Đảng”.

kiên định mục tiêu và con đường đi lên CNXH do Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn, hăng hái đi đầu trong công cuộc đổi mới, hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Đặc biệt, nhiều cán bộ, đảng viên hoạt động trong các môi trường phức tạp, điều kiện khó khăn đã năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước dân, trước Đảng, mạnh dạn



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm đồng bào xã Phục Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên năm 1954. Ảnh: Tuyengiao.vn

Thấm nhuần lợi dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, 88 năm qua, Đảng ta đã xây dựng, bồi dưỡng đại bộ phận cán bộ, đảng viên phát huy được phẩm chất, đạo đức cách mạng. Đa số cán bộ, đảng viên luôn trau dồi và giữ được phẩm chất, đạo đức cách mạng, yêu nước, yêu dân, chí công, vô tư, gương mẫu, có lối sống trong sạch, lành mạnh. Tuyệt đại đa số cán bộ, đảng viên vững vàng trước những biến động trong nước và thế giới,

tìm tòi, thử nghiệm nhiều cách làm mới, đạt hiệu quả cao, được quần chúng tin yêu, ca ngợi, góp phần nâng cao uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên có ý thức tổ chức kỷ luật cao, chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, những quy định của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Tuy nhiên, trong quá trình đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa

đất nước, một bộ phận cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, rơi vào chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ, tình trạng “nói không đi đôi với làm”, “nói một đằng làm một nẻo”... đang gây bức xúc trong xã hội, làm mất niềm tin trong nhân dân... Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) cũng đã chỉ rõ: “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên

thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước”. Để ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống của cán bộ, đảng viên, bộ



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm lớp học bổ túc văn hóa và kỹ thuật buổi tối của công nhân Nhà máy ô tô “1-5”, lá cờ đầu của phong trào bổ túc văn hóa ngành Công nghiệp Hà Nội (19/12/1963). Ảnh: Tuyengiao.vn

giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc...”. Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) cũng đã khẳng định: “Tình trạng suy

Chính trị (khóa XII) đã ban hành Quy định 55-QĐ/TW ngày 19/12/2016 về về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên. Đặc biệt, Hội nghị Trung ương 8 khóa XII đã ban hành Quy định số 08-QĐi/TW của Ban Chấp hành Trung ương ngày 25 tháng 10 năm 2018 “Về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban

Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, đã cho thấy tầm quan trọng của việc nâng cao đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong tình hình mới.

Trong thời gian qua, dư luận hết sức bức xúc về những việc làm sai trái, vi phạm đạo đức của cán bộ, đảng viên, thiếu tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước dân, nói không đi đôi với làm của một số cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ đảng viên cấp cao của Đảng đã ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, làm giảm sút niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

Hiện nay, tình hình thế giới và khu vực luôn diễn biến phức tạp, khó lường, các thế lực thù địch luôn tìm mọi cách chống phá ta quyết liệt về mọi mặt, chúng thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” bằng những hành động kích động quần chúng, chia rẽ dân tộc, tôn giáo hòng phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chia rẽ mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, vì thế, nghiên cứu, làm sáng tỏ và vận dụng đúng đắn tư tưởng của Hồ Chí Minh nhằm nâng cao đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên trong tình hình mới, để khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, củng cố lòng tin của dân với Đảng là một đòi hỏi cấp thiết trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

Vì vậy, mỗi cán bộ, đảng viên phải tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị 05 ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII “Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”.

Mặt khác, mỗi cán bộ, đảng viên phải trung thành và kiên định với đường lối độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; trau dồi kiến thức, nâng cao năng lực trí tuệ và năng lực tổ chức thực tiễn, đủ sức đảm đương nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới; giữ gìn phẩm chất và đạo đức cách mạng, đoàn kết nội bộ, đoàn kết nhân dân, đi sát cơ sở, đi đến những nơi khó khăn nhất, lắng nghe ý kiến của nhân dân, phát huy sức mạnh, sáng kiến của đảng bộ và nhân dân để giải quyết những vấn đề do cuộc sống đặt ra; có tinh thần cảnh giác, chủ động chống chủ nghĩa cá nhân, có lối sống lành mạnh, giản dị và tiết kiệm; đẩy mạnh chống tham nhũng, quan liêu và các biểu hiện tiêu cực khác; đấu tranh chống diễn biến hoà bình, các luận điệu xuyên tạc, vu cáo của các thế lực thù địch qua đó, góp phần thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội Đảng các cấp.

60 năm trôi qua, song những điều Người tâm huyết, những chỉ dẫn kịp thời của Người trong tác phẩm *Đạo đức cách mạng* vẫn còn nguyên giá trị. Ôn lại, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người, chính là thấm nhuần sâu sắc lời Người căn dặn: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”.

T.V.T

Một hành xuân đảo nhỏ

NGÔ THẾ LÂM

Ấy là khi những mầm hoa biển nhú lên
 Lính đảo gọi là những chùm hoa đá
 Có gì vui mà em cười rất lạ?
 Cánh hoa chạm đất liền thơm nắng gió trùng khơi

Hay là em thương lính đảo thật rồi?!
 Để nhung nhớ vươn dài theo cánh sóng
 Một lá thư xuân cũng bốn bề xao động
 Ươm nét chữ mềm nắn nót tay ngoan

Ấy là khi mùa dặt dìu trên những tán bàng vương
 Hoa trắng nở xôn xao chiều giáp tết
 Lớp lớp phong ba rộn ràng thay áo đẹp
 Xanh trời, xanh biển, xanh cây...

Xanh ngời như màu áo lính em ơi
 Khát vọng thanh xuân phập phồng rung ngực trẻ
 Khi đảo là nhà, biển là đất mẹ
 Mùa xuân nào cũng bát ngát tin yêu

Ấy là khi đàn hải âu về xây tổ ở trên cao
 Muống biển rưng rưng tím màu chung thủy
 Khi hạnh phúc nảy mầm từ những điều giản dị
 Tổ quốc cuối chân trời vẫn ấm một miền xuân...



Hẹn Xuân

NGÔ THẾ LÂM

Rốt bên thềm thảng chạp
Giọt thời gian dài dàu
Một nốt trầm vọng lại
Ngân khúc đời biển dàu

Khúc buồn vui thăm thẳm
Xuôi lenh đênh phận người
Ngày cuối năm nhất được
Một nụ cười tình khôi

Hồn chợt xanh như cỏ
Lòng bỗng hiền như mây
Gọi nàng xuân e ấp
Rợp khung đời mê say...

Mưa rây từng bươm nhỏ
Ngập ngừng xuân đây thì
Cây cửa mình tách vỏ
Khơi nụ mầm xôn xao

Người về trong nắng mới
Giữa hân hoan biếc cười
Xếp nối niềm xưa cũ
Hẹn xuân về hong phơi...





2019

happy new year

Kỷ Hợi

Chúc Mừng Năm Mới
Happy New Year



*Công ty Cổ Phần Khoáng sản Quảng Trị
là bạn đồng hành tin cậy của các đối tác và khách hàng*



QMC

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN QUẢNG TRỊ

QUANG TRI MINERAL JOINT STOCK COMPANY

Add: Vinh Linh - Quang Tri * Tel: 02333.820028 * Fax: 02333.621848 * Web: www.qmc-titanium.com

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG VÀ THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIỀN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Nitro-QTMIC

CHẾ PHẨM VI SINH CẢI TẠO MÔI TRƯỜNG NUÔI TÔM, CÁ

- ✓ Phân hủy nhanh các chất hữu cơ tự nhiên: phân trùn, phân tôm và rong tảo chết
- ✓ Giảm mầm bệnh BOD, COD
- ✓ Giảm sự phát sinh H₂S và các chất độc hại như NH₃, NO₂

500g



Cung cấp các sản phẩm và giải pháp

PHẦN MỀM TỐT NHẤT

Với giá hợp lý và hỗ trợ chuyên nghiệp

BẢN TIN **Thông tin Khoa học & Công nghệ**
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ THÔNG TIN KH&CN

VIỆN QUẢN LÝ VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ THÔNG TIN KH&CN

DỊCH VỤ THÔNG TIN KH&CN

Thông tin khoa học và công nghệ là nhân tố thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển; phục vụ nêu lên trong công tác lãnh đạo và quản lý. Do đó, dịch vụ cung cấp thông tin KH&CN của Trung tâm sẽ đáp ứng đầy đủ các yêu cầu cho đối tác.

DỊCH VỤ TƯ VẤN VÀ CHUYÊN GIAO

Nghiên cứu, xây dựng, phát triển, chuyển giao phần mềm đóng gói; Phần mềm chuyên ngành; Giải pháp mạng và truyền thông; Tư vấn và triển khai xây dựng dự án, kế hoạch tổng thể ứng dụng và phát triển CNTT. Liên kết Đào tạo...

DỊCH VỤ CHẾ BẢN, IN ẤN

Với đội ngũ cán bộ kỹ thuật viên có trình độ và giàu kinh nghiệm. Trung tâm nhận thiết kế, chế bản, in ấn các ấn phẩm thông tin chuyên sâu về mọi lĩnh vực cho các đơn vị và cá nhân có nhu cầu trong cả nước.

DỊCH TẾ BỆNH CỤM GIA CẨM TỈNH QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: Khoa Khoa học và Công nghệ, Viện Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Thông tin và Thông tin KH&CN

KẾ TOÁN HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

KẾ HOẠCH CÔNG VIỆC

ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG

Tên đăng nhập: _____
Mật khẩu: _____

ĐĂNG NHẬP

• Cơ sở dữ liệu chuyên gia KH&CN

• Dịch vụ xây dựng, chuyên giao phần mềm

• Thiết kế ấn phẩm thông tin